

TỦ SÁCH BÁCH KHOA PHẬT GIÁO

NGUYỄN TUỆ CHÂN
Biên dịch



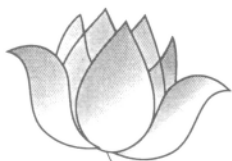
TOÀN TẬP GIẢI THÍCH HÌNH TƯỢNG HOA SEN PHẬT GIÁO



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

TOÀN TẬP GIẢI THÍCH
hình tượng hoa sen
PHẬT GIÁO

TỦ SÁCH BÁCH KHOA PHẬT GIÁO



TOÀN TẬP GIẢI THÍCH
hình tượng hoa sen
PHẬT GIÁO

BIÊN DỊCH

NGUYỄN TUỆ CHÂN



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



Hoa sen (Liên hoa hoặc Hà hoa), ở Trung Quốc cổ đại còn có tên gọi là Phù cử hoặc Phù dung, vốn là loại hoa sinh trưởng trong đất bùn đầm lầy.

Sau khi Phật giáo truyền vào Trung Quốc, về các mặt mỹ thuật hoặc văn học, hình tượng hoa sen thường xuyên xuất hiện nhất với nhiều hình dạng nhiều màu vẻ. Thực ra, không chỉ ở Trung Quốc, từ thời đại cổ xưa, hoa sen vốn đã được các dân tộc Tây phương trân trọng, thậm chí được coi là tượng trưng cho loài “cây của sự sống”.

Trong truyền thuyết cổ Hy Lạp, có thuật ngữ gọi là “thực liên nhân” (người ăn hoa sen), sau khi ăn loại hoa sen này sẽ quên hết tất cả lo buồn phiền não. Cổ Ai Cập cũng xuất hiện hoa văn vẽ hình hoa sen là loại “Thụy liên” (sen ngủ) sống ở vùng sông Nil. Người Ai Cập coi “Thụy liên” tượng trưng cho thần thánh. Vả chăng, nếu nhìn từ trên cao xuống, hoa sen có hình tròn như mặt trời, tính chất của nó cũng nở vào ban ngày khép vào ban đêm như mặt trời, do đó được coi là tượng trưng cho mặt trời và nước. Có người cho rằng, tạo hình “Thụy liên” trong bích họa Ai Cập cổ chính là nguồn gốc hoa văn sóng nước sau này lưu hành rộng rãi ở cả Đông và Tây phương.

Ở Ấn Độ cổ đại, hoa sen tượng trưng cho sức mạnh sinh sản của nữ giới, đại biểu cho sự sinh nở dễ dàng, là sự sáng tạo của sự sống và cũng đại biểu cho sự may mắn, phồn vinh,

trường thọ, danh dự hoặc tượng trưng sức sáng tạo của mặt đất, của thần thánh.

Trong thời đại Xuân Thu, Chiến quốc, Trung Quốc đã có những vật dụng tạo hình hoa sen. Đến Ngụy Tấn Nam Bắc triều, theo bước Phật giáo truyền vào Trung Quốc, hình dáng hoa sen được ứng dụng cực thịnh.

Ý nghĩa tượng trưng nữa của hoa sen trong Phật giáo rất sâu rộng. Phật Đà vốn vẫn được gọi là “hoa sen trong loài người” (nhân liên hoa), Phật Đà không bị nhiễm bởi phiền não lo buồn thế gian và mềm mại như hoa sen không dính nước như trong quyển 4 kinh “Tập A Hàm” dùng màu trắng hoa sen để ví dụ với bậc thánh, tuy sống ở thế gian nhưng không dính bụi trần dơ bẩn.

Dáng mạo đẹp dễ mềm mại của hoa sen cũng được dùng để ví dụ với hình tượng đẹp dễ viên mãn của đức Phật, như sách “Hoa Nghiêm tùy lưu diễn nghĩa sao” viết: “Chân tay Thế Tôn viên mãn như ý, màu sắc sáng sủa mềm mại như hoa sen”.

Hàm nghĩa của hoa sen phong phú như thế nên trong kinh điển thường dùng hoa sen làm vật phẩm tuyệt vời cung dưỡng dâng lên Phật Bồ Tát, đó là chưa kể hoa sen chính là vật phẩm trang nghiêm thường gặp trong Tịnh thổ Phật giáo. Trong kinh “A Di Đà” chép rằng nhân dân ở thế giới cực lạc đều hóa sinh từ trong hoa sen, do vậy thế giới cực lạc cũng hóa sinh từ hoa sen, do vậy thế giới cực lạc còn được gọi là “nước hoa sen” (liên bang) như “Quán Vô Lượng Thọ kinh” chép, Phật A Di Đà và Quan Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí an tọa trên đài sen để tiếp dẫn chúng sinh.

Quan điểm vũ trụ của Phật giáo có quan hệ mật thiết với hoa sen như phẩm “Hoa Tạng thế giới” trong kinh “Hoa Nghiêm” chép biến thể giới Hoa Tạng trang nghiêm của đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai có nhiều tầng lớp thế giới chập chồng

vô ận. “Hoa” chính là chỉ hoa sen, “Tạng” chỉ nơi cất chứa hạt hoa sen.

Ngoài ra, Thai Tạng giới trong Mật giáo cũng dùng hoa sen để ví dụ với sự khai mở “tâm liên” của chúng sinh và dùng tám cánh sen tượng trưng cho Mạn Đà La tâm chúng sinh. Đóa sen trắng thanh tịnh không nhiễm tạp cũng được dùng tượng trưng cho tự tính không nhiễm tạp cũng được dùng tượng trưng cho tự tính thanh tịnh của chúng sinh.

Trong nghệ thuật Phật giáo, hoa văn hoa sen lại càng giữ vai trò quan trọng, từ đài sen của Phật Bồ Tát, đến hào quang, tháp Phật, bia đá hầu hết đều có hình dáng hoa sen.

Sách này tập trung giới thiệu hoa sen của Phật giáo, mong rằng từ một góc độ có thể giúp bạn đọc hiểu rõ hơn Phật giáo. Dù sao, cũng phải thú nhận rằng, dù chỉ từ một góc độ hạn chế ấy thôi, người giải thích cũng không dám nhận đã thấu triệt trọn vẹn vì với trình độ Phật học sơ cơ, chắc chắn sách sẽ còn nhiều sơ xuất. Rất mong được các bậc thiện tri thức chỉ giáo.

Các thuật ngữ Phật giáo thường dùng trong sách, được gom lại giải thích trong phần “Phụ lục” in ở cuối sách để độc giả tiện tham khảo.



Tòa hoa sen của Phật, Bồ Tát (chùa Pháp Long, Nhật Bản)



Vật dụng Xá Lợi tạo hình hoa sen



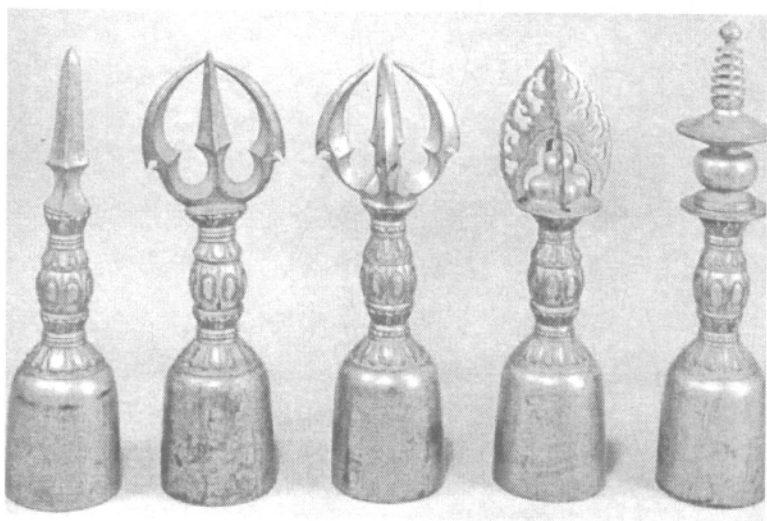
Hoa sen thường được dùng trang nghiêm cúng dường Phật (triều Thanh)



Hoa văn hoa sen bích họa trong động đá



Lư hương (bát nhang) trang trí hoa sen (cuối đời Minh)



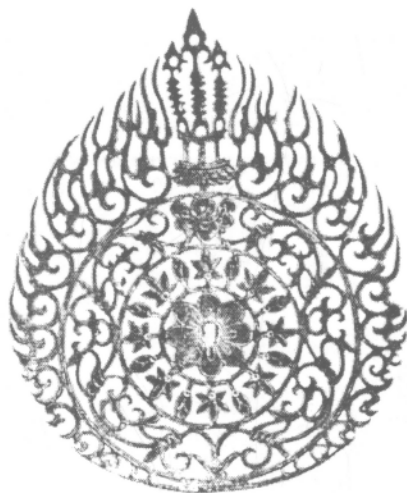
Chuông Kim Cang Mật giáo thường trang trí hoa văn hoa sen



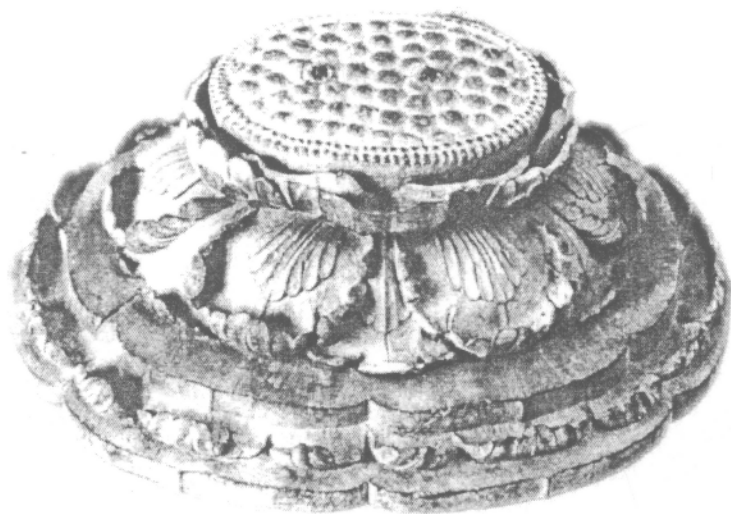
Chén vẽ hình chim Uyên ương nằm cạnh hoa sen (triều Minh)



Tranh vẽ hoa sen sinh con quý



Kim Đồng Phật quang bối
(ánh sáng sau lưng đức Phật)



Toà sen bằng gỗ bạch đàn



Hoa văn hoa sen (tranh tường ở hầm mộ tỉnh Cát Lâm)



Ngói góc (Bảo tàng nhà nước, Nại Lương, Nhật Bản)

Chương I

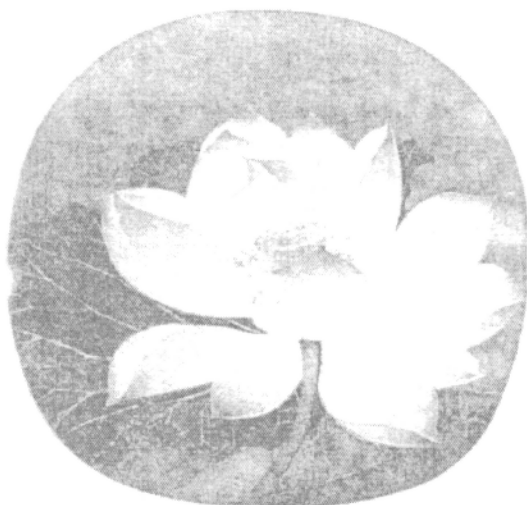
Thế giới của hoa sen

Trong Phật giáo hoa sen tượng trưng cho thanh tịnh, tinh khiết của bậc thánh và cát tường; đặc biệt hoa sen từ bùn nhơ mà không bị nhiễm bẩn, xứng đáng được ví dụ với Phật Bồ Tát ở trong thế gian mà vẫn thanh tịnh vô nhiễm.

Thực ra, hoa sen không chỉ giữ vai trò quan trọng trong Phật giáo, từ xưa đến nay, văn minh nhân loại vốn vô cùng trân trọng hoa sen, đem đến cho nó nhiều nội hàm phong phú, tinh khiết.

HOA SEN VÀ VĂN MINH NHÂN LOẠI

Bắt đầu từ thời đại thượng cổ xa xưa, hoa sen đã được các dân tộc Tây phương trân trọng. Sử thi Hy Lạp có chép truyền thuyết trên một đảo nhỏ nọ từng trồng đầy hoa sen, dân sống trên đảo ăn toàn hoa sen nên được gọi là “lotus eater”, ăn hoa sen, họ quên hết cả buồn lo, nhưng đồng thời cũng không còn ý chí tiến thủ gì nữa.



Hoa sen tượng trưng thanh tịnh, thánh khiết, cát tường

Ai Cập cổ cũng đã có nhiều ghi chép về hoa văn hình vẽ hoa sen. Thủy liên – loại hoa sen sinh trưởng ở sông Nil, được người Ai Cập xem là hoa của thần thánh; đối với các dân tộc ở sa mạc, nước là thứ trân quý nhất, mà hoa sen sinh trưởng ở trong nước, chính là tượng trưng của sự tôn quý. Vả lại, nếu nhìn từ trên xuống, hình dạng của nó giống như mặt trời, sáng sớm nở ra, chiều tối khép lại là những tính chất cũng giống như mặt trời, cho nên ở Ai Cập hoa sen được xem như là tượng trưng của mặt trời và nước.

Vào năm 1579 – 1315 trước công nguyên, trên bích họa “Đình Viên”, trong một ngôi mộ của vương triều thứ 18 của Ai Cập, theo truyền thuyết những hình vẽ trong đó chính là Lạc viên lý tưởng của thế giới tương lai, trung ương của bích họa đó vẽ một hồ nước mọc đầy hoa sen với các loại thủy cầm, cá bơi lội tung tăng.

Cũng vương triều thứ 18, nhưng trong một bích họa khác là bức “Yến Lạc Đồ”, nhân vật trong bích họa tay cầm hoa sen.

Còn ở Ấn Độ cổ đại, hoa sen tượng trưng cho năng lực sinh thực của nữ giới, đại biểu cho sự đa sản, sự sáng tạo về lực lượng sức sống, đồng thời cũng là tượng trưng cho của sự bội thu mùa màng, cho thần thánh và cho sự bất tử.

Ấn Độ từng khai quật được bức tường “Liên chi nữ thần “ (nữ thần hoa sen) 3000 năm trước công nguyên, trong kinh điển Bà La Môn tối cổ của văn hóa Ấn Độ “Phệ Đà” (Veda) có ghi chép vị nữ thần này đứng trên hoa sen.

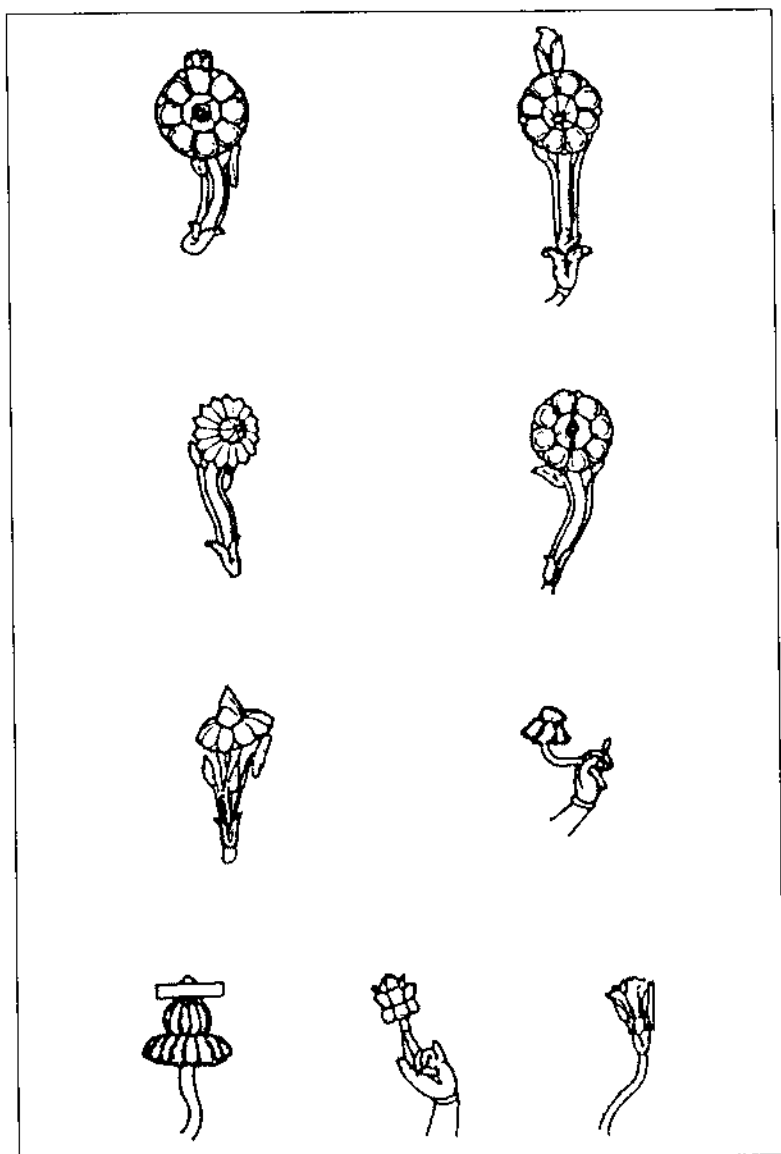
Các truyện thần thoại được ghi chép trong bộ sử thi “Ma Ha Bà La Đa” (Mahatabrava) của Ấn Độ ghi, vào thuở ban đầu khi mới khai thiên lập địa, từ rốn của Thiên thần Tỳ Thấp Nô (Vishnou) mọc ra một đóa sen, trong đóa sen có đấng sáng tạo vũ trụ Phạm Thiên (Bhrama) ngồi kiết già, sau đó ngài mới sáng tạo ra vạn vật. Ngoài ra, trong thần thoại này cũng dùng hoa sen tượng trưng cho Vishnou và người phối ngẫu của ngài. Ngoài ra cũng có người dùng hoa sen làm một trong thất bảo của Đa Văn Thiên (Kubera).



Tranh yến ẩm vui chơi vương triều thứ 18 – Ai Cập



Nữ thần hoa sen (Liên hoa nữ thần), Ấn Độ



Hình các loại hoa sen cầm tay điêu khắc đá, Ấn Độ

Hoa sen đồng thời cũng là quốc hoa của Ấn Độ, vào những ngày lễ tết, trong nghi thức của người Ấn Độ thường dùng hoa sen để trang trí. Ví dụ trong lễ kết hôn, hoa sen thường được lấy làm vật trang sức. Huân chương tối cao của Chính phủ Ấn Độ, cũng được gọi là “Liên hoa chi sức” (trang sức bằng hoa sen).

Ngoài trừ hoa sen có trong dân gian, trong kinh Phật cũng ghi chép về hoa sen trên trời, rất lớn và bất khả tư nghị, cũng như tòa sen trang nghiêm của đức Phật.

Trong kinh điển ghi rằng: hoa sen của dân gian lớn nhất cũng không hơn một thước, còn hoa sen trên trời lớn như bánh xe; liên hoa mọc ở thiên cung lại còn lớn hơn nữa, nên có thể xếp bằng ngôi kiết già trên đó. Trong các tòa ngôi của Phật, Bồ Tát, thường gặp nhất vẫn là đài hoa sen.

HOA SEN PHẬT GIÁO

Hoa sen là vật trang nghiêm thường thấy của Tịnh thổ Phật quốc. Trong đó được mọi người biết nhiều nhất, chính là hoa sen của thế giới Cực Lạc. Hoa sen của Cực Lạc Tịnh thổ, được sinh trưởng trong Bát công đức thủy của ao Thất Bảo, hoa sen trong ao đó lớn như bánh xe và có các màu sắc khác nhau như xanh, vàng, đỏ, trắng... với tư thế vi diệu, hương thơm ngào ngạt, trong trẻo. Trong bộ “Tu Trì A Di Đà Phật Tịnh Thổ Pháp Môn” ghi rằng, hành giả tu trì pháp môn Tịnh thổ khi lâm chung, thường có thể cảm được Phật và Bồ Tát tay bưng đài sen đến tiếp dẫn.

Trong kinh Phật, thường xuyên dùng hoa sen để ví dụ cho sự thù thắng của Pháp môn, trong đó nổi tiếng nhất chính là “Diệu Pháp Liên Hoa kinh”, dùng hình tượng hoa sen mọc lên từ trong bùn đất vẫn không bẩn dơ, để ví dụ cho sự thù thắng của “Pháp Hoa kinh” nơi Ta Bà thế giới. Còn về mặt giáo

nghĩa, lại cũng dùng Liên Hoa tam dụ để chỉ rõ tông chỉ của “Pháp Hoa kinh”.

Ngoài ra, Thai Tạng giới của Mật giáo, cũng lấy hoa sen để ví dụ cho sự khai mở tâm liên của chúng sinh, dùng Trung đài bát diệp viện để tượng trưng cho tâm của chúng sinh cũng là Mạn Đà La của chư Phật.

Do đặc tính sinh trưởng của hoa sen, nên thường xuyên được dùng để ví dụ sự thanh tịnh, tôn quý... là những tượng trưng của sự chính diện quang minh. Kinh “Trường A Hàm” coi hoa sen thanh thuần trên mặt nước, để ví với bậc thánh giả đã siêu thoát khỏi sự nhiễm bẩn của thế gian, hoặc coi hình ảnh những giọt nước từ hoa sen nhỏ xuống ví với sự biến mất của u sầu. Và ở Ấn Độ, hoa sen cũng được xem như tượng trưng cho các vị thần.

Thánh địa nơi đức Thích Tôn thành đạo, đại tháp phía bên phải của Bồ Đề Già Gia, có đặt các thạch đài hình hoa sen. Các đài sen này theo truyền thuyết có nguồn gốc: sau khi đức Thích Tôn thành đạo, khi ngài đi kinh hành, các hoa sen này nở ra theo từng bước chân ngài.

Thạch trụ của vua A Dục (Asaka, trị vì vào những năm 268-232 trước công nguyên) nổi tiếng của Ấn Độ, đặt trên tòa có hình dạng hoa sen. Điều khắc sư tử trên quốc huy của Ấn Độ ngày nay, lấy từ hình ảnh sư tử trên đỉnh thạch trụ của vua A Dục.



Hoa sen trên trụ đá vua A Dục

Trong bộ “Vô Lượng Thọ kinh” ghi rằng: Bảo Liên Hoa của thế giới Cực Lạc có bách thiên ức cánh sen, từ các cánh sen phát ra vô lượng quang minh, từ trong mỗi một tia sáng đó xuất hiện vô lượng vị Phật. Trong “Đại A Di Đà kinh” ghi, chúng sinh của thế giới Cực Lạc, đều được hóa sinh trong hoa sen.

Vũ trụ quan của Phật giáo có quan hệ mật thiết với hoa sen. Trong “Hoa Nghiêm Thế Giới phẩm” bộ “Hoa Nghiêm kinh” ghi, Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới hải của Tỳ Lô Giá Na Như Lai, an trú trong hoa sen của Hương Thủy Hải, đất đai nơi đó có vô tận hương thủy hải, cấu thành thế giới tầng tầng vô tận.

Trong các kinh điển nguyên thủy, thường dùng hoa sen để ví với các bậc thánh, còn trong Phật giáo Đại thừa, hoa sen thường tượng trưng cho cho Bồ Tát. Ví dụ trong bộ “Duy Ma Cật sở thuyết kinh” ghi rằng, ví như ở cao nguyên, lục địa không bao giờ hoa sen mọc, mà nó được mọc ra từ trong bùn lầy ẩm thấp, điều đó cũng ví như người kiến pháp vô vi mà nhập chính vị, luôn luôn không sinh Phật pháp, chỉ có trong bùn nhơ của phiền não, cũng tức là chỉ có trong chúng sinh, mới có thể sinh khởi Phật pháp.

HOA SEN TRUNG QUỐC

Từ thời thượng cổ xa xưa, “kinh Thi” của Trung Quốc đã có ghi chép về hoa sen, ví dụ: “Trên núi có Phù Tô, nơi ẩm thấp có hoa sen” (Sơn hữu phù tô, thấp hữu hà hoa), hoặc “nơi đầm lầy ẩm thấp có cỏ bồ và hoa sen” .

Trong “Nhĩ Nhã - Thích Thảo” ghi: Hà, hay còn gọi là Phù Cừ, Liên Hoa là quả thật của nó, hạt sen gọi là “Địch”, mầm ở giữa hạt sen gọi là “Ý”, hoa gọi là “Phù Dung”, nụ hoa gọi

là “Hàm Đan”, lá gọi là “Hà”, cuống thân gọi là “Già”, gốc gọi là “Mật” là bộ phận cắm vào trong bùn của thân cây Hà, phần rễ gọi là “Ngẫu”.

Bộ “Chánh Tự Thông” do Trương Tự Liệt thời Minh trước tác ghi: “Người phương Bắc gọi hoa sen là Hà, nay tục gọi Hà đều là chỉ hoa sen”. Ngoài ra, còn có các danh xưng khác dùng để chỉ hoa sen như: “Thủy Hoa”, “Thủy Phù”, “Ngọc Hoa”, “Thủy Chi”, “Phật Tòa Tu”...

Vào đời Chu, ứng dụng tạo hình hoa sen trong mỹ thuật đã rất lưu hành, đạt trình độ nhất định về phương diện phối trí và tạo hình mẫu hoa văn.

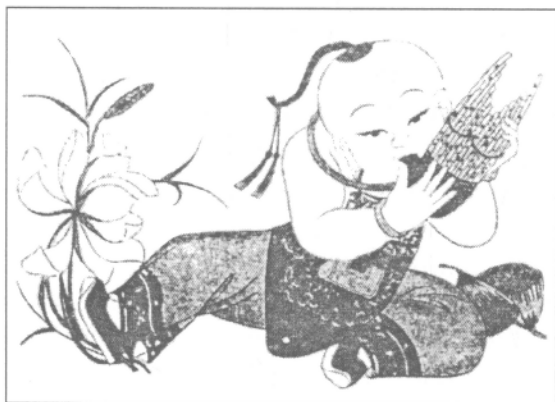
Thời thịnh nhất của hoa văn về hoa sen ở Trung Quốc bắt đầu từ sau đời Ngụy Tấn, trải qua thời Nam Bắc triều, tới sau thời Tùy Đường, sản sinh ra sự biến hóa mới. Ví dụ như: “Phan Li Văn Liên Hạc Phương Hồ” là cái bình bằng đồng đen vào cuối thời kỳ Xuân Thu được khai quật tìm thấy ở Tân Trịnh – Hà Nam, có nắp bình dùng hoa sen, chim hạc để trang trí, trên nắp có đúc những cánh sen hai tầng với đầu cánh hoa hướng ra ngoài, trên tầng trong của cánh sen đều khắc hoa văn trang trí, ở giữa có hai con tiên hạc đứng. Cách dùng cánh sen làm trang sức cho nắp vật dụng bằng đồng đen này, rất lưu hành vào đương thời, ngoài ra như bình Thái Hâu, bình Tuần Quân Đôn Tử, Liên biện hoàn đối văn... đều là những ví dụ tương tự.

Sự thịnh hành của hoa văn về hoa sen sau này, có quan hệ mật thiết với sự truyền vào Trung Quốc của Phật giáo. Trong dân gian, hoa sen cũng tượng trưng cho cát tường, như “Liên sinh quý tử đồ”, chính là lấy việc đài sen có nhiều hạt sen (Liên phòng đa tử), một phương diện khác lại lấy sự đồng âm của hoa sen (Liên) với sự liên tục, mà trở thành tranh vẽ cho sự cát tường theo truyền thống Trung Quốc.

Ngoài ra, ở Trung Quốc hoa sen rất được các văn nhân yêu thích, là loại hoa thường bắt gặp trong thi từ ca phú.

“Ái Liên Thuyết” của nhà Nho thời Tống Chu Đôn Di, có thể cho thấy nguyên nhân về sự yêu thích của văn nhân đối với hoa sen: “Hoa của thảo mộc trên bờ dưới nước, có nhiều loại để yêu thích; Đào Uyên Minh đời Tấn chỉ yêu hoa Cúc, từ thời Đường, người đời lại rất yêu Mẫu Đơn; còn ta chỉ yêu hoa sen vì nó sinh ra từ bùn lầy mà không nhiễm, trong sạch thanh thoát mà không lờ lợt, bên trong thông suốt bên ngoài thẳng thắn, không rườm rà, hương thơm tỏa ra xa mà nhẹ nhàng, mọc thẳng vút cao mà trong sạch, có thể ngắm từ xa mà không thể khinh nhờn chơi đùa”. Trong bài văn nói về nguyên nhân mà ông yêu thích hoa sen, vì hoa sen mọc nơi bùn lầy mà không nhiễm, đẹp trong sáng mà không yêu mị, còn thân bên trong thông suốt, bên ngoài ngay thẳng, không bám leo, không nhiều cành, hương thơm từ xa càng thanh tịnh, chỉ có thể nhìn xa mà không thể sờ chạm, có phong thái của người quân tử.

Ông dùng hoa Cúc để tượng trưng cho ẩn sĩ, dùng Mẫu Đơn để ví về người giàu sang, còn dùng hoa sen để tượng trưng cho người quân tử.



Hình vẽ hoa sen sinh con quý
thuộc truyền thống cát tường Trung Quốc

Các văn nhân nhà sĩ của Trung Quốc gọi hoa sen là “quân tử trong các loài hoa”, Phật giáo xem hoa sen là vĩ đại nhất, thù thắng nhất trong các loài hoa, và gọi là vua của các loài hoa, là vô lượng sắc tướng công đức tự sở trang nghiêm, có thể là y chỉ của nhất thiết pháp, do đó hoa sen cũng ẩn dụ cho diệu pháp chí cao vô thượng của Phật giáo. Do hàm ý tượng trưng này, hoa sen được Phật giáo sử dụng ở rất nhiều tầng diện trong kinh điển, và vận dụng rộng rãi trong các trang trí hoa văn bằng hoa sen của mỹ thuật Phật giáo.

Trong các tác phẩm thi ca có liên quan đến Phật giáo vào thời Đường, các tên gọi của hoa sen được thi nhân sử dụng có các chữ “Liên”, “Hà”, “Phù Cừ”, “Hàm Đan”, “Phù Dung”, “Ngẫu Hoa”, “Ưu Bát La Hoa” và rất nhiều dụng ngữ khác nữa.

“Liên” cũng là danh từ, ngữ cú dùng để tu sức trong biểu hiện của các vật kiến trúc, nhân vật, kinh kệ... của Phật giáo, như dùng “Liên cung”, “Liên vũ”, “Liên giới”, “Liên cảnh”, “Liên xá” để chỉ chùa Phật và tịnh xá, dùng các ngữ cú của như “Liên khách”, “Liên hoa tăng”, “Thanh liên cư sĩ”... để gọi tăng nhân.

Trong tác phẩm thi ca có liên quan đến Phật giáo, các loại hoa thi nhân thường vận dụng, hoa sen chiếm tỉ lệ cao nhất. Do đó chúng ta có thể thấy được hoa sen đã được phát triển thành một thể giới vô cùng phong phú ở Trung Quốc.

HOA SEN TRONG THỰC VẬT HỌC

Hoa sen còn được gọi là Hà hoa, trong thực vật học, hoa sen có tên tiếng Anh là Lotus, đó là tên gọi chung của mấy loại thực vật khác nhau, ví dụ như hoa sen Hy Lạp cổ nói đến, là Táo Liên (Zizi phus lotus), cây nhỏ mọc um tùm, có nguồn gốc ở Nam Âu; quả rất lớn, trong chứa tinh bột, có thể chế

thành bánh mì hoặc các thức uống lên men, rượu nấu từ hoa này có thể giúp con người thỏa mãn và quên buồn.

Liên Ngẫu (Ngó sen)

Liên ngẫu là phần thân ở dưới bùn đất của hoa sen có thể ăn được, mọc lan ở dưới nước trong bùn, hình tròn dài, có những đốt to, trong có rất nhiều lỗ, có tác dụng để thông khí; các đường ren dẫn nước cũng rất phát triển, cắt đôi ngó sen có thể nhìn thấy rất nhiều sợi màu trắng, đó chính là nguồn gốc của câu thành ngữ “Ngẫu đoạn tư liên” (ngó đứt tư vương, đầu lia ngó ý còn vương tư lòng).

Khi lá sen chưa bung ra, cuộn lại như cái ly, sau khi bung ra thường nổi lên mặt nước; đế hoa hình chùy tròn, phía trên bằng phẳng, có các lỗ nhỏ hình tổ ong, trong lỗ có chứa một hạt sen nhỏ, đó gọi là “Liên bông” (Hương sen).

Thụy Liên là loại thực vật giống như hoa sen. Lá của hoa sen này có hình trứng của tim, hoặc trứng hình bầu dục, phần gốc có đường cong khuyết rất sâu; hoa nhỏ và có màu trắng, quả là loại có nhiều nước, bị đài hoa bọc lấy không có liên bông; hạt có nhân, có lớp da bọc giả hình túi.

Hoa sen không chỉ là một loại thực vật mọc ở nước thường thấy dùng để ngắm, mà còn có rất nhiều công dụng về kinh tế như: giá trị dinh dưỡng của ngó sen rất cao, Hà



Tranh ngó sen
(của La Sinh đời Thanh)

diệp, liên tu, ngẫu tiết, liên tử tâm và thạch liên tử... đều là những vị thuốc Đông y nổi tiếng. Do đó, ở những nơi tụ tích nước quanh năm như ao hồ hoặc xung quanh ruộng nước ta đều có thể trồng một lượng lớn hoa sen.

Liên Tử (Hạt sen)

Hạt của hoa sen gọi là Liên tử, có hình bầu dục tròn, dài khoảng 1,5 đến 2mm, bên ngoài có màu nâu đen, trơn láng, có vật chất dạng bột màu xám trắng, sau khi tách bỏ vỏ, có thể thấy bên trong lớp vỏ mỏng và thơm, màu vàng nâu. Lá mầm có hai phiến, màu vàng trắng, rất dày dặn, ở giữa có thể nhìn thấy mầm, mầm rễ, mầm thân, lá non màu xanh vàng. Hạt sen và lá mầm có vị hơi ngọt, còn bộ phận màu xanh lại rất đắng. Thành phần chủ yếu có đường miên tử (raffinose), Hà liên kiềm (nelumbine) và Thiên môn đông tiên an (axyla amin). Thường được dùng làm dược liệu hoặc dược phẩm.

Liên tử mọc ở trong đế hoa của hoa sen, đế hoa từ sau khi cánh hoa rụng, nhô ra dài sen có hình chùy tròn ngược được gọi là “Liên bông”, trong đài sen có rất nhiều lỗ nhỏ, trong mỗi một lỗ nhỏ đó có chứa một hạt liên tử. Đợi khi liên tử chín, những người hái sen sẽ chèo thuyền đi hái lấy đài sen, bóc bỏ lớp vỏ cứng, sau khi bỏ tim sen có thể đem hạt bán.

Thơ cổ có rất nhiều tác phẩm miêu tả hình ảnh hái đài sen, như bài “Tây châu khúc” của thời kỳ Nam Bắc triều viết:

Thái Liên nam đường thu,

Liên hoa quá nhân đầu.

Đề đầu lộng liên tử,

Liên tử thanh như thủy.

(Mùa thu đi hái sen,

Sen mọc cao quá đầu,

Cúi đầu đùa với sen,
Sen thơm trong như nước).

Các món ăn chế biến từ hoa sen

Ngó sen ngoài trừ việc có thể chế thành trà ngó sen, còn là một trong những thức ăn rất ngon. Lá sen ngoài được dùng để thưởng thức, còn được dùng để gói thực phẩm, hạt sen ngoài việc dùng làm thuốc, cũng là một món điểm tâm tuyệt vời. Do đó trong “Mao Đình Khách Thoại” do Hoàng Hưu Phúc người Nam Tống trước tác, xưng tụng nhiều công dụng của hoa sen: “Sen có bốn điều tuyệt vời, rễ làm rau, hoa để ngắm, quả thì đặc, lá làm muống, có bốn điều tuyệt vời này, hoa đẹp để thưởng lãm ở trước đình vườn ao hồ; rong, tảo, bông súng không thể sánh được” (Ngẫu hữu tứ mỹ, căn vi thái, hoa vi ngoạn, thực vi quả, diệp vi chức, cụ thủ tứ mỹ, trì chiếu đình giám chi tiên vi thụ thảo, bình, tảo, hanh bất đắc dĩ mâu dã).



Hoa văn hoa sen thường gặp trên đồ gốm Trung Quốc
(bình lớn đời Thanh vẽ hoa sen)

Hoa sen cũng có thể làm thành rất nhiều món ăn ngon, ví dụ: cháo hạt sen chính là món ăn vặt nổi tiếng trong trà quán Bắc Kinh, đó là món ăn cho thêm hạt sen, nho khô, hạnh đào và đường trắng vào trong cháo, có dinh dưỡng rất phong phú, mùi vị tuyệt vời.

Ngoài ra, còn cháo lá sen có phong vị rất đặc thù, khi cháo đã được nấu nhừ, dùng một phiến lá sen đã rửa sạch đặt phủ lên nắp nồi, mùi thơm nhẹ của lá sen sẽ thấm vào trong cháo, trở nên cháo lá sen có phong vị độc đáo.

Trong “Phù sinh lục ký” ghi có “Trà hương sen”: vào tháng hè khi hoa sen mới nở, ban đêm cụp lại, ban ngày nở ra... dùng vải sa nhúm một ít lá trà, bỏ vào giữa hoa, sáng hôm sau lấy ra, dùng nước sôi pha trà, vị thơm ngào ngạt rất tuyệt diệu”.

Bỏ lá trà đựng vào túi vải, nhân khi sen nở bỏ vào trong hoa sen, đợi chiều tối hoa sen sẽ khép lại, sáng ngày thứ hai lấy ra, lá trà sẽ có mùi thơm của hoa sen. Ngày nay cũng dùng hoa sen, tim sen phơi khô, trực tiếp pha trà, không những mùi vị thơm ngát, mà còn có công hiệu giải độc hạ hỏa.

Bột ngô sen cũng là một loại thực phẩm được chế biến từ sen thường gặp, có thể mài thành bột đem phơi khô để cất giữ, lúc nào cũng có thể dùng nước sôi trộn khuấy để ăn, vừa mát vừa tiêu thử (hết nóng). Trong “Tuân Sinh Bát Tiển” của Cao Liêm đời Minh có một đoạn nói về “Bột ngô sen”, thuật lại cách làm như sau: Lấy ngô sen loại thô, nhiều ít không hạn chế, rửa sạch, cắt thành khúc, ngâm nước ba ngày đêm, mỗi ngày thay nước, khi đã sạch nhớt, vớt ra, đảo thành bột nhão, dùng vải chắt lấy nước, lại đem xác ngô sa băm nhỏ, vắt nước cho ra hết chất độc, hòa vào một ít nước sạch rồi khuấy lên, sau đó lọc sạch nước, còn lại là chất bột dùng rất tốt”.

Hoa sen cũng được vận dụng làm vật trang trí trong kiến trúc. Từ thời Ai Cập cổ đến nay thường dùng để trang trí đỉnh trụ, cũng là vật điêu khắc trang trí phần gốc của Á Thuật

thánh thụ và ở phần đỉnh bia của Phi Ni Cơ thạch bia, tạo hình của cách trang trí này về sau trở thành trụ hình châu Á thường áp dụng.

CHỦNG LOẠI CỦA HOA SEN

Hoa sen ghi trong kinh điển, có bốn loại là Bát Đầu Ma Hoa, Ưu Bát La Hoa, Câu Vật Đầu Hoa và Phần Đà Lợi Hoa.

Bát Đầu Ma Hoa:

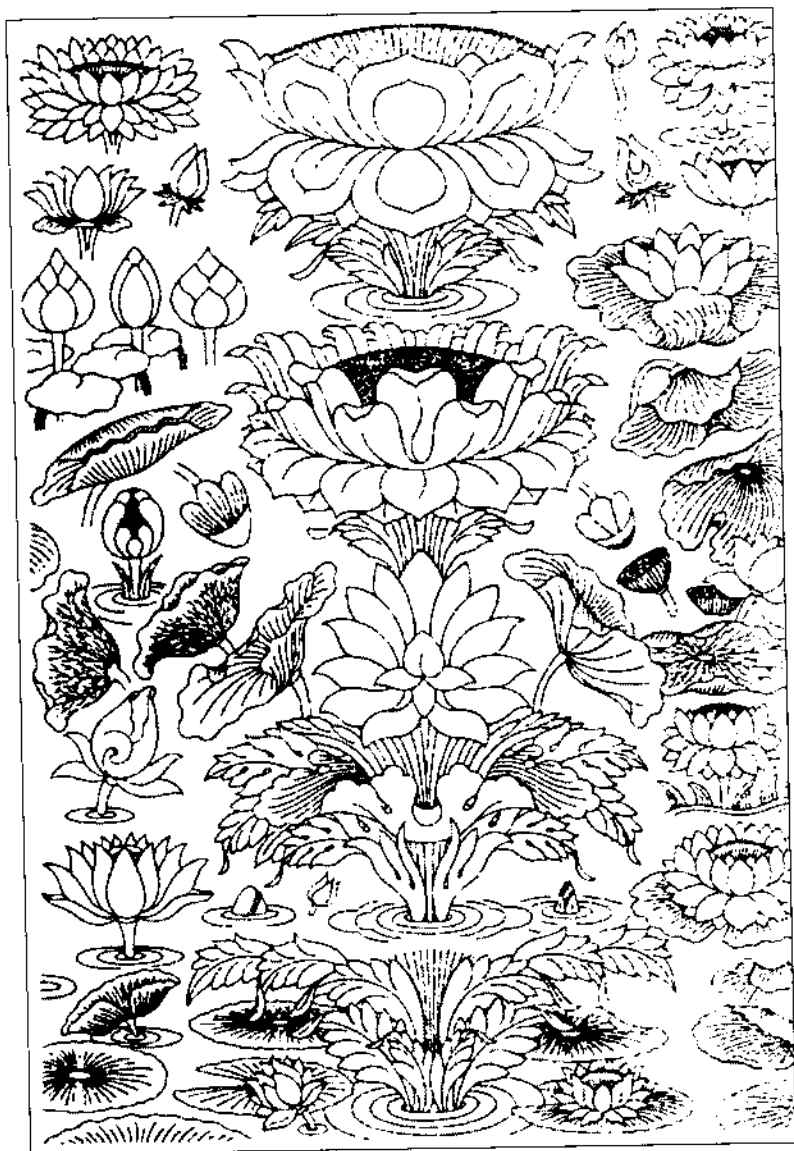
(Phạn danh Padma), còn gọi là Bát Đàm Ma Hoa, Bát Đặc Ma Hoa, Bàn Đầu Ma Hoa, Bát Nỗ Ma Hoa, Bát Đàn Hoa, Bát Mộ Hoa. Dịch là Xích liên hoa, Xích liên, Hồng liên hoa, Xích Hoàng liên hoa, Hoàng liên hoa, có hai màu trắng, đỏ. Trong “Pháp Hoa kinh” có một câu vô cùng nổi tiếng: “Bất nhiễm thế gian pháp, như liên hoa tại thủy” (Phật pháp không bị thế gian ô nhiễm, như hoa sen mọc trong nước). Ở đây được dùng để ví với chư Bồ Tát như hoa sen từ đất vọt ra, được Phật thọ ký hộ trì “Pháp Hoa kinh”.

Câu Vật Đầu Hoa:

(Phạn danh Kumuda), còn được gọi là Câu Mâu Đầu Hoa, Câu Văn Đầu Hoa, Câu Văn La Hoa. Dịch là Bạch liên hoa, Địa Hỷ hoa, tức là Thụy liên có màu trắng hoặc đỏ, cũng có khi thêm hai màu vàng, xanh.

Phần Đà Lợi Hoa:

(Phạn danh Pundarika), còn được gọi là Phần Đà Lợi Hoa, Phần Đà Lợi Già Hoa, Bôn Đà Lợi Hoa, Bản Na Li Già Hoa. Dịch là Bạch Liên hoa, cũng còn gọi là Bách Diệp Hoa,



Hoa sen, một loại hoa thường thấy nhất
trong kinh điển Phật giáo

Diệu Hảo Hoa. Cũng là một loại Thụy liên màu trắng. Là Thanh Tịnh Vô Cấu Phật không bị phiền não nhiễm ô, còn Pháp tánh được ví như Phần Đà Lợi Hoa. “Bi Hoa kinh”, “Diệu Pháp Liên Hoa kinh” chính là dùng hoa này đặt tựa của kinh.

Quyển 15 của bộ “Đại Nhật Kinh Sớ” viết:

Tam Tạng thuyết, Tây phương liên hoa có nhiều loại, một là Bát La Hoa. Lại chia làm hai loại, một loại màu đỏ, tức là hoa sen trên thế gian này; loại thứ hai màu trắng, nay ở thế gian có Bạch Liên là loại này. Ưu Bát La cũng có hai màu đỏ, trắng, lại có loại không đỏ không trắng, hình dạng giống với Nê Lô Bát La Hoa. Cự Vật Đầu, có hai loại đỏ, xanh. Lại viết: Cự Vật Đầu là hoa sen màu xanh. Nê Lô Bát La, loại sen mọc từ phân trâu, rất thơm, là hoa sen do ngài Văn Thù cầm, hình giống Thanh Liên cũng có màu xanh.

Trong “Vô Lượng Thọ kinh”, miêu tả cảnh giới của thế giới Cực Lạc, viết, ở Dục Trì có Thiên Ưu Bát La Hoa (Utpara), Bát Đàm Ma Hoa (Padma), Câu Vật Đầu Hoa (Kumuda), Phần Đà Lợi Hoa (Pundarika), tạp sắc sáng rực đẹp đẽ, nở rộ trên mặt nước.

Quyển thứ 3 bộ “Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập” viết:

Ưu Đàm Bát La, hoa này gọi là Thụy Ứng. Trong kinh Bát Nê Hoàn nói, trong cõi Diêm Phù Đề có vua của các loại cây, tên là Ưu Đàm Bát, có quả không hoa. Cây Ưu Đàm Bát, nếu nở kim hoa ắt thế gian có Phật ra đời... Phần Đà Lợi, hoa này gọi là Bạch liên hoa. Nhưê Sư nói: Khi hoa này chưa nở tên là Khuất Ma La; khi sắp rụng tên là Già La La; còn khi đang nở rộ, tên là Phần Đà Lợi. Hình dạng thay đổi theo thời gian, tên gọi thay đổi theo màu sắc, nên có ba tên gọi. Ưu Bát La, hoặc Âu Bát La, hoặc Ôn Bát La, tên gọi là Thanh Liên hoa. Ưu Bát La Bàn Ma Nữ, được sinh ra trong Thanh Liên hoa. Bát Đặc Ma, tên là Hồng Liên hoa. Câu Vật

Đầu, là Địa Hỷ hoa. Còn gọi là Câu Mỗ Đà, tên là Hoàng Liên hoa.

Ưu Bát La Hoa:

(Phạn danh Utpala), còn tên Ưu Bát hoa, Ô Đát Bát La hoa, Ưu Long La hoa. Dịch là Thanh Liên hoa, Đại hoa, Hồng Liên hoa. Có các màu xanh, đỏ, trắng. Trong đó nổi tiếng nhất là hoa màu xanh, tức là Nê Lô Bát La Hoa, dịch là Thanh Liên hoa (Hoa sen xanh).

Hoa sen ngoài việc được ví với sự thánh khiết, cao quý, cũng được dùng làm tên gọi của Địa ngục:

Trong các hoa sen, thông thường hoa sen đỏ là chỉ Bát Đầu Ma hoa, trong Bát Hàn địa ngục, có Bát Đầu Ma địa ngục, Ma ha (tức là lớn), Bát Đầu Ma địa ngục, dịch là Hồng Liên địa ngục, Đại Hồng Liên địa ngục. Đó là do chúng sinh ở trong địa ngục này, máu thịt lẫn lộn, cơ thể có màu của máu đỏ, nên được ví như hoa sen đỏ.

Ưu Bát La hoa của Thanh Liên hoa, trong Bát Hàn địa ngục cũng gọi là Ưu Bát La địa ngục, do băng tuyết hòa cùng màu nước xanh, hoặc do hơi lạnh khiến làn da tái lại thành màu xanh, nên gọi là Ưu Bát La địa ngục. Một trong Bát đại long vương là Ưu Bát La Long vương, do nơi ở trong đầm hồ Ưu Bát La sinh trưởng, nên lấy hoa này làm tên.

Phân Đà Lợi hoa của Bạch Liên hoa, loại này có bách diệp (trăm cánh), mỗi cánh liên tiếp nhau, tròn trĩnh khả ái, cánh ngoài cũng rất trắng, càng vào trong thì màu chuyển dần hơi vàng cho đến cánh trong cùng gần như màu ngọc (gần như màu xanh).

Ngay Thanh Thủy Liên hiện nay có ở Ấn Độ, Ai Cập, Thanh Thủy Liên của Ấn Độ là loại Ưu Bát La hoa, Thanh Thủy Liên của Ai Cập là loại Nê Lô Bát La hoa. Thủy Liên

của Hồng Liên hoa và Bạch Liên hoa ở Ấn Độ, có thể xếp vào thuộc loại sen Câu Vật Đầu hoa (Kumuda).

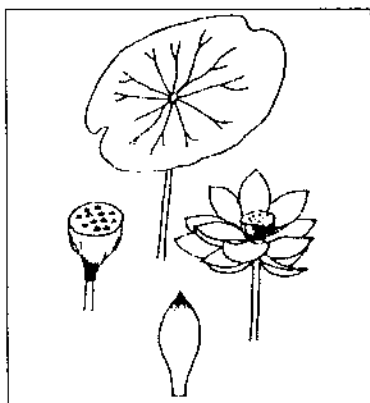
Sau đây sẽ phân biệt Phần Đà Lợi hoa, Câu Vật Đầu hoa, Bát Đầu Ma hoa và Ưu Bát La hoa.

Phần Đà Lợi hoa:

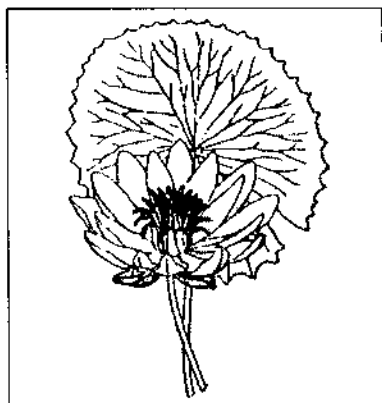
Phần Đà Lợi hoa (Phạn danh Pundarika) là một loại của Bạch sắc Thùy Liên, còn được gọi là Phần Đà Lợi Già, Phần Đà Lợi Già, Phần Đà Lợi, Bôn Đà Lợi Già, Bôn Đà Lợi, Bôn Na Li Già. Dịch là Bạch Liên hoa, lại gọi là Bách Diệp hoa (satapatra).

Phần Đà Lợi cùng một loại sen khác là Câu Vật Đầu hoa, đều được gọi tên Bạch Liên hoa. Để phân biệt giữa hai loại này, đặc biệt nên gọi Phần Đà Lợi hoa là Đại Bạch Liên hoa. Bạch Liên hoa có năm loại đặc tính: (1) Hương thơm tỏa rất xa; (2) Một thân chỉ có một bông (đơn hoa); (3) Hoa quả đồng thời; (4) Không nhiễm bùn lầy; (5) Ong tụ tập rất nhiều.

Bôn Đà Lợi Già hoa, từ xưa đến nay gọi là Phần Đà Lợi, Phạn âm Bản Na Lí Già hoa, thời Đường gọi là Bạch Liên



Hoa Phấn Đà Lợi



Hoa Câu Vật Đầu

hoa, hoa có màu trắng như tuyết hoặc trắng như bạc, rực rỡ hơn cả ánh mặt trời, mùi rất thơm, là hoa chỉ có trên trời, nhân gian vốn không có loại hoa này.

Quyển thứ 15 bộ “Đại Nhật kinh sơ”, ghi rõ nguồn gốc của Phần Đà Lợi hoa như sau: “Phần Đà Lợi Già hoa có thể có trăm cánh từng cánh từng cánh xen nhau, tròn trĩnh khả ái. Lá ngoài cùng rất trắng, càng vào trong màu càng chuyển hơi vàng, cho đến cánh trong cùng thì gần như là màu xanh. Hoa này rất thơm. Xưa khi vua Lưu Ly làm hại các cô gái họ Thích Ca, Đại Ca Diếp hái hoa này ở A Nậu Đạt trì, đựng lấy nước Bát Công Đức rải xuống, các cô gái thân và tâm đều được an lạc, khi chết được sinh về trời. Sau đó ngài Ca Diếp dặt hoa vào ao, dần dần hình thành nên chủng loại, đến nay vẫn còn. Hoa rất to đẹp, đường kính hơn một thước trông rất khả ái.

Trong kinh nói cánh hoa của Phần Đà Lợi Già có thể đạt đến cả trăm cánh, từng cánh xen nhau, viên mãn chỉnh tề, khiến người xem rất yêu thích. Cánh hoa ở ngoài cùng vô cùng trắng sạch, từ từ các cánh ở trong, màu sắc dần ngả vàng, cho đến cánh trong cùng, màu sắc gần như là giống màu của đài hoa.

Hoa này vô cùng thơm. Xưa kia khi vua Lưu Ly tấn công tộc Thích Ca, làm hại các cô gái họ Thích Ca, ngài Đại Ca Diếp từ A Nậu Đạt hái lấy hoa Phần Đà Lợi, đựng nước Bát Công Đức rải xuống họ, khiến thân tâm của các cô gái họ Thích Ca được an lạc, sau khi mệnh chung sinh lên cõi trời. Do đó cấm hoa này vào ao nước, lưu lại phẩm chủng trên dân gian, cho đến nay vẫn còn tồn tại lưu truyền. Phần Đà Lợi hoa rất to và đáng yêu, có hoa thậm chí có đường kính rộng hơn một thước.

Trong lời kết của “Diệu Pháp Liên Hoa kinh” viết, hoa này mỗi giai đoạn đều có tên gọi khác nhau, khi chưa nở, tên là

Khuất Ma La; khi sắp tàn, gọi là Già Ma La; khi đang nở rộ, gọi là Phần Đà Lợi.

Phần Đà Lợi hoa, còn được gọi là Thái hoa, Bạch Liên hoa. Có thuyết cho rằng lấy từ sự tích Thiên tuế linh qui du liên hoa thượng (rùa thần ngàn tuổi bơi trên hoa sen) trong “Sử Ký”, do Linh Qui có xuất xứ từ đất Thái, cho nên gọi là Thái hoa. Trong “Sử Ký. Qui Sách truyện” chép: “Rùa ngàn tuổi vốn ở trên hoa sen”. Trong bộ “Quán Kinh Tán Thiện Nghĩa Khải Định Kí” cũng chép: khi Vua sáng sắp ra đời, tất có rùa trắng cưỡi sen trắng ngàn cánh hiện đến”. Do đó hoa sen còn được gọi là Thái hoa. Trong “Quán Kinh Tán Thiện Nghĩa” ghi: “người ta nói Phần Đà Lợi được xem là hoa tốt trong loài người, còn có tên là Hy Hữu hoa, cũng được xem như thượng thượng hoa, và cũng được xe là diệu hảo hoa trên đời, hoa này tương truyền tên là Thái hoa”.

Câu Vật Đầu hoa:

Câu Vật Đầu hoa, Phạn danh Kumuda, còn được gọi là Cự Vật Đầu hoa, Cửu Mâu Địa hoa, Cự Mâu Na hoa, Cú Văn La hoa. Thân hoa có gai, màu trắng hoặc đỏ, cánh hoa hơi ngắn. Câu Vật Đầu hoa màu trắng, thân rất nhỏ mịn, có thể dùng để ăn.

Câu Vật Đầu hoa có màu đỏ, trong quyển thứ 3 bộ “Huệ Lâm âm nghĩa” ghi: Câu Vật Đầu hoa tức Xích Liên hoa, có màu đỏ sẫm, rất thơm, không phải là hoa nhân gian có được. Quyển thứ 2 bộ “Tục Cao Tăng truyện” và quyển thứ 8 bộ “Phiên dịch minh nghĩa tập” đều dịch là Hoàng Liên hoa. Quyển thứ 15 bộ “Đại Nhật Kinh sơ” ghi, Câu Vật Đầu vốn là hoa sen có màu xanh.

Bộ “Huệ Lâm âm nghĩa” ghi: Câu Vật Đầu hoa, thân hoa có gai, sắc tự nhiên, thân hơi ngắn, khi chưa nở, tên là Trạng Ưc hoặc Xích Bạch hoặc có Tiểu Bạch hoa”.

Bát Đầu Ma hoa:

Bát Đầu Ma hoa (Phạn danh Padma), dịch nghĩa Xích Liên hoa, Hồng Liên hoa, lại còn được gọi là Bàn Đầu Ma hoa, Ba Đầu Ma hoa. Cánh hoa dạng tròn, đường kính khoảng từ 60 – 100mm. Mọc ở các vùng Đông Ấn Độ, Ba Tư, Hán Tạng Trung Quốc... và các khu vực ao đầm của Miến Điện, phía bắc Úc và Nhật Bản. thường được dùng để ngắm, rễ và thân có thể ăn được.

Vào ngày hè, thân hoa vươn khỏi mặt nước vài thước, nở ra các hoa to có màu trắng hoặc hồng, quả đặc cỡ như đậu Hà lan, vài hạt hoặc vài chục hạt được bọc trong đế hoa rất dày dặn, gọi là Liên Bông, rất ngon có thể ăn được, các sợi tơ nhỏ trong thân cũng có thể dùng làm tim đèn.

Từ xưa đến nay, Ấn Độ xem Bát Đầu Ma hoa là loại hoa cao quý nhất trong các loài thực vật dưới nước, trong các Phật điển, cũng được tôn làm một trong bảy thứ báu (thất bảo). Trong các kinh luận của Phật giáo thường được nhắc đến cùng với Câu Vật Đầu hoa, Ưu Bát Đầu La hoa, Phần Đà Lợi hoa. Ngoài ra, Bát Đầu Ma hoa còn là bảo tòa của Phật, Bồ Tát, hoặc là một trong vật trang nghiêm mà các vị Bồ Tát như Quán Thế Âm Bồ Tát cầm trong tay.

Ưu Bát La hoa:

Ưu Bát La hoa (Phạn danh Utpala), hay là Ô Bát La hoa, Khu Bát La hoa, Úc Bát La hoa, Ưu Bát Thích hoa, Ưu Bà La hoa, Ôn Bát La hoa. Tức Thụy Liên, giống hoa sen nhưng nhỏ, phiến lá nổi lên trên mặt nước, màu xanh có hình tròn rộng, bề mặt là màu xanh đậm sáng, mặt lưng màu xanh nhạt, phần rìa lá màu đỏ và các đốm màu đỏ tía sậm. Do nhiều hoa úp vào nhau, rễ và hạt có thể ăn được.

Ngoại trừ bốn loại sen trên thường thấy trong kinh điển, còn có Tử Liên hoa (hoa sen tím), trong 40 tay của Thiên Thủ



Hoa Bát Đầu Ma



Hoa Úu Bát La

Quan Âm, vật mà được trong các tay phải cầm chính là hoa sen màu tím, tượng trưng cho thật tướng của chư pháp là phi thanh tịnh, phi cấu nhiễm, phiền não và bồ đề vô nhị phân biệt (không hai, không khác), như nhị sắc hòa hợp. Căn cứ trong “Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bát Bí Mật Pháp kinh” ghi, nếu như muốn quán thấy Như Lai, nên tu “Tử Liên pháp”; tượng “Liên Quán Tự Tại” mà trong kinh miêu thuật có tướng tốt trang nghiêm, tay phải cầm Tử Liên hoa, tay trái ngửa lên đặt trước ngực.

Các chủng loại hoa sen ở Trung Quốc

Trong các sách cổ của Trung Quốc, đã ghi lại rất nhiều loại hoa sen có phẩm chủng khác nhau. Như “Hoa Sứ” do Vương Thế Mậu đời Minh, “Tam Tài Đồ hội” của Vương Kỳ, “Tuân Sinh Bát Tiên” của Cao Liêm, “Quần Phương Phổ” của Vương

Tượng đời Tấn... đều có ghi chép rằng Hà hoa ngoại trừ Hồng, Bạc, Hoàng, ít nhất còn thêm mấy loại sau:

Trong “Hoa Sở” có nhắc đến Bích Đài Liên, Cẩm Biên Liên và Kim Biên Liên:

Cẩm Biên Liên: Hoa trắng trên cánh hoa có những đốm xanh, trên đài hoa mọc lá xanh, giống hoa nhưng không phải là hoa.

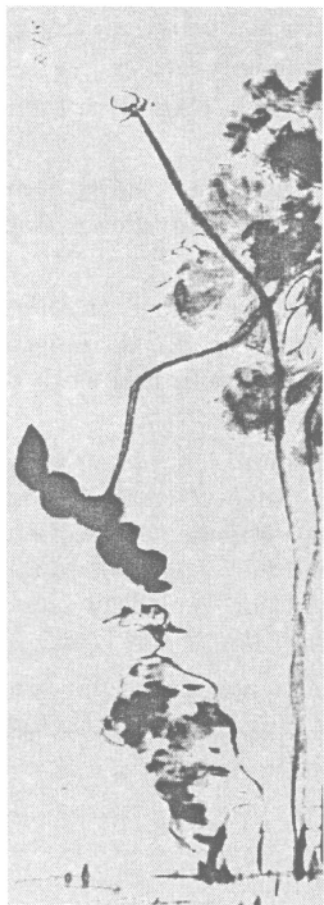
Nơi giao nhau giữa cành thân và hoa của Cẩm Biên Liên có màu xanh còn hoa màu trắng, khi hoa còn nụ, đã hơi có những nét màu đỏ, khi hoa nở có cả ngàn cánh, mỗi cánh ở đường rìa đỏ như thoa son.

Kim Biên Liên: Cũng giống như Cẩm Biên Liên, nhưng xung quanh cánh hoa là một vòng màu vàng, khác với màu đỏ son của Cẩm Biên Liên. Trong “Quần Phương Phổ” chép: “Kim Biên Liên, đường viền quanh cánh hoa, có màu hơi vàng”. Ngoài ra, trong đó cũng có ghi chép về Trung Đài Liên, Bình Đầu Liên, Nhất Phẩm Liên, Tứ Diên Niên, Sái Kim Liên, Y Bát Liên...

Trung Đài Liên: Sau khi đã nở ra một hoa, trong đài hoa lại nở một hoa, không kết hạt. Bì Nhật Hưu, thi sĩ đời Đường có một bài thơ “Trùng Đài Liên Hoa” viết:

*“Khi hồng ủy tùy lực nam nhậm,
Mỗi diệp đầu biên bán mẽ cam,
Khả đắc giao tha thủy phi kiến,
Lương trùng nguyên thị nhất trùng tâm”*
(Hồng phớt mềm sao sức khó đỡ.
Mỗi lá bên đầu nửa hạt vàng.
Nếu được đưa cho nàng nhìn thấy.
Hai tầng vốn sẵn tim tình lang).

Bình Đầu Liên: Còn được gọi là “Tĩnh Đế Liên” hoặc “Thụy Liên” cũng một thân nở hai đóa hoa sen.



Tranh hoa sen và chim nước
(tác giả Bát Đại Sơn Nhân)

“Nhất Phẩm Liên. Nhất bốn sinh tam ngọc”. Tức là một đóa Hàm Đan (hoa sen) đang nụ sắp nở, có ba phiến đài hoa. Học Sĩ Liên trong hoa sen đều là loại sen có ba phiến bao hoa (gồm đài và vành hoa), 18 phiến cánh hoa. Sách “Hấp Huyện huyện chí – Vật sản bộ” ghi: “Học Sĩ liên, La Hán liên, cả hai loại đều là giống sen 18 cánh.

Tứ Diện Liên: Một hoa có bốn đài, gọi là “Tứ Diện Liên” (sen bốn mặt), trong “Quần Phương Phổ” ghi: “Tứ Diện Liên, xung quanh có tất cả bốn đài hoa”.

Sái Kim Liên: Chỉ loại sen trắng trên cánh hoa có những chấm vàng, “Quần Phương Phổ” ghi: “Sái Kim Liên, trên cánh có chấm vàng”.

Đài hoa của Y Bát Liên có ngàn cánh, nhị có ba màu, mọc nơi đất Điền (Vân Nam).

Sách “Thập Di Ký” của Vương Gia đời Tấn chép: “Trong rãnh ở Tây viện của Hán Linh Đế có trồng sen, lớn như cái nắp, dài một trượng, cánh sen cuộn tròn lại vào ban đêm nên có tên là Dạ Thư Hà (Sen đêm ngủ)”.

Ngoài ra, còn loại sen tên Hồng Bạch Liên, chỉ một hoa sen có trắng có đỏ, Đỗ Diễn người đời Tống có bài thơ miêu tả về Hồng Bạch Liên: “Phù Dung chiếu thủy lộng chiều tà; Bạch bạch hồng hồng các nhất gia; Cận nhật tân hoa xuất tân

xảo, nhất chi năng trước lưỡng ban hoa” (Hoa sen ánh nước đùa chiều tà; Trắng trắng hồng hồng riêng vẻ hoa; Nụ mới cho nên càng mới khéo; Một cành mà thắm cả vườn ta).

Sách “Dậu Dương Tạp Trở” đời Đường chép rằng: “Đem hạt sen bỏ vào trong lu nhuộm màu xanh, trải vài năm, lấy ra mà trồng, hoa sen mọc ra sẽ có màu xanh ngọc bích, gọi là “Bích Liên” (sen biếc).

Quyển thứ 2 sách “Phù sinh lục ký”, nhắc đến một loại hoa lớn – chén rượu, lá to như miệng chén, tên là Mê Nhĩ Hà, “Hoa nở to cỡ chén uống rượu, lá cỡ miệng tô, thướt tha đáng yêu”.

Sách “Tấn thân tọa thuyết” ghi: có loại Hồng Liên hoa có thân dài đến trên 6 thước: “Vào thời Ung Hy (Ung Chính, Khang Hy: tên hai hiệu vua đời Thanh, khoảng từ 1662 đến 1735), Trương Quân Phòng ngụ ở Khai Tiên tự trên Bạc Lô sơn, nhìn thấy thác nước ở Hoàng Thạch Nhai có một phiến lá to màu đỏ trôi xuống, liền kêu tăng nhân gấp đến nhặt lấy, thì ra là một cánh sen đỏ (Hồng liên), dài hơn 3 thước, rộng 1 thước 3 tấc”. Sách “Lô sơn kí” cũng ghi nước đổ ra song kiếm phong rất mạnh, trên đỉnh núi có hồ, rộng hơn trăm bộ, lại có đất thanh nguyên, mọc lên hoa sen to như bánh xe.

Ngoại trừ các hoa sen trên kì thuật ở trên, có sách cổ còn có chép về các phẩm chủng Liên hoa như thiết tuyến liên, Bạch hoa Thái Ất liên, Thiên diệp hoàng, Thiên diệp hồng, Thiên diệp bạch, Mã Đề liên, Mặc Hà, Ngọc tỉnh liên v.v..

Chương I

Ý nghĩa của hoa sen trong Phật giáo

Hoa sen, có thể nói là tượng trưng của Phật giáo và duyên khởi này có liên quan đến việc hoa sen rất được xem trọng ở Ấn Độ từ xưa đến nay. Căn cứ trong Sử thi “Ma Ha Bà La Đa” ghi, vào thuở ban sơ khi khai thiên lập địa, ở nơi rốn của thần Tỳ Thấp Nô (Vishnou) mọc ra hoa sen, trong hoa có Phạm Thiên (Bhrama), xếp bằng ngồi kiết già, sáng tạo ra vạn vật. Trong quyển thứ 8 “Đại Trí Độ Luận” chép:

“...Trên mặt nước có một thiên thủ nhân, với hai ngàn tay chân, tên là Vi Nữ (Vishnou). Trong rốn người này mọc ra hoa sen quý màu vàng có ngàn cánh (nguyên văn: Thiên diệp kim sắc diệp bảo liên hoa), hào quang sáng rực rỡ, như cả vạn mặt trời cùng chiếu. Trong hoa có người xếp bằng ngồi kiết già, người này cũng có hào quang rực rỡ vô lượng tên là Phạm Thiên Vương..... Phạm Thiên Vương ngồi trên hoa sen, là nguyên nhân mà chư Phật quá khứ cũng thuận theo thế tục, xếp bằng ngồi kiết già trên tòa sen báu”.

Trong thần thoại Ấn Độ, vị sáng tạo ra vũ trụ là thần Phạm Thiên (Bhrama) ngồi trên hoa sen, tượng trưng cho sự cao quý thánh khiết, vì thế chư Phật cũng tùy thuận thế tục, cũng ngồi trên hoa sen, và cũng giống như hình thái của Thiên diệp bảo liên hoa mọc ra từ rốn của Vishnou, từ rốn của đức Phật cũng mọc ra các hoa sen quý, như trong quyển thứ 9 của “Đại Trí Độ Luận” ghi, lúc bấy giờ từ rốn của Thế Tôn mọc ra các hoa sen báu (Bảo liên hoa), như kệ viết: “Thanh quang lưu ly kinh, Thiên diệp hoàng kim sắc,... Tùng thị Phật tê trung, triển chuyển xuất bảo hoa, hoa hoa giai hữu tà, tòa tòa các hữu Phật...” (Thân trong suốt sáng xanh, ngàn cánh hoa vàng rực,... là từ trong rốn Phật, xoay chuyển ra hoa báu, mỗi hoa đều có tòa, mỗi tòa đều có Phật...”



Đức Phật ngồi trên
tòa sen, tượng trưng không nhiễm pháp thế gian

Nhưng, ngoài việc bảo lưu hình thái thế gian, đức Phật tiến thêm một bước giải thích, đem đặc tính sinh trưởng của hoa sen gán cho ý nghĩa sâu sắc hơn, tương ứng với Phật pháp, ví như hoa sen mọc từ bùn đất mà không nhiễm, thanh tịnh vi diệu, cho nên kinh Phật thường dùng hoa sen làm ví dụ. Quyển thứ 23 “Thanh Bạch liên hoa dụ kinh” bộ “Trung A Hàm kinh”, dùng hình ảnh hoa sen sinh từ trong nước mà không dính nước để ví với Như Lai xuất hiện nơi thế gian không nhiễm thế gian: “Do như thanh liên hoa, hồng xích bạch liên hoa, thủy sinh thủy trưởng, xuất thủy thượng nhi bất trước thủy, như thị Như Lai thế gian sinh thế gian trưởng, xuất thế gian hành bất trước thế gian pháp”.

Trong bộ “Văn Thù Sư Lợi Tịnh Luật Kinh – Đạo Môn Phẩm” viết: “Nhân tâm bản tịnh – tu xứ uest trọc, tắc vô hà tị, do như nhật minh bất dữ minh hợp, dục như liên hoa bất vi nê trần chi sở nhiễm ô”. Tâm ta vốn sạch, dù ở nơi nhơ bẩn có không một tí vết nhỏ, cũng như ánh sáng của mặt trời với sự tối tăm, cũng như hoa sen không bị nhiễm do bởi bùn đất.

Quyển thứ 15 bộ “Nhiếp Đại Thừa luận thích” lại dùng bốn đức tính của hoa sen là: Hương (thơm), Tịnh (sạch), Nhu nhuyển (mềm mại), Khả ái (đáng quý), để ví với tứ đức của chân như pháp giới Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Ngoài ra, cũng dùng hoa sen để đặt tên cho kinh để ví với sự thanh tịnh, vô nhiễm, trang nghiêm của pháp môn, như “Diệu Pháp Liên Hoa kinh”, “Bi Hoa kinh”. Còn trong các bộ “Hoa Nghiêm kinh”, “Phạm Võng kinh”.. cũng có thuyết về thế giới Liên Hoa Tạng; Mật giáo cũng dùng hoa sen tám cánh (Bát Diệp liên hoa) làm trung đài của Mạn Đà La trong Thai Tạng giới, dùng hoa sen biểu thị cho tâm liên vốn có (bản hữu) của chúng sinh.

Tam bộ của Thai Tạng giới Mật giáo gồm Phật Bộ, Liên Hoa Bộ, Kim Cang Bộ. Liên Hoa Bộ, gọi tắt Liên Bộ, đại biểu cho bồ đề tâm thanh tịnh mà chúng sinh vốn có, lại dùng để

biểu thị công đức đại bi tam muội của Như Lai. Chúng sinh vốn có tâm của tự tánh thanh tịnh, mặc dù lưu chuyển trong vũng lầy sinh tử của lục đạo tứ sinh, mê vọng giới..., nhưng bỏ để tâm thanh tịnh vốn có vẫn không bị nhiễm bẩn như hoa sen mọc từ bùn lầy không nhiễm, cho nên gọi là Liên Hoa Bộ.

DỪNG HOA SEN ĐỂ VÍ VỚI ĐỨC CAO CẢ CỦA PHẬT ĐÀ

Hoa sen thường dùng để ví tướng hảo và đức cao cả của đức Phật. Như bộ “Phật Thuyết Bình Sa Vương Ngũ Nguyện kinh” dùng hình ảnh trên quý của Thiên diệp kim sắc liên hoa để ví với đức Phật:

Lúc bấy giờ quốc vương của thành Vương Xá là Bình Sa Vương thường phát năm nguyện vọng: một nguyện là mình làm vua khi còn trẻ, hai cầu trong nước có Phật, ba khiến mình thường được ra vào nơi Phật ở, bốn thường được nghe Phật thuyết kinh, năm mở rộng diệt trừ được các tật xấu của tâm sau khi nghe kinh, đắc quả Tu Đà Hoàn.

Sau này, cả năm nguyện vọng của Bình Sa Vương đều được mãn nguyện. Một hôm, người bạn tốt của ông là Phất Già Sa Vương ở nước láng giềng mang một đóa hoa Kim Sắc Liên hoa có ngàn cánh đến tặng cho ông, ông viết bức thư trả lời: “Nếu như ông muốn tặng ta kỳ trân dị bảo, thì không cần làm phiền ông, bởi vì ông trong nước ta có rất nhiều vàng bạc châu báu, không cần tặng thêm, hiện nay ở nước ta lại có một đóa hoa người rất trân quý, hiệu là Phật Đà, thân “tử ma kim sắc” (màu vàng tía), có 32 loại hảo tướng tốt”.

Đặc tính dịu dàng nhu thuận của hoa sen, tượng trưng của hòa bình, vào thời cổ đại ở Ấn Độ, nếu quốc vương của hai

nước trao tặng nhau hoa sen là tượng trưng cho sự hòa bình. Như trong quyển thứ 15 của “Đại Trí Độ Luận” nói rõ chư Phật bình đẳng, nhưng dùng hoa sen để cúng dường lẫn nhau cũng là tùy thuận theo ý này: “Hỏi rằng: ‘Chư Phật bằng nhau, không cầu sự tin tưởng, vì sao lại lấy hoa làm tin?’ Đáp rằng: ‘Vì tùy thế gian pháp mà làm, như quốc vương hai nước tuy ngang nhau về lực và thế, mà vẫn tặng hoa cho nhau, cũng là biểu thị tâm thiện nguyện (hiền lành dịu dàng), nên lấy hoa làm tin’.”

Trong kinh điển thường dùng hoa sen để hình dung đức tính cao cả của Phật Đà, như trong quyển thứ nhất của “Kim Cang Minh Tối Thắng Vương kinh” hoặc trong quyển thứ nhất “Đại Trí Độ Luận”, miêu tả thân của đức Phật là vi diệu chân kim sắc, hào quang phổ chiếu như kim sơn, thanh tịnh nhu nhuyễn như Liên hoa (thân Phật có màu vàng rất đẹp, hào quang tỏa sáng như tòa núi vàng, thanh tịnh dịu dàng như hoa sen).

Trong kinh điển cũng thường dùng hình dáng và màu sắc cánh hoa của Thanh Liên hoa để ví với mắt Phật, như trong quyển thứ nhất của bộ “Phúc Cái Chính Hành Sở Tập kinh” ghi: mắt của đức Phật to như cánh hoa sen xanh, hào tướng ở giữa hai mày như trăng tròn mùa thu.

Trong kinh điển thường dùng hoa sen để ví với 32 tướng tốt của Như Lai, như trong quyển thứ tư của “Kim Cang Minh Tối Thắng Vương kinh” ghi: Lưỡi (thiệt tướng) của Như Lai to, dài và rất mềm mại, ví như hoa sen đỏ trôi lên mặt nước; còn trong quyển thứ 49 “Hoa Nghiêm Tùy Lưu diễn nghĩa sao” ghi: tay và chân của Thế Tôn tròn đầy như ý, mềm mại rực rỡ như màu của hoa sen. Còn quyển thứ 109 bộ “Đại Bảo Tích kinh” viết, dung sắc diện mạo của Như Lai Thế Tôn, cũng giống như hoa sen nở vào buổi sáng, trang nghiêm đẹp đẽ, quang minh hiền diệu, mỉm cười tươi tắn.

Kinh điển cũng lấy sự hiếm có của hoa sen trắng (Bạch Liên hoa) để ví với việc đức Phật ra đời là hết sức hiếm có. Như trong quyển thứ 2 của “Phúc Cái Chính Hành sở tập kinh” viết: Thế Tôn như là hoa sen trắng, có thể chỗ được hết thấy chúng sinh.... Lúc bấy giờ Thế Tôn dơ tay vàng lên, như hoa sen nở, lại nói Như Lai ra đời, rất khó gặp được cũng như Ưu Đàm Bát La hoa vậy.

Quyển 4 “Phân biệt công đức luận”, đức Phật nói với A Nan: “Như ta ngày nay, sự thanh tịnh của xác thịt không ai bằng ta, cũng giống như hoa sen không dính bùn lầy vậy”. Quyển thứ 35 “Trung A Hàm kinh”, hình dung đức Phật: “Cũng như trong các loài hoa dưới nước, hoa sen xanh là đệ nhất”. Quyển thứ 23 “Trung A Hàm kinh” ghi: “Tâm của đức Phật như hoa sen, từ thế gian pháp mà ra, nhưng lại không nhiễm thế gian pháp”.

Ngoại trừ việc dùng để hình dung về tướng tốt của đức Phật, kinh điển cũng dùng hoa sen để ví với Thiện pháp mà Bồ Tát sở hành như trong quyển 80 bộ “Du Già Sư Địa luận” ghi: “Nay chư Bồ Tát đối với các pháp thế gian, không nên bị sự yêu, ghét làm nhiễm, như hoa sen đỏ vậy”. Đó là nói Bồ Tát đối với các pháp Thiện, Ác đều không nhiễm trước, sẽ không bị cấu nhiễm bởi sự ái dục, sân hận giống như là hoa sen đỏ.



Hoa sen thường được dùng ví dụ với tướng đẹp của đức Phật

Quyển thứ 14 “Đại Bảo Tích kinh” ghi: “Hiền Vương Bồ Tát... ở nơi đại chúng cũng giống như sư tử, không dựa vào tục pháp, cũng như hoa sen không dính nước bùn, không có tâm, sân, ái”. (Hiền vương Bồ Tát... Tại vu đại chúng nhược như sư tử, bất ỷ tục pháp, do như liên hoa bất trước trần thủy, vô sở sân, ái tâm). Bồ Tát ở trong đại chúng phải như sư tử dũng mãnh vô úy, không dựa vào pháp của thế tục, như hoa sen không nhiễm trước nước trần lao, không có tâm sân hận ái dục.

Còn trong “Ma Ha Hành Bảo Nghiêm kinh” lại viết: Cũng như trên mặt đất không mọc được hoa sen, Bồ Tát cũng như vậy, không theo pháp vô vi mà xuất sinh Phật pháp. Ví như nơi ứ đầy nước bùn lầy, ắt sẽ mọc được hoa sen. Bồ Tát cũng như vậy, từ trong phiền não trói buộc của chúng sinh ác tính, mới có thể xuất sinh Phật pháp.

(Câu này có nghĩa là chỉ ở trong thế gian ô trọc, đầy đủ thất tình lục dục thì mới có thể sản sinh Phật pháp như hoa sen mọc nơi bùn nhơ chứ còn đã trong sự vô vi thanh tịnh làm sao có được Phật pháp cũng như hoa sen làm sao mọc được trên đất bằng).

Do hoa sen có hàm ý rất sâu sắc, nên trong kinh điển gần như tất cả cũng dùng hoa sen để ví với các đặc đức của chư Phật, Bồ Tát.

DÙNG HOA SEN ĐỂ VÍ VỚI THIỆN PHÁP CỦA BỒ TÁT

Do các đặc tính tốt đẹp của hoa sen, trong kinh điển thường dùng ví với các loại thiện pháp. Ví dụ như trong quyển thứ 9 bộ “Trừ Cái Chướng Bồ Tát sở vấn kinh” có ghi, dùng hoa sen để ví với 10 loại thiện pháp mà Bồ Tát tu trì:

Viễn ly nhiễm cấu: giống như hoa sen mọc từ bùn lầy mà không nhiễm trước, Bồ Tát tu hành, có thể dùng trí huệ quán sát hết thấy ngoại cảnh, không sinh khởi tham ái, chấp trước, mặc dù là ở trong vòng xoáy sinh tử của năm loại trọc ác, cũng không bị nhiễm bẩn.

Không ở chung với cái ác: như hoa sen, dù một hạt nước nhỏ cũng không thể đọng lại trên hoa, Bồ Tát tu hạnh cũng phải như thế, khi tu hành, phải diệt trừ mọi ác nghiệp, sinh khởi các thiện nghiệp, một lòng thủ hộ sự thanh tịnh của tam nghiệp thân, khẩu, ý, và không để cho bất kỳ ác niệm nào dù nhỏ bé tồn tại.

Giới hương tròn đầy: giống như hương thơm tuyệt vời của hoa sen lan rộng gần xa đều ngửi thấy, Bồ Tát tu hành cũng kiên thủ hết thấy giới luật không để hủy phạm bất kỳ điều nào, do giới hạnh có thể diệt trừ ác nghiệp của thân, khẩu, cũng giống như hương thơm có thể trừ khử mùi hôi của phân ế.

Bản thể thanh tịnh: ví như hoa sen, mặc dù ở nơi bùn nhơ, nhưng vẫn trong sạch tự nhiên mà không nhiễm trước, Bồ Tát mặc dù ở trong ngũ trọc ác thế, nhưng do sự trì giới, khiến thân tâm thanh tịnh không có nhiễm trước.

Sắc mặt tươi tắn: ví như hoa sen khi nở, có thể khiến cho hết thấy người nhìn thấy đều vui vẻ trong lòng. Tâm của Bồ Tát cũng thế,



Quan Âm tay cầm hoa sen
(tranh tường trong hang đá tháp
A Chiên, Ấn Độ)

thường an trú thiền duyệt, chư tướng viên mãn, khiến người nào nhìn cũng sinh tâm hoan hỷ.

Dịu dàng không cầu có: ví như thể tánh của hoa sen mềm mại óng mượt, Bồ Tát tu tập các hạnh từ thiện, cũng vậy, mặc dù là hành thiện pháp nhưng không trệ ngại, nên thể thường thanh tịnh, nhu nhuận tế diệu không thô sáo.

Người gặp đều an lành: ví như hoa sen thơm tho mỹ diệu, khiến người xem thấy hoặc mơ thấy đều an lành. Cũng giống như thiện hạnh của Bồ Tát được thành tựu, thân tướng trang nghiêm đẹp đẽ, khiến ai thấy đều có được sự an lành.

Nở ra đầy đủ: cũng như hoa sen khi nở, hoa và quả đều đầy đủ. Bồ Tát tu hành cũng vậy, trí huệ, phúc đức đầy đủ trang nghiêm.

Thành thực thanh tịnh: ví như hoa sen chín muồi, nếu như mắt người nào nhìn thấy, mũi người được hương thơm tất các căn đều được thanh tịnh, cũng giống như Bồ Tát khi diệu quả viên mãn chín muồi, huệ quang phát hiện (ánh sáng trí tuệ chiếu soi), có thể khiến hết thấy người xem người nghe, đều được lúc căn thanh tịnh.

Sống có lý tưởng: ví như hoa sen khi mới mọc, mặc dù chưa nhìn thấy được hoa, nhưng mọi người đều đã sinh khởi suy nghĩ sẽ có hoa sen. Cũng như Bồ Tát khi mới sinh ra, hết thấy trời người đều mừng rỡ vui vẻ hộ trì, bởi vì biết được Bồ Tát ắt có thể tu tập thiện hạnh mà chứng quả bồ đề.

HOA BÁU ĐỂ CÚNG DƯỜNG PHẬT VÀ BỒ TÁT

Ngoại hình trong sạch đẹp tươi của hoa sen, như hương thơm của nó, là loại hoa linh diệu được thường dùng để cúng dường Phật và Bồ Tát.

Quyển thứ 10 “Đại Trí Độ luận” ghi: lúc bấy giờ, Bảo Tích Phật đưa cho Phổ Minh Bồ Tát một đóa Thiên điệp kim sắc liên hoa và nói: “Thiện nam tử! Người dùng hoa này rải lên đức Thích Ca Mâu Ni Phật” và khi đức Phật thuyết pháp, cũng thường thấy chư thiên rải xuống các loại hoa sen báu như mưa hoặc hóa ra tòa sen báu để cúng dường Như Lai.

Trong “Đại Trí Độ luận” cũng đề cập việc chư thiên xem hoa sen xanh là loại diệu hảo thiên hoa trong nước, phẩm đệ nhất dùng để cúng dường: “Như thị chư thiên, kiến Phật thân thanh tịnh, đại quang minh tịnh, tri chư cúng cụ, thủy lục chư hoa, lục địa sinh hoa, Tu Man Đề vi đệ nhất. Thủy trung sinh hoa, Thanh Liên hoa vi đệ nhất, thị chư danh hoa, lai chỉ Phật sở, dĩ thủ chư hoa, sắc hảo đa hương, nhu nhuyển tế hoạt, thị cố dĩ thủ vi cúng dường cụ”.

(Lúc bấy giờ chư thiên, thấy thân đức Phật thanh tịnh, hào quang sáng chói, liền đem các vật cúng dường là các loại hoa, trên bờ dưới nước, lấy hoa sen xanh làm đầu, đều là hoa quý cả, có đủ loại màu sắc, đủ loại hương thơm, mỗi vị trời đều tay cầm thiên hoa, đến nơi của đức Phật, với đủ loại hoa, tươi đẹp thơm ngát cúng dường đức Phật).

Quyển thứ nhất “Pháp Hoa kinh” ghi: “Sau khi Phật thuyết xong, Pháp Hoa kinh, nhập vô lượng



Hoa sen thường dùng làm vật trang nghiêm cúng dường Phật, Bồ Tát (bình hoa sen đồng vàng, thời đại Liêm Thương, Nhật Bản)

nghĩa xứ tam muội, thân tâm bất động. Lúc bấy giờ, trên trời rải xuống bốn loại thiên hoa như mưa gồm Mạn Đà La hoa, Ma Ha Mạn Đà La hoa, Mạn Thù Sa hoa, Ma Ha Mạn Thù Sa hoa, rắc lên thân Phật và đại chúng”. Tức là dùng hoa để làm tăng thêm sự trang nghiêm nơi Phật xuất hiện.

Quyển thứ nhất “Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán kinh” cũng miêu tả tình huống chư thiên cúng dường hoa cho Phật:

“Lúc bấy giờ hết thấy vua cõi trời vô sắc, từ trên hư không rải xuống như mây với vô lượng các loại vi diệu hoa hương. Mười tám vị Phạm vương và chư thiên của sắc giới, với vô lượng màu sắc thiên hoa của bách thiên vạn chúng. Diệu hương của Phạm Thiên tỏa ngát từ trên trời bay xuống nhiều như mây, chư thiên và các vị vua của lục dục, với phước báu của mà ra sức rải các loại hoa, Ưu Bát La hoa, Ba Đầu Ma hoa, Câu Vật Đầu hoa, Phần Đà Lợi hoa... từ hư không pháp phối bay xuống như mưa, để cúng dường Phật và chúng pháp bảo”.

Trong kinh điển Phật giáo có các loại tên gọi hoa sen, trong đó phần lớn là nhắc nhiều đến bốn loại hoa sen của Phật quốc thổ trang nghiêm. Ví dụ trong quyển 3 “Trường A Hàm kinh” là “Du Hành kinh”, phần 2 đã tường thuật quang cảnh Thiện Kiến thành của cõi trời Đao Lợi, lúc Phật diệt độ nơi thành Câu Thi Na La, có:

“Thành bằng thủy tinh, cửa bằng lưu ly. Xung quanh thành được trang nghiêm bằng tứ bảo, các lan can xen giữa cũng trang nghiêm bằng tứ bảo. Lầu vàng chuông bạc, lầu bạc chuông vàng, ao báu bảy tầng, giữa mọc hoa sen gồm: Ưu Bát La hoa, Ba Đầu Ma hoa, Câu Vật Đầu hoa, Phần Đà Lợi hoa”.

Trang thứ nhất phần I “Thọ Mệnh phẩm” là quyển đầu của Đại thừa kinh điển “Đại Bát Niết Bàn kinh” chép khi Phật nhập diệt, đại chúng:

“Rải các hoa: Ưu Bát La hoa, Ba Đầu Ma hoa, Câu Vật Đầu hoa, Phần Đà Lợi hoa. Các loại này đều có lá bằng vàng, đài hoa bằng kim cương”.

Từ các ghi chép thường gặp trong kinh điển, có thể biết được hoa sen là loại diệu hoa thường dùng để cúng dường Như Lai và là hoa báu để trang nghiêm quốc thổ.

HOA SEN NƠI TỊNH THỔ

Ngoài hoa sen của nhân gian, Tịnh thổ Phật quốc cũng thường dùng hoa sen để trang nghiêm Tịnh thổ, hoặc dùng để cúng dường Phật, Bồ Tát.

Quyển thứ 2 “Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán kinh” ghi: “Vượt ra tam giới, có tịnh diệu quốc thổ, vượt ra tam tịnh diệu quốc thổ, có vô lượng đại bảo liên hoa, và hải hội Bồ Tát vây chung quanh nhiều không xiết kể”.

Thiên cung cõi trời Đâu Suất cũng có cảnh tượng: “Trong tay mỗi một thiên tử hóa sinh vô lượng vạn ức thất bảo liên hoa”.

Quyển 15 “Nhiếp Đại thừa luận” ghi, thế giới của thế gian dựa vào Địa, Thủy, Phong, Luân an trú, còn Tịnh thổ dựa vào trang nghiêm của Đại Liên Hoa Vương an trú.

Quyển 401 “Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa kinh” ghi ở



Hoa sen hóa sinh
(chùa Trung Cung, Nhật Bản)

phương khác có Tịnh thổ tên gọi Hoan Hỷ thế giới, đức Phật nơi đó là Hỷ Đức Như Lai, đã từng sắc mệnh cho Hỷ Thụ Bồ Tát, mang Thiên hành kim sắc liên hoa (hoa sen vàng ngàn cánh) đến Ta Bà thế giới này để cúng dường đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Trong “A Di Đà kinh” chép, hoa sen của Tây phương Cực Lạc Tịnh thổ mọc trong ao Thất Bảo, được nuôi dưỡng bằng nước Bát Công Đức, hoa lớn như bánh xe, có xanh, vàng, đỏ, trắng... đủ loại, màu sắc khác nhau, hương thơm thanh khiết vì diệu, biến cực lạc thế giới trang nghiêm thành Tịnh thổ thánh địa. Trong “A Di Đà kinh” viết::

“Trong ao có hoa sen lớn như bánh xe, màu xanh có hào quang xanh, màu vàng có hào quang vàng, màu đỏ có hào quang đỏ, màu trắng hào quang trắng, hương thơm vì diệu thanh khiết. Thành tựu công đức trang nghiêm như vậy cho Xá Lợi Phất, Cực Lạc quốc thổ. Ngày đêm sáu thời, hoa Mạn Đà La rải như mưa. Chúng sinh nước này, thường vào sáng sớm, trang phục chỉnh tề, cưỡi trên diệu hoa, cúng dường mười vạn ức Phật của phương khác...”

(Trì trung liên hoa đại như xa luân, thanh sắc thanh quang, hoàng sắc hoàng quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang, vì diệu hương khiết. Xá Lợi Phất, Cực Lạc quốc thổ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.... Trú dạ lục thời, vũ thiên Mạn Đà La hoa. Kỳ thổ chúng sinh, thường dĩ thanh dân, các dĩ y giới, thịnh chúng diệu hoa, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật...)”

Quyển hạ “Vô Lượng Thọ kinh” ghi:

“Nếu có chúng sinh, minh tín trí Phật chí thắng trí, tác chư công đức, tín tâm hồi hướng, những chúng sinh này sẽ tự nhiên hóa sinh trong hoa bảy báu, xếp bằng mà ngồi”.

(Nhược hữu chúng sinh, minh tín trí Phật nãi chí thắng trí, tác chư công đức, tín tâm hồi hướng, thử chư chúng sinh, vu thất bảo hoa trung, tự nhiên hóa sinh, kiết già nhi tọa).

Đó là nói chúng sinh trong Cực Lạc Tịnh thổ, làm hết thấy công đức, hồi hướng với niềm tin, tự nhiên hóa sinh từ trong hoa sen bảy báu.

Hoa sen của cực lạc thế giới

Trong Tịnh thổ mười phương, quan hệ giữa hoa sen và thế giới Cực Lạc là đặc biệt sâu sắc.

Thế giới Cực Lạc còn được gọi là “Liên bang” (nước của hoa sen) bởi vì chúng sinh của nước này đều từ trong hoa sen hóa sinh, nên gọi là Liên bang. Quyển 2 “A Di Đà kinh số sao” ghi:

“Hoa sen, vốn là huyền cung xác phàm ở, là ngôi nhà thần an trí huệ mạng, là nước mà ai cũng muốn đến, tên gọi nước này là Liên bang.

(Liên hoa giả, nại ngự phàm xác chi huyền cung, an huệ mạng chi thần trạch, vãng nghệ chi quốc, hiệu viết Liên bang).

Do vậy, Tịnh Độ tông cũng lấy hoa sen tượng trưng cho thế giới Cực Lạc, nhân dân của thế giới Cực Lạc, đều lấy hoa sen làm nơi ở, và cũng dùng đài sen để vui mừng tiếp dẫn người nguyện vãng sinh, nên Tịnh Độ tông còn được gọi là “Liên tông”. Những người niệm Phật cầu vãng sinh, đều hóa sinh từ trong hoa sen, nên có tên gọi “Liên hoa hóa sinh” hoặc “Liên Thai”. Trong kinh điển Phật giáo, có các loại tên gọi của hoa sen, nhưng đều dùng bốn loại hoa sen để thuật vẽ trang nghiêm của Phật quốc.

Ba quyển kinh Tịnh Độ dùng hoa sen trang nghiêm thế giới Cực Lạc. “Vô Lượng Thọ kinh” viết:

“Hoa sen bằng các báu đầy khắp thế giới, mỗi hoa báu đều có bách thiên ức cánh hoa, ánh sáng của hoa có vô số màu, xanh có ánh sáng xanh, trắng có ánh sáng trắng, đen, vàng, đỏ, tím cũng đều có ánh sáng như vậy (Chúng bảo dích liên hoa châu mãn thế giới, nhất nhất bảo hoa hữu bách thiên ức

diệp, kỳ diệp qang minh hữu vô lượng chủng sắc, thanh sắc thanh quang, bạch sắc bạch quang, huyền, hoàng, chu, tử, quang sắc diệp nhiên).

“A Di Đà kinh” giảng:

“Hoa sen trong ao lớn như bánh xe, xanh có hào quang xanh, vàng có hào quang vàng, đỏ có hào quang đỏ, trắng có hào quang trắng, hương thơm vi diệu thanh khiết”.

Trong “Quán Vô Lượng Thọ kinh”, Phật A Di Đà cùng các vị Bồ Tát là Quan Âm, Đại Thế Chí đều ngồi trên tòa sen báu, khi có người sắp mệnh chung, tay các ngài bung đài sen đến tiếp dẫn chúng sinh, vãng sinh quốc thổ Cực Lạc. Kinh viết như sau:

“Khi hành giả sắp lâm chung, Phật A Di Đà cùng Quan Âm, Thế Chí cùng các quyền thuộc, bung đài sen vàng, hóa thành 500 hóa Phật, tới đón người”.

Hoặc “Khi hành giả sắp mệnh chung, Phật A Di Đà cùng các tỳ kheo quyền thuộc đến vây quanh... hành giả nhìn thấy trong lòng mừng vui, tự thấy thân mình ngồi trên đài sen, quì xuống chấp tay, lễ bái đức Phật, chưa ngẩng đầu lên, đã được vãng sinh thế giới cực lạc hoa sen nở rộ”.

Trong kinh, dùng thời gian nở của hoa sen, đo lường cho việc tích phúc đức nhiều hay ít của hành giả mà quyết định thời gian được gặp Phật, như người được thượng phẩm thượng sinh, hoa sen qua một đêm liền nở; người thượng phẩm trung sinh và hạ sinh, hoa sen qua một ngày một đêm mới nở; người trung phẩm thượng sinh, do tuần mới nở; người trung phẩm trung sinh, bảy ngày sau hoa sen mới nở; người hạ phẩm thượng sinh, trải 49 ngày hoa sen mới nở; người hạ phẩm trung sinh 6 kiếp sau hoa sen mới nở; còn người hạ phẩm hạ sinh, phải sau 12 đại kiếp hoa sen mới nở.

Trong Tịnh thổ Cực Lạc, trong, ngoài, trái, phải có rất nhiều ao, có ao rộng 10 do tuần, có ao 20, 30 thậm chí cả trăm,

cả ngàn do tuần. Trong ao có nước Bát công đức, lúc nào cũng tràn đầy, thanh tịnh hương khiết, mùi vị ngọt ngào như nước Cam Lộ. Ao cũng được làm từ thất bảo, có ao bằng vàng, đáy rải cát bạc trắng. Ao bằng san hô, đáy rải hổ phách. Thậm chí có ao là tam bảo, ngũ bảo, hoặc thất bảo cấu tạo nên.

Bên bờ của ao có cây chiên đàn, hoa, lá rũ xuống, hương thơm ngào ngạt, trong ao có hoa sen, lớn như bánh xe, có hoa sen xanh lấp lánh ánh sáng xanh, hoa sen vàng ánh vàng, hoa sen đỏ ánh đỏ, hoa sen trắng ánh trắng, hào quang rực rỡ, hương thơm ngào ngạt.

Nước Bát công đức có các đặc tính: nhuận nhả, không hôi, nhẹ, lạnh, dịu, đẹp, khi uống vào rất dễ chịu, có đầy đủ Bát đức. Khi các vị Bồ Tát, Thanh Văn chúng trong Tịnh thổ vào ao báu này, muốn nước dâng lên tới gối, nước sẽ lên tới gối. Muốn tới ngang lưng, nước sẽ dâng tới ngang lưng, thậm chí muốn rưới lên toàn thân, nước cũng sẽ làm vậy, còn muốn nước trở về như cũ cũng sẽ theo như ý muốn. Chất nước điều hòa, nóng lạnh tùy theo ý người muốn, nước này có thể giúp cho tinh thần người ta phấn chấn, có thể an lạc, quét sạch bụi bẩn, trong sáng sạch sẽ, không có một chút tạp chất. Trong ao có cát bằng thất bảo cùng phản chiếu với nước, có khi có những đợt sóng vi tế gợn lăn tăn, trước sau nối tiếp nhau, có khi bình lặng mà chảy từ từ không nhanh không chậm, vừa đúng theo tâm ý.

Có khi gió thổi tan hoa bay khắp nơi trên Phật thổ, hoa sẽ xếp theo màu sắc khi rơi xuống đất, không lẫn lộn vào nhau, hoa trải trên mặt đất mềm mại và sáng bóng, hương thơm ngào ngạt tỏa khắp nơi. Khi chân đạp lên, đất sẽ lún xuống bốn tấc theo bước chân, khi chân nhấc lên thì khôi phục nguyên trạng. Khi những cánh hoa rơi xuống đất đã không còn dùng được, mặt đất sẽ tự động mở ra thu hết hoa vào lòng đất, khiến mặt đất trở nên thanh tịnh không nhiễm. Sau đó, tùy theo thời tiết lại có gió thổi hoa rụng, rải đầy đất Phật.

Trong Tịnh thổ mọc rất nhiều hoa sen báu, nở đầy khắp thế giới Phật, mỗi đóa sen báu có bách thiên ức cánh, ánh sáng của hoa vô số loại màu xanh vàng, trắng, đen, đỏ, tím, ánh sáng rực rỡ, lông lánh như nhật nguyệt. Mỗi hoa báu có tam thập lục bách thiên ức tia sáng. Trong mỗi tia sáng hiện ra tam thập lục bách thiên ức vị Phật, thân Phật có màu vàng tía, tướng tốt đặc thù. Mỗi vị Phật lại phóng trăm ngàn hào quang, chiếu khắp mười phương thuyết pháp vi diệu, đưa dẫn chúng sinh vào chánh đạo Phật.

Theo ghi chép trong “A Di Đà kinh”, hoa sen Tây phương cực lạc Tịnh thổ sinh trưởng trong ao thất bảo (vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xà cừ, xích châu, mã não), dùng nước Bát công đức, nuôi dưỡng, hoa lớn như bánh xe, có rất nhiều màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng... khác nhau, hương thơm vi diệu thanh khiết, đưa thế giới Cực Lạc trang nghiêm trở thành Tịnh thổ. Kinh điển còn chép, người được vãng sinh thế giới Cực Lạc, tùy theo nghiệp tạo trong đời, có thể chia thành 9 cấp bậc vãng sinh, hay còn gọi là cửu phẩm hóa sinh, tức hóa sinh trong hoa sen. Phẩm vị vãng sinh được định theo trình độ giác ngộ với trí huệ thật tướng, có người không thể tịnh độ, hoặc chỉ tin Tịnh thổ không trồng các thiện căn, tu các thiện nghiệp, những người này chỉ có thể vãng sinh vào các cung điện ở biên thùy của thế giới Cực Lạc mà thôi. Còn nếu như đối với tin sâu sắc Phật pháp không dối đời, đầy đủ Nguyện và thành tiến có thể tùy thuận Hạnh nghiệp cửu phẩm, hóa sinh trong hoa sen, tiến đến Phật quốc Liên bang.

Đài sen báu của A Di Đà Phật

Hiện nay muốn quán tưởng đức Phật A Di Đà, trước tiên nên quán tưởng Phật trên đất thất bảo, mọc ra hoa sen, mỗi cánh hoa sen này đều có diệu sắc của trăm thứ báu, và có đủ 8 vạn 4 ngàn gân lá, giống như bức họa của nhà trời. Trên

mỗi một gân lá có 8 vạn 4 ngàn tia sáng, những ánh sáng của gân lá đều rõ rệt phân minh, giúp hành giả hoàn toàn nhận rõ.

Những cánh hoa sen này tương đối nhỏ, nhưng bề rộng xòe ra 1 vạn dặm, hoa sen lại có 8 vạn 4 ngàn cánh lớn, giữa mỗi một cánh sen đều có bách ức hạt châu Ma Ni lớn trang sức; và mỗi hạt châu Ma Ni này đều phóng ra ngàn loại tia sáng lóng lánh, ánh sáng cũng tỏa ra như là chiếc dù báu, do bảy báu hợp thành, phủ khắp thế gian.

Trước trên hoa sen có đài hoa, đài này do Thích Ca Tỳ Lăng Già Ma Ni bảo tạo nên, đài sen này lại có 8 vạn kim cương màu đỏ, 8 vạn tịnh như ý bảo và diệu chân châu vông (lưới bằng hạt châu)... trang sức.

Trên đài sen tự nhiên có bốn trụ của bảo tràng, mỗi tòa bảo tràng như trăm ngàn núi Tu Di, bảo màn quý trên tràng



Tượng A Di Đà tam tôn
(bảo tàng quốc gia Đông Kinh)

như Dạ Ma thiên cung, được trang trí bởi 500 ức vi diệu bảo châu, mỗi hạt bảo châu có 8 vạn 4 ngàn loại ánh sáng, mỗi một tia sáng lại hóa thành 8 vạn 4 ngàn màu vàng khác nhau, mỗi một màu vàng che phủ trên bảo thổ đại địa, biến hóa khắp nơi, hóa thành các loại tướng lạ.

Một số tướng lạ hóa thành đài kim cương, một số hiện thành lưới trên châu, một số biến thành tạp hoa vân, ở các mặt của thập phương tùy ý biến hiện, thi tác Phật sự. Đó chính là quán tưởng tòa sen, là đệ thất thiền quán.

Quan Âm, Đại Thế Chí Bồ Tát và hoa sen

Thông thường các dạng thị hiện của Quan Thế Âm Bồ Tát đều có quan hệ mật thiết với hoa sen. Trong “Thập Lục Quán kinh” ghi chép: cánh tay của Quan Thế Âm Bồ Tát giống màu cánh sen đỏ, có 80 ức loại vi diệu quang minh làm thành Anh lạc, trong chuỗi Anh lạc, phổ hiện hết thảy trang nghiêm vi diệu, loại hoa sen đủ sắc, mười đầu ngón tay trên bàn tay, mỗi ngón đều có 8 vạn 4 ngàn loại vân tay, giống như ấn văn. Trên mỗi vân tay có 8 vạn 4 ngàn màu, mỗi màu lại phóng ra 8 vạn 4 ngàn loại ánh sáng. Các ánh sáng này vô cùng mềm mại, phổ chiếu nhất thiết, Quan Thế Âm Bồ Tát dùng bàn tay báu này để tiếp dẫn chúng sinh.

Nếu thường xuyên quán tưởng Quan Thế Âm Bồ Tát như vậy, sẽ có được quả báo



Thánh chúng thế giới cực lạc bung đài sen báu tiếp dẫn chúng sinh

không bao giờ gặp các họa hại, khu trừ nhiễm chương, trừ khử tội của vô số kiếp sinh tử.

Ở thế giới Cực Lạc, hình ảnh tôn quý của Đại Thế Chí Bồ Tát cũng có liên quan tới hoa sen. Trên mão ngọc của ngài có 500 đóa hoa sen báu, trên mỗi hoa báu có 500 tòa bảo đài, trong mỗi bảo đài, tịnh diệu quốc thổ của thập phương chư Phật, tất cả các tướng dài rộng thế nào đều được hiện rõ. Nhục kế (tóc kết trên đỉnh đầu) trên đỉnh đầu của ngài giống như hoa sen đỏ, trên nhục kế có một bình báu, chứa đầy các loại quang minh, phổ hiện nhất thiết Phật sự, các thân tướng khác còn lại, không khác gì so với Quan Thế Âm Bồ Tát.

Thường xuyên quán tưởng Đại Thế Chí Bồ Tát, có thể diệt trừ tội sinh tử của vô số a tăng kỳ kiếp.

Cửu phẩm liên hoa của cực lạc tịnh thổ

Phàm là người được vãng sinh Tây phương thế giới Cực Lạc, có thể chia thành 9 phẩm loại:

1. *Thượng phẩm thượng sinh* – Tiếp dẫn bởi Kim Cang bảo đài.

Được thượng phẩm thượng sinh là những chúng sinh phát nguyện vãng sinh nước Cực Lạc, nếu như phát khởi ba tâm nguyện liền có thể vãng sinh. Đó là: 1/ Tâm chí thành; 2/ Thâm tín tâm; 3/ Tâm phát nguyện hồi hướng. Nếu ai đầy đủ ba tâm nguyện này, nhất định được vãng sinh thế giới Cực Lạc.

Người được thượng phẩm thượng sinh, khi vãng sinh tới nước Cực Lạc, Phật A Di Đà Như Lai cùng Quan Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ Tát còn có vô số hóa Phật, trăm ngàn đại chúng tỳ kheo Thanh Văn thánh giả, vô lượng chư thiên, sẽ từ cung điện thất bảo đến. Quan Thế Âm Bồ Tát tay bưng Liên Hoa bảo đài được chế tác từ kim cương cùng với Đại Thế Chí Bồ Tát bước đến trước mặt hành giả.

Lúc ấy, Phật A Di Đà từ trong hư không phóng đại quang minh, chiếu soi thân thể của hành giả, cùng với chư Đại Bồ Tát chúng đưa tay nghênh tiếp. Tiếp đến, Quan Thế Âm, Đại Thế Chí cho đến vô số vị Bồ Tát, đồng loạt tán thán hành giả, và khuyến tiến tâm ý. Sau khi hành giả nhìn thấy, mừng rỡ vô cùng, có thể tự thấy thân thể của mình ngồi trên bảo tòa Kim Cương, theo sau có đức Phật. Trong chớp mắt, lập tức vắng sinh trong nước Cực Lạc.

2. *Thượng phẩm trung sinh* – Tiếp dẫn Tử Kim Liên hoa đài (đài hoa sen tía).

Người tu đạt được thượng phẩm trung sinh, không nhất định phải thọ trì đọc tụng kinh điển Đại thừa và hiểu rõ nghĩa lý trong đó, nhưng hiểu biết nghĩa cứu cánh của Phật Đà, tâm không sợ hãi kinh động, triệt ngộ cứu cánh của nghĩa Không. Tin sâu nhân quả, không phỉ báng Phật pháp Đại thừa. Với công đức này, phát nguyện hồi hướng cầu vắng sinh quốc thổ Cực Lạc.



Hoa sen hoá sinh (động đá thứ 10 ở Vân Cương, Bắc Ngụy)



Ngôi vẽ hoa văn hoa sen hoá sinh (chùa Vĩnh Ninh, Lạc Dương)

Người tu hành đạt được thượng phẩm trung sinh, khi sinh duyên hết, sắp lâm chung, Phật A Di Đà cùng với Quan Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ Tát được vây quanh bởi vô lượng đại chúng quyến thuộc, tay bưng Tử Kim Liên hoa đài (đài hoa sen tía) cùng ngàn vị hóa Phật, đồng loạt đón tiếp dẫn. Hành giả tự thấy mình tọa trên Tử Kim đài, chấp tay tán thán chư Phật. Chỉ trong một niệm, lập tức vãng sinh trong ao thất bảo của quốc thổ Cực Lạc.

Sau khi vãng sinh thế giới Cực Lạc, hành giả ở nơi như Đại Bảo Liên Hoa trong ao sen thất bảo, trải qua một đêm lập tức mở ra. Lúc ấy Tịnh thổ hành giả ngồi tọa trên Tử Kim đài, thân thể hóa thành Tử Ma Kim Sắc, dưới chân có hoa sen bằng thất bảo.

3. *Thượng phẩm hạ sinh* – Tiếp dẫn bằng Kim Sắc Liên hoa (hoa sen vàng)

Người tu đạt được thượng phẩm hạ sinh, do không phỉ báng Đại thừa và phát đạo tâm vô thượng bồ đề. Với công đức này, phát nguyện hồi hướng cầu sinh thế giới Cực Lạc.

Người tu đạt được thượng phẩm hạ sinh, khi sinh duyên hết, lúc sắp lâm chung, Phật A Di Đà cùng Quan Thế Âm, Đại Thế Chí Bồ Tát và chư quyến thuộc Bồ Tát tay bưng đài sen vàng, hóa hiện 500 vị hóa Phật đến nghênh tiếp, 500 vị hóa Phật cùng lúc giờ tay tiếp dẫn.

Khi chứng ngộ được cảnh giới này, hành giả lập tức tự thấy mình tọa trên đài sen vàng, lập tức, hoa sen tự khép lại, theo sau A Di Đà Phật Thế Tôn, tức thì được vãng sinh trong ao thất bảo của thế giới Cực Lạc.

Hành giả đạt thượng phẩm hạ sinh, trải qua một ngày một đêm ở thế giới Cực Lạc, hoa sen mới mở ra, trong vòng bảy ngày, có thể được gặp Phật. Người này tuy thấy thân Phật, nhưng đối với các loại hảo tướng của Phật A Di Đà, tâm vẫn không nhìn rõ, phải trải qua hai mươi một ngày sau, mới có

thể nhìn thấy hết rõ ràng, và nghe thấu các loại âm thanh, tất cả đều đang diễn thuyết diệu pháp.

4. *Trung phẩm thượng sinh* – Tiếp dẫn bởi Liên hoa đài

Người tu hành đạt trung phẩm thượng sinh, có thể vắng sinh quốc thổ Cực Lạc, nếu như chúng sinh giữ ngũ giới: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, trì phụng bát quan trai giới, tu hành các giới pháp, không tạo ngũ nghịch trọng tội, không có các lỗi nặng. Với thiện căn này, hồi hướng cầu nguyện vắng sinh thế giới Tây phương cực lạc, có thể tu đắc trung phẩm thượng sinh.

Người tu hành đạt được trung phẩm thượng sinh, khi mạng sống hết, lúc sắp lâm chung, A Di Đà Phật với sự vây quanh của tỳ kheo quyến thuộc đại chúng, phóng hào quang màu vàng, đến nơi diễn thuyết pháp âm khổ, không, vô thường, vô ngã, tán thán nhân duyên của xuất gia, hành giả có thể thoát được các đau khổ thế gian.

Hành giả sau khi thấy cảnh giới này, trong tâm sinh khởi quảng đại hoan hỷ, tự thấy thân mình ngồi trên đài sen, quì gối chấp tay dập đầu sát đất lễ bái Phật. Sau khi đánh lễ, khi chưa ngẩng đầu lên, đã vắng sinh thế giới Cực Lạc.

5. *Trung phẩm trung sinh* – Tiếp dẫn bởi Thất Bảo Liên hoa

Người tu hành đạt trung phẩm trung sinh, là những chúng sinh, thọ trì Bát quan trai giới một ngày một đêm, hoặc thọ trì Sa di giới một ngày một đêm, hoặc thọ trì Cụ túc giới một ngày một đêm, không có khuyết điểm gì về Uy nghi giới pháp. Với công đức này, hồi hướng khẩn nguyện cầu sinh quốc thổ Cực Lạc, do tu tập của giới hương này ấy, có thể tu đắc cảnh giới trung phẩm trung sinh.

Người tu hành đạt tới trung phẩm trung sinh, khi sinh duyên hết, lúc sắp lâm chung, sẽ được thấy Phật A Di Đà và đại chúng quyến thuộc phóng ra hào quang màu vàng, tay

bưng Thất Bảo Liên Hoa đến. Tiếp đến Tịnh thổ hành giả sẽ thấy mình ngồi trên hoa sen. Hoa sen lập tức khép lại, văng sinh trong Bảo Liên trì của thế giới Tây phương Cực Lạc.

Hoa sen trong Liên trì trải qua bảy ngày bắt đầu mở ra. Sau khi hoa nở, hành giả mở mắt chấp tay, tán thán A Di Đà Phật Thế Tôn và hoan hỉ được nghe pháp, chứng đắc cảnh giới Tu Đà Hoàn, sơ quả Thanh Văn, sơ dự pháp lưu (mới vào dòng sông Pháp); trải qua nửa kiếp, thành tựu cảnh giới A La Hán.

6. Trung phẩm hạ sinh

Nếu thiện nam tử hoặc thiện nữ nhân, hiếu dưỡng phụ mẫu, ở thế gian làm điều nhân nghĩa, khi sắp mệnh chung, gặp được thiện tri thức giảng thuyết các việc hỷ lạc trong quốc thổ Cực Lạc A Di Đà Phật, và vì họ thuyết 48 đại nguyện do bản sinh của A Di Đà Phật là Pháp Tạng Bồ Tát phát thệ, lập tức được văng sinh thế giới Tây phương Cực Lạc.

Người trung phẩm hạ sinh khi văng sinh thế giới Cực Lạc trải qua bảy ngày, sẽ gặp Quan Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ Tát vì họ thuyết pháp, nếu hoan hỉ nghe pháp, liền chứng đắc sơ quả Tu Đà Hoàn, trải qua một tiểu kiếp, chứng quả A La Hán, đó là trung phẩm hạ sinh.

7. Hạ phẩm thượng sinh – Hóa Phật tiếp dẫn

Nếu như có chúng sinh trong đời tạo các các loại ác nghiệp, mặc dù không phỉ báng các kinh điển của pháp Đại thừa, nhưng với người ngu si, làm nhiều ác sự không có tâm hối hận. Tuy là người ác, cũng vẫn có cơ hội văng sinh thế giới Cực Lạc.

Họ cần có phúc đức nhân duyên. Khi họ sắp lâm chung, gặp bậc thiện tri thức, bậc thiện tri thức này vì họ tán thán tên gọi các kinh điển Đại thừa, do duyên phận được nghe danh hiệu của các kinh, nên có thể trừ bỏ ác nghiệp cực nặng của ngàn kiếp. Lúc đó, người thiện tri thức này dạy họ chấp tay, tụng niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Do duyên có tụng niệm

danh hiệu Phật, trừ bỏ tội sinh tử 50 ức kiếp. Lúc ấy, A Di Đà Phật lập tức khiến phái Hóa Phật đến nơi tiếp dẫn.

Nhưng người được hạ phẩm thượng sinh, sau khi trải qua bảy bảy bốn mươi chín ngày ở thế giới Cực Lạc, Liên hoa nở ra. Khi hoa sen nở, Đại Bi Quan Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ Tát thân phóng hào quang rộng lớn, an trú ở trước mặt người, vì họ tuyên thuyết 12 bộ kinh điển thâm diệu tốt cùng.

8. Hạ phẩm trung sinh - Thiên hoa tiếp dẫn

Nếu chúng sinh ngu muội, hủy hoại Ngũ giới, Bát giới và Cụ túc giới, thậm chí trộm cắp vật phẩm của tăng già, và vì danh lợi thuyết pháp không thanh tịnh mà không biết hổ thẹn. Loại tội nhân này, do duyên cơ của ác nghiệp, sẽ phải đọa địa ngục.

Nhưng nếu như họ, vào lúc sắp lâm chung, khi lửa nóng của các địa ngục đồng thời hiện đến mà gặp được thiện tri thức, vị thiện tri thức này dùng tâm đại từ bi, vì họ tán thán tuyên thuyết thập lực uy đức của A Di Đà Phật Như Lai, ca tụng tán thán thần lực của hào quang A Di Đà Phật, cũng tán thán Ngũ phần pháp thân là Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến.

Sau khi nghe xong, người đó trừ được tội sinh tử của 80 ức kiếp. Lửa nóng địa ngục chuyển thành ngọn gió mát trong, thổi đến các loại Thiên hoa (hoa trời), trên hoa có Hóa Phật, Bồ Tát đến nghênh tiếp, và trong thời gian ngắn bằng một niệm, lập tức được vãng sinh trong hoa sen của Thất Bảo trì.

Những người này ở nơi thế giới Cực Lạc, phải trải qua 6 kiếp hoa sen mới nở. Khi hoa sen nở, Quan Thế Âm, Đại Thế Chí Bồ Tát dùng trang nghiêm Phạm âm hiện đến an ủi họ, vì họ tuyên thuyết kinh điển thâm diệu của Đại bi Phật pháp. Sau khi nghe được pháp, lập tức họ phát khởi đạo tâm vô thượng bồ đề.

9. *Hạ phẩm hạ sinh* – Kim sắc liên hoa (hoa sen vàng) tiếp dẫn.

Có những chúng sinh, đã làm những nghiệp hạnh bất thiện, tạo trọng tội Ngũ nghịch Thập ác như giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp tăng chúng, ác tâm khiến thân Phật chảy máu.... quá nhiều các loại hành vi bất thiện. Do duyên cơ của ác nghiệp, nên phải đọa vào ác đạo, trải qua nhiều kiếp, chịu khổ đau vô cùng tận.

Những người này lúc sắp lâm chung, nếu may gặp được bậc thiện tri thức ban cho những lời khuyên bảo an ủi vì họ tuyên thuyết diệu pháp, dạy họ niệm Phật. Nhưng những chúng sinh này do đau khổ bức bách, nên không thể định tâm niệm Phật. Lúc ấy các thiện hữu hãy nói với họ rằng: “Nếu không thể niệm Phật, hãy tụng niệm xin về với A Di Đà Phật”. Người ấy nghe rồi, nếu có thể toàn tâm lớn tiếng niệm danh hiệu Phật không dứt, ít nhất đủ 10 lần, xưng tụng Nam Mô A Di Đà Phật. Do duyên cơ xưng niệm Phật danh, trong mỗi niệm, trừ đi tội sinh tử của 80 ức kiếp. Do đó, vào lúc mạng chung, sẽ thấy rực rỡ như mặt trời, an trú trước mặt, chỉ trong thời gian một niệm, lập tức được vãng sinh thế giới Cực Lạc.

Loại chúng sinh này ở trong hoa sen, trải qua đủ 12 đại kiếp, hoa sen mới nở, khi hoa sen nở, Quan Thế Âm, Đại Thế Chí Bồ Tát dùng âm thanh từ bi, lập tức vì người quảng thuyết chư Pháp thật tướng, pháp môn trừ diệt các tội, nghe xong trong tâm hoan hỷ, lập tức họ sẽ phát khởi tâm bồ đề. Đó chính là hạ phẩm hạ sinh.



Hoa sen hóa sinh
của Ai Cập cổ đại

Trong kinh điển ghi, người muốn vãng sinh thế giới Cực Lạc, khi còn sống cũng có thể tập luyện quán tưởng trước, trước tiên quán tưởng mình sinh trong quốc thổ Cực Lạc, tiếp theo quán tưởng hoa sen mở và khép, quán tưởng về hoa sen khai mở. Khi hoa sen nở, quán tưởng có 500 sắc hào quang chiếu diệu tự thân, tiếp đến quán tưởng khi mở mắt ra, nhìn thấy Phật và Bồ Tát đứng chật hư không, thủy triều, thụ lâm và tiếng của chư Phật phát ra tự nhiên diễn thuyết diệu pháp, tương hợp với kinh điển do đức Phật thuyết giảng. Nếu sau khi xuất định, đối với cảnh giới này vẫn nhớ được không mất gọi là thấy được thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật. Đó được gọi là Phổ quán tưởng và cũng chính là quán thứ 12 trong kinh Thập Lục quán, chính là quán pháp viên mãn quán tưởng thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật.

VŨ TRỤ CỦA HOA SEN

Vũ trụ quan của Phật giáo có mối quan hệ mật thiết với hoa sen “Liên Hoa Tạng Thế Giới Hải” trong Phật giáo có ý chỉ thế giới công đức vô lượng quảng đại trang nghiêm ẩn chứa trong hoa sen, tức là tất cả thế giới đều an trú trong Liên Hoa Thai Tạng.

Thế giới của Phật Tỳ Lô Giá Na được thuật trong “Hoa Nghiêm kinh”, “Phạm Võng kinh” còn được gọi là Hoa Nghiêm Trang Nghiêm Thế Giới Hải, Liên Hoa Thai Tạng Thế Giới Hải. Gọi tắt là Hoa Tạng Thế Giới, hay Liên Tạng.

Trong “Hoa Nghiêm kinh” viết, Liên Hoa Tạng Thế Giới do Tỳ Lô Giá Na Phật trải qua muôn ngàn công đức trang nghiêm của vô số Bồ Tát hạnh mới thành tựu, tầng thấp nhất có 10 lớp phong luân nhiều như số của vi trần (hạt bụi), bên

trên 10 lớp vi trần số phong luân là Hương thủy hải, trong Hương thủy hải (biển nước thơm) có hoa sen lớn và thế giới ở trong đó chính là Liên Hoa Tạng Thế Giới.

Còn trong “Phạm Võng kinh” viết, thế giới này được cấu thành từ hoa sen lớn ngàn cánh (Thiên diệp đại liên hoa), mỗi hoa sen có bách ức tu di, tứ thiên hạ, Nam Diêm Phù Đề. Lô Xá Na Phật ngồi trên đài sen, tự hóa thành cả ngàn Thích Ca Mâu Ni Phật, ở Thiên diệp thế giới. Cả ngàn Thích Ca lại hóa thành Thiên bách ức Bồ Tát Thích Ca, mỗi vị thuyết pháp dưới gốc cây bồ đề. Quyển thượng của kinh này viết:

“Lô Xá Na Phật (lược bỏ phần giữa) trú tại Liên Hoa Thai Tạng Thế Giới Hải, chung quanh đài sen có ngàn cánh, mỗi cánh là một thế giới, tức hằng ngàn thế giới, ta hóa thành ngàn Thích Ca, ở trong ngàn thế giới, sau đó quay về thế giới mỗi cánh sen, hóa ra trăm ức núi Tu Di, trăm ức mặt trời, mặt trăng, trăm ức tứ thiên hạ, trăm ức Nam Diêm Phù Đề, trăm ức Bồ Tát Thích Ca, ngồi dưới trăm ức gốc cây bồ đề, mỗi người thuyết Bồ Đề tát đóa tâm địa mà các người cần truy vấn”.

Vũ trụ quan của Liên Hoa Tạng Thế Giới, có thể chịu sự ảnh hưởng của Bà La Môn giáo Ấn Độ. Trong Bà La Môn cho rằng, thần Tỳ Thấp Nô (vishnou) hiện ra trong nước, từ trong rốn mọc ra hoa sen, từ trong hoa sen ấy sinh ra Phạm Thiên (Bhrama) sáng tạo nên thế giới.

Tịnh thổ tông gọi thế giới báo thân của A Di Đà Phật là Liên Hoa Tạng Thế Giới. Còn Mật giáo coi Tịnh thổ của pháp thân Đại Nhật Như Lai là Liên Hoa Tạng Thế Giới.

Ngoại trừ “Hoa Nghiêm kinh” và “Phạm Võng kinh”, trong các sách như “Nhiếp Đại Thừa Luận” khi nói đến Tịnh thổ của chư Phật kiến lập đều dựa theo trên hoa sen, chứ không hạn định chỉ là trú xứ của Tỳ Lô Giá Na Như Lai.

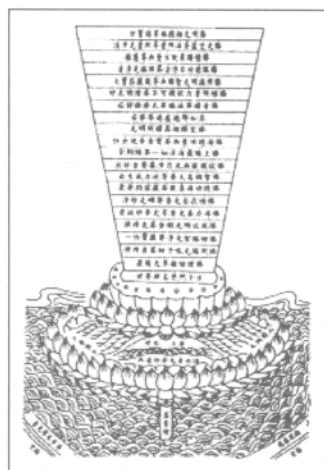
Liên hoa tạng thế giới hải của “Hoa Nghiêm Kinh”

Trong “Hoa Nghiêm kinh. Hoa Tạng Thế Giới phẩm” ghi, phẩm này do Phổ Hiền Bồ Tát thuyết giảng tình cảnh của Hoa Tạng Thế Giới Hải của Tỳ Lô Giá Na Phật trang nghiêm thanh tịnh.

“Hoa” là chỉ hoa sen; “Tạng” là chỉ nơi hàm chứa hạt của hoa sen. Bởi vì tất cả thế giới hạt giống của thế giới trong Hoa Tạng Thế Giới đều hàm chứa bên trong Đại Liên hoa (hoa sen lớn) và đều trú ở trên Đại Liên hoa, nên mới gọi thành “Hoa Tạng”. Hoa Tạng thế giới này được hình thành do sự nghiêm tịnh của Tỳ Lô Giá Na Như Lai khi còn tu hạnh Bồ Tát, thân cận đức Phật của thế giới hải nhiều như hạt bụi, tu trì đại nguyện của số lượng thế giới hải nhiều như vi trần (nhiều như bụi trần, ví dụ con số quá nhiều).

Hoa Tạng Thế Giới được chống đỡ bởi các phong luân (bánh xe gió) vừa lớn vừa nhiều, các phong luân này từng tầng lớp xếp thành tầng tầng mãi lên cao, phong luân ở trên cùng nhất gọi là phong luân “Thù thắng uy quang tạng”, phong luân này nâng lấy “Phổ quang Ma Ni trang nghiêm Hương thủy hải”. Trong Hương thủy hải có một đóa sen lớn tên gọi “Chủng chủng quang minh nhụy hương tràng”, Hoa Tạng Thế Giới chính an trú trong đóa sen này, bốn phía xung quanh có Kim Cang Luân sơn vây bọc.

Tướng trạng của phong luân nâng đỡ Hương thủy hải, trong biển của hoa sen, nếu như xét theo chúng sinh, là gió vọng tưởng nắm lấy Như Lai Tạng thức và biển



Liên hoa tạng thế giới

pháp tánh, sinh ra vô số nhân quả, hàm nhiếp thế gian, xuất thế gian cũng như vị lai quả pháp. Còn nếu như xét theo cảnh giới của chư Phật, chính là dùng Đại Nguyên phong nâng đỡ Đại bi hải, sinh ra vô biên hạnh hoa, chúa tể vạn cảnh, trùng điệp vô ngại. Còn sinh khởi của Nguyện hương tràng liên hoa, biểu thị từ trong căn bản trí khởi tập khí sai biệt, hành sai biệt hạnh.



Tranh An Lập
của thế giới Hoa tạng

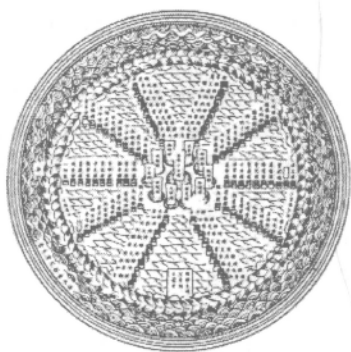
Trong Hoa Tạng Thế Giới, có đại địa của trang nghiêm thanh tịnh, còn có Hương thủy hải của Phật Sát nhiều như vi trần không thể kể xiết, trong mỗi Hương thủy hải, lại có Hương thủy hà của Tứ thiên hạ nhiều như hạt vi trần xoay theo bên phải vây bọc Hương thủy hải; Đại địa, Hương thủy hải, Hương thủy hà đều được trang nghiêm bởi thanh tịnh công đức nhiều như số vi trần của thế giới hải, đồng thời hiển hiện cảnh giới của tất cả Hóa Phật với thần thông tự tại, hết thấy sự biến hóa đều rộng khắp, sở tu nguyện hạnh..., biểu thị cảnh tượng của thể tướng như thật vô sai biệt, một là tất cả, tất cả là một.

Trong Hoa Tạng Thế Giới có số lượng Hương thủy hải nhiều không thể xiết, không đếm được, mỗi Hương thủy hải đều có một chủng loại thế giới an trú, và trong mỗi chủng loại thế giới đều an trú số thế giới nhiều không kể xiết. Sự kết hợp của các biển thế giới này, giống như lưới hạt châu của Đế Thích Thiên, dùng một hạt châu lớn ở trung tâm, lớp thứ hai các hạt châu xuyên lại với nhau vây lấy hạt châu lớn ở giữa, các hạt châu ở lớp thứ hai lại có mỗi hạt làm trung tâm, để các hạt châu ở lớp thứ ba xuyên lại với nhau vây quanh, cứ thế mà theo thứ tự mà kết hợp, hình thành nên dạng lưới đan mà nhìn vào từ lớp bốn

phương tám hướng đều thấy ngang dọc kết lấy nhau, giữa các hạt châu đều có thể giao nhau và giữ chặt lẫn nhau. Kinh điển vì muốn hiểu rõ cảnh giới trang nghiêm này, coi Hương thủy hải ở giữa là chủ tỵ, quảng đại phân biệt bày rõ tình hình tương nhiếp giữa các tầng trong biển Hoa Tạng Thế Giới, như vậy sẽ giúp ta càng thể hội được biển thế giới bất khả tư nghị.

Hương thủy hải ở giữa tên gọi là Vô biên diệu hoa hương thủy hải, chủng loại ở thế giới đó tên là: Phổ chiếu thập phương xá nhiên bảo quang minh thế giới chủng, xung quanh thế giới này được vây bọc bởi 10 Hương thủy hải. Mỗi Hương thủy hải nhất định phối với một chủng loại thế giới, trong thế giới chủng đó bao hàm 20 lớp thế giới. Cho nên 10 Hương thủy hải, mỗi cái lại có số Hương thủy hải với số Phật Sát nhiều như vì trần không thể kể xiết. Số lượng Hương thủy hải nhiều như vậy, ắt sẽ có thế giới chủng cũng nhiều như vậy, mà mỗi thế giới chủng lại có 20 lớp thế giới, nếu như viết thành công thức để biểu thị số lượng của thế giới, sẽ là:

10 Hương thủy hải x 20 lớp thế giới x số Hương thủy hải nhiều như vì trần không thể kể xiết x 20 lớp thế giới, và những cảnh tượng như vậy đều vây xung quanh Hương thủy hải ở giữa (Vô biên diệu hoa Hương thủy hải). Bản thân Hương thủy hải ở giữa lại có 20 lớp thế giới vây quanh. Trùng trùng thế giới, trùng trùng Phật thổ đan xen lẫn nhau và giữa đó chiếu nhiếp hàm chứa lẫn nhau về sự thanh tịnh diệu nghiêm, vô lượng quang minh.



Sắp xếp hình trạng các loại thế giới chung quanh mười phương thế giới

Tất cả cảnh giới trang nghiêm của Hoa Tạng Thế Giới, đều có thể thị hiện cảnh giới của chư Phật; nhân quả, hạnh nghiệp sở hành của chúng sinh ba đời cùng tổng hiện trong đó; như trăm ngàn tấm gương sáng đều có bốn mặt, trước sau chiếu soi hình ảnh lẫn nhau. Cho nên từ đạo lý của nhất thiết pháp không mà có “Nhất niệm hiện tam thế, thập phương thế giới đều hiện ra trong chớp mắt”... các cảnh giới vô ngại.

Liên hoa thai tạng thế giới của “Phạm Võng Kinh”

Liên Hoa Thai Tạng thế giới của “Phạm Võng kinh” có cấu tạo khác với “Hoa Nghiêm trang nghiêm thế giới” của “Hoa Nghiêm kinh”. Trong bài kệ ở quyển hạ của “Phạm Võng kinh” viết: “Ngã kim Lô Xá Na; phương tọa liên hoa đài; châu tán thiên hoa thượng; phục hiện thiên Thích Ca; nhất họa bách ức quốc; nhất quốc nhất Thích Ca; các tọa Bồ Đề thọ; nhất thời thành Phật đạo; Như thị thiên bách ức; Lô Xá Na bản thân; thiên bách ức Thích Ca; các tiếp vi trần chúng; cầu lai chí ngã sở; thính ngã tụng Phật giới”

(Nay Lô Xá Na ta; ngồi trên đài sen báu; chung quanh có ngàn hoa; lại hiện ngàn Thích Ca; mỗi hoa trăm triệu nước; mỗi nước một Thích Ca; ngồi dưới cội Bồ Đề; đồng thời thành Phật đạo; như là trăm ngàn ức; bản thân Lô Xá Na; trăm ngàn ức Thích Ca; cứu chúng sinh vô số; đều đến nơi ta ở; nghe ta tụng Phật giới).

Quyển thượng kinh này viết thêm: “Lúc bấy giờ Thích Ca Mâu Ni Phật ở Ma Tây Thủ La Thiên Vương cung của cảnh giới đệ tứ thiên, tiếp đại chúng thế giới này, trở về trong Liên hoa Thai Tạng thế giới bách vạn ức tử Kim Cang quang minh cung, gặp Lô Xá Na Phật ngồi trên tòa sen báu trăm vạn ức cánh với hào quang rực rỡ. Lúc ấy, Lô Xá Na Phật nói với các đại chúng: Ta đã tu hành tâm địa trải cả trăm A tăng kỳ kiếp, vì nhân duyên mà hóa thành phàm phu, chứng chánh đẳng chánh giác,

hiệu là Lô Xá Na, trú tại Liên Hoa Tạng thế giới hải. Đài hoa này chung quanh có ngàn cánh, mỗi cánh một thế giới, thành ra cả ngàn thế giới.

Ta hóa thành ngàn Thích Ca, ở trong ngàn thế giới. Mỗi cánh hoa có một Thích Ca, lại có cả trăm ức núi Tu Di, trăm ức mặt trời, mặt trăng, trăm ức Tứ thiên hạ; trăm ức Nam Diêm Phù Đề; trăm ức Bồ Tát Thích Ca, người ngồi dưới trăm ức cây Bồ Đề, mỗi người đều thuyết về tâm địa Bồ Đề tát đóa mà các người hỏi. Chín trăm chín mươi chín Thích Ca còn lại, mỗi người cũng hiện trăm ngàn ức Thích Ca như vậy. Đức Phật trên mỗi cánh sen là hóa thân của ta, trăm ngàn ức Thích Ca là hóa thân của một ngàn Thích Ca. Ta chính là gốc cội tên là Lô Xá Na Phật”.

Đại Liên Hoa trong kinh nói đến có một ngàn cánh hoa, mỗi cánh hoa chính là một Đại Thiên thế giới, có trăm ức núi Tu Di cho đến trăm ức Diêm Phù Đề. Trên đài hoa sen có Phật Lô Xá Na ngồi kiết già, trên ngàn cánh hoa, mỗi cánh có một vị Đại Thích Ca, dưới trăm ức cây Bồ Đề mỗi cây đều có một vị Bồ Tát Thích Ca, thuyết giảng pháp môn Bồ Đề tát đóa tâm địa. Các vị Phật Thích Ca trên ngàn cánh sen là hóa thân của Lô Xá Na Phật, còn trăm ức Bồ Tát Thích Ca cũng là hóa thân của Đại Thích Ca. Tức là bao hàm một ngàn Đại Thiên thế giới, còn Liên Hoa Tạng thế giới là trú xứ của Lô Xá Na Phật. Trong đó



Lô Xá Na Phật (động đá Long Môn)

hóa thân của Lô Xá Na Phật là ngàn vị Đại Thích Ca, hóa thân của Đại Thích Ca an trú nơi trăm ức Bồ Tát Thích Ca.

HOA SEN TRONG MẬT GIÁO

Mật pháp, cũng thường dùng hoa sen để ví với tâm yếu thậm thâm. Hai đại bộ là Kim Cang giới và Thai Tạng giới trong Mạn Đà La của Mật giáo. Trong đó Thai Tạng giới dùng chính hoa sen làm tượng trưng.

Thai Tạng là ví dụ cho Ý thức bị bào thai của chúng tử che giấu, có đầy đủ các căn, không lâu sau sẽ sinh ra và phát triển, học tập các loại tài nghệ, để sau đó thi hành sự nghiệp. Dùng điều này để ví dụ trong thể tánh chúng sinh vốn có đầy đủ về Phật tánh, do phát tâm học tập Đại bi vạn hạnh hiện rõ tâm thanh tịnh vốn có. Sau này dùng các loại phương tiện Đại bi, tự lợi tự tha, viên mãn cứu cánh, cho nên cũng được gọi là “Đại Bi Thai Tạng sinh”.

Tựa như hạt giống của hoa sen nằm trong lớp vỏ cứng, thể tánh của cảnh thân hoa lá vốn đã đầy đủ sẵn, chúng tử nằm trong lớp vỏ cứng của hoa sen nẩy mầm, lớn lên, đến khi sinh khởi nộ hoa, đài sen, đã nẩy vững trong cánh sen, không bị các hoàn cảnh bên ngoài như gió, sương làm tổn hại, các nhụy của hình sắc thanh tịnh ngày đêm sinh trưởng phần vinh, cũng giống như Đại bi Thai Tạng.



Mật giáo dùng hoa sen tượng trưng
Phật tính chúng sinh

Đệ nhất viện Trung đài của Mạn Đà La Thai Tạng giới, cũng lấy hoa sen tám cánh làm hình dạng, gọi là Bát diệp Trung đài. Đại Nhật Như Lai an tọa trong đó, tám cánh hoa ở bốn phía phân biệt phối hợp với bốn vị Phật Bảo Sinh, Khai Phù Hoa Vương, Vô Lượng Thọ, Thiện Cổ Lôi Âm và bốn vị Bồ Tát Phổ Hiền, Văn Thù, Quan Âm, Di Lặc, kết hợp thành cửu Tôn.

Trong Mật pháp, hành giả dùng trái tim mình, quán tưởng thành hoa sen tám cánh, trong đó thị hiện cửu Tôn của Trung đài Bát Diệp viện trong Thai Tạng giới. Bởi vì tim (âm) là căn bản để thành để thành tựu quả vị Phật của hết thảy chúng sinh, nhưng vì do chưa khai mở được nên bị trói buộc của các loại phiền não, không thể liễu ngộ tự tâm vốn đầy đủ Như Lai Phật trí, vì thế trước tiên quán tưởng tâm, thành hoa sen tám cánh, khiến các nhụy nở ra đầy đủ. Cách quán tưởng này một là có thể giúp cho chúng ta quán chiếu tâm của bản thân, cũng như hoa sen nở mà mở ra tâm địa; hai là tượng trưng bản thân vốn đầy đủ vô lượng pháp môn.

Tâm hoa sen của Trung Đài Bát Diệp Viện

Trung đài Bát Diệp viện là tổng thể của Mạn Đà La Thai Tạng, cũng là trung tâm Mạn Đà La của Thai Tạng giới, có vị trí ở trung ương Thập nhị đại viện trong Thai Tạng.

Trung đài Bát Diệp viện, dùng tám cánh hoa sen xòe nở làm đồ hình tượng trưng cơ bản, hoa sen tám cánh được ví là tâm liên, đại biểu cho tâm của chúng sinh, trong Phật giáo gọi là “Nhục đoàn tâm”, với hình tượng cụ thể của trái tim, đại biểu tâm chúng sinh, đại biểu cho Phật tính mà chúng sinh vốn đầy đủ; chính vì Như Lai Tạng như Hiện giáo thường đề cập.

Tâm liên tám cánh, trong “Đại Nhật kinh – Cụ Duyên phẩm” mô tả rất rõ:

*Nội tâm diệu Bạch Liên,
Thai Tạng chính quân đấng.
Tạng trung tạo nhất thiết,
Bi sinh Mạn Đà La.*

Tạm dịch:

Sen trắng màu nhiệm trong tâm,
Là bình đẳng ngay chính của Thai Tạng.
Tạng đó tạo dựng nên hết thảy,
Từ bi sinh ra Mạn Đà La.

Quyển thứ 5 “Đại Nhật Kinh Sớ” giải thích: “Nội tâm diệu Bạch Liên” có nghĩa chỉ đó là barn tâm của chúng sinh, lấy diệu pháp Phần Đà Lợi hoa làm tiêu chí bí mật, đài hoa này có tám cánh, viên mãn đầy đặn như hình dáng đang nở. Đài sen tượng trưng cho thật tướng tự nhiên trí huệ, lá sen tức phương tiện đại bi, do đó dùng tâm liên tám cánh đại biểu cho bản thể của Đại bi Mạn Đà La, cũng chính là thanh tịnh bồ đề tâm vốn đầy đủ được biểu thị bằng Bạch Liên hoa (hoa sen trắng).

Trong “Hiện đồ Mạn Đà La”, dùng sự triển hiện của hoa sen màu đỏ Đại biểu cho tâm chúng sinh, do buồng tim là nơi cung cấp máu, nên có màu đỏ, màu đỏ cũng là màu sắc đại biểu cho Đại Bi, vì thế hoa sen màu đỏ tương ứng với Đại Bi Thai Tạng giới; ngoài ra, quan sát tim của chúng sinh tức tám cánh của hoa sen nở



Trung đài bát diệp viện
Mạn Đà La

ra viên mãn nên hoa sen biểu hiện của Đại bi Thai Tạng giới màu đỏ.

Trung đài Bát Diệp viện lấy Đại Nhật Như Lai trên đài hoa sen làm trung tâm, cùng với tứ phương tứ ngung (bốn phía, bốn góc) trên tám cánh hoa sen là Đông phương Bảo Tràng Như Lai, Nam phương Khai Phu Hoa Vương Như Lai, Tây phương Vô Lượng Thọ Như Lai, Bắc phương Thiên Cổ Lô Âm Như Lai, Đông Nam Phổ Hiền Bồ Tát, Tây Nam Văn Thù Bồ Tát, Tây Bắc Quán Tự Tại Bồ Tát, Đông Bắc Di Lặc Bồ Tát, hợp thành cửu Tôn (chín tòa tôn quý)

Cửu Tôn của Trung đài Bát Diệp viện, phân biệt đối ứng với 9 thức của chúng sinh, chuyển thức thành trí, đưa 9 thức này trở thành Như Lai ngũ trí mà chúng sinh vốn có đầy đủ. Đấy đều là Pháp Giới Thể Tính do Đại Nhật Như Lai hiển hiện.

1. Đại Nhật Như Lai: thị hiện làm Pháp Giới Thể Tính trí, chuyển thức thứ 9 là Như Lai Tạng thức để thành tựu viên mãn Phật trí. Pháp Giới Thể Tính trí cũng là tổng thể của bốn Phật trí huệ khác, đại biểu cho viên mãn cứu cánh vô thượng Phật trí, còn bốn loại Phật trí kia thì do bốn phương Phật khác nhau thị hiện khai triển.

2. Bảo Tràng Như Lai: Thị hiện làm Đại Viên Cảnh giới, là chuyển ý thức thứ 8 A Lại Gia thức thành tựu của Phật trí. Cũng giống như tấm kính tròn lớn viên mãn thanh tịnh có thể nhiếp thụ hết mọi hình tượng pháp giới, chiếu hiện như thật, thông đạt hết thấy thật tướng.

3. Khai Phu Hoa Vương Như Lai: Thị hiện Bình Đẳng Tính trí, là chuyển thức thứ 7 Mạt Na thức thành Phật trí. Có thể diệt trừ hết thấy tâm phân biệt ta, người cũng như hết thấy tâm phân biệt của thế gian, thể hiện Nhất thiết bình đẳng vô biệt của Phật trí thậm thâm, nên gọi là Bình Đẳng Tính trí.

4. Vô Lượng Thọ Như Lai: Thị hiện Diệu Quan Sát trí, chuyển thức thứ 6 thành Phật trí. Có thể liễu ngộ hoàn toàn như thật hết thấy vì diệu duyên khởi thế gian, thể hiện hết thấy căn khí của chúng sinh, ban cho giáo pháp tự tại tối vi diệu cứu cánh.

5. Thiên Cổ Lô Âm Như Lai: Thị hiện Thành Sở Tác trí, chuyển tiền ngũ thức Nhân, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân thành Phật trí. Có thể cứu cánh thực tiễn hết thấy trí huệ Như Lai diệu đức, là vô thượng Phật trí có thể thành biện cứu độ hết thấy chúng sinh.

6. Phổ Hiền Bồ Tát: đại biểu cho Thanh Tịnh Bồ Đề tâm: Là diệu nhân của Đại Viên Cảnh trí, nên ở góc Đông Nam của Trung đài Bát Diệp viện, đối ứng với Bảo Tràng Như Lai, nhân vị diệu hạnh của Bảo Tràng Như Lai.

7. Văn Thù Bồ Tát: Đại biểu cho Đệ Nhất Nghĩa Không của Trí Huệ vi diệu: Có thể đoạn trừ sự chấp trước của bốn loại phiền não sai biệt si, kiến, mạn, ái của thức thứ 7 Mạt Na thức, là diệu nhân của Bình Đẳng Tính trí. Vì thế ở góc Tây Nam của Trung đài Bát Diệp viện, đối ứng với Khai Phu Hoa Vương Như Lai, thị hiện nhân vị diệu hạnh của Khai Phu Hoa Vương Như Lai.

8. Quán Tự Tại Bồ Tát: đầy đủ Liên Hoa Tam muội: dùng đồng thể đại bi, quan sát căn cơ chúng sinh, tùy nghi giải thoát phiền não của họ, là diệu nhân của Diệu Quan Sát trí. Vì thế, thị hiện ở góc Tây Bắc của Trung đài Bát Diệp viện, đối ứng với Vô Lượng Thọ Như Lai, đại biểu cho nhân địa diệu hạnh của Vô Lượng Thọ Như Lai.

9. Di Lặc Bồ Tát: đầy đủ Đại Bi Tam muội: có thể tùy thuận nguyện vọng mong cầu của chúng sinh ban cho hỷ lạc, là diệu nhân của Thiên Cổ Lô Âm Như Lai. Do đó, ở góc Đông Bắc của Trung đài Bát Diệp viện, đối ứng với Thiên Cổ Lô Âm Như Lai, đại biểu cho nhân địa diệu hạnh của Thiên Cổ Lô Âm Như Lai.

Liên hoa bộ viện

Liên Hoa bộ viện vị trí ở phương Bắc của Trung đài Bát Diệp viện trong Mạn Đà La Thai Tạng giới.

Liên Hoa bộ là một trong ba bộ của Thai Tạng Mật giáo, còn được gọi là Quan Âm bộ, Pháp bộ. Bộ này đại biểu cho Lý đức của Bồ Đề Tâm Thanh Tịnh mà chúng sinh vốn có đầy đủ, biểu thị cho diệu đức Như Lai Đại Bi Tam Muội, hoặc Diệu Quan Sát trí trong Như Lai ngũ Trí.

Đó là do bởi chúng sinh vốn đầy đủ tâm của tự tánh thanh tịnh, mặc dù lưu chuyển trong bùn nhơ sinh tử của lục đạo, tứ sinh, mê vọng thế giới... , nhưng Tịnh Bồ Đề Tâm vốn đầy đủ, vẫn là bất nhiễm bất cấu, như hoa sen, dù mọc từ bùn dơ mà không nhiễm, nên gọi là Liên Hoa bộ viện.

Quyển 5 của “Đại Nhật Kinh Sớ” viết: “Phía bên phải là Như Lai Đại Bi Tam muội, có thể nảy nở muôn điều thiện, nên tên gọi là “Liên Hoa bộ”. Do bởi đại biểu cho việc bồi dưỡng thiện căn của hết thảy chúng sinh nên thuộc bộ tộc Như Lai Đại Bi Tam muội môn.

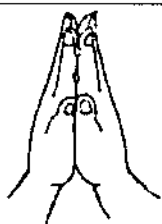
Thông thường, trong Liên Hoa bộ viện có chủ Tôn gồm 21 Tôn, quyển thuộc 16 vị Tôn, tổng cộng 37 vị Tôn.

Thủ ấn có liên quan đến hoa sen

Trong thủ ấn cơ bản của Mật giáo, có dạng gọi là Liên Hoa hợp chương (dạng kết tay thành hình hoa sen).

Thủ ấn Mật giáo dù rất nhiều, nhưng thông thường dùng 12 loại hợp chương và 4 loại quyển làm ấn cơ bản.

Trong các loại ấn cơ bản, “Vị Phu Liên Hoa hợp chương” chấp hai tay lại, đầu các ngón tay tiếp xúc nhau, lòng bàn tay hở ra, cong bàn tay lại để lòng bàn tay rộng, mu bàn tay nhô lên.



1. Kiên thấp hợp chưởng



2. Hư tâm hợp chưởng



3. Vị phụ liên hợp chưởng



4. Sơ cát liên hợp chưởng



5. Hiển lộ hợp chưởng



6. Trì thủy hợp chưởng



7. Quy mệnh hợp chưởng



8. Phán xoa hợp chưởng



9. Phán bồi hỷ tương
trước hợp chưởng



10. Trụ chỉ hợp chưởng



11. Phúc thủ hướng hạ
hợp chưởng



12. Phúc thủ hợp chưởng

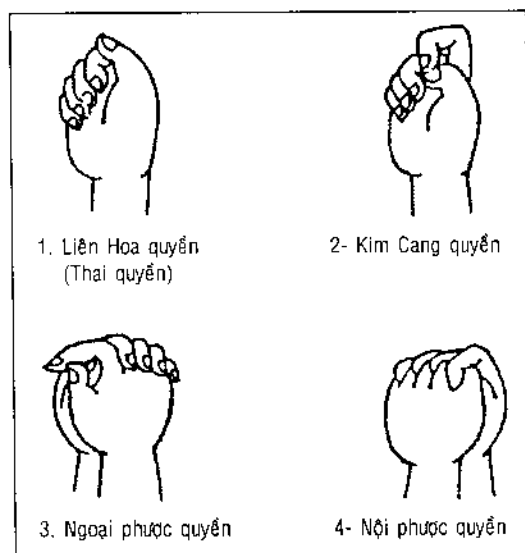
Thủ ấn cơ bản Mật giáo (I) Thập nhị hợp chưởng

“Sơ Cát Liên hợp chương” hai ngón cái và hai ngón út tiếp xúc nhau, sáu ngón khác rời ra, ấn này còn được có tên “Bát Diệp ấn”.

Bốn loại quyền cơ bản của Mật giáo gồm: “Liên Hoa quyền”, “Kim Cang quyền”, “Ngoại Phược quyền”, “Nội Phược quyền”.

Liên Hoa quyền tức nắm nhẹ các ngón tay lại, ngón cái đặt phía ngoài.

Liên Hoa quyền còn được gọi là Thai Tạng quyền, gọi tắt Thai quyền, Như Lai quyền, là quyền ấn thường gặp trong Thai Tạng giới Mạn Đà La. Cách kết quyền ấn này, giống cách nắm thành nắm đấm bình thường, tức nắm ngón tay nắm lại tự nhiên thành quyền, nhưng ngón cái dựng thẳng ở phía ngoài ngón trỏ, dùng biểu trưng Lý tháp của Ngũ đại pháp tính.



Thủ ấn cơ bản Mật giáo (II) – bốn loại quyền

Tam muội gia ấn Liên Hoa bộ thuộc về Tam muội gia ấn trong Hộ thân pháp Liên Hoa bộ. Hai tay kết thành Bát Diệp, miệng tụng đọc chữ “Án (Om, Qui Mệnh) Phả Na Mạc Nạp Bà Phộc Dã (padmodbhavaya, Liên hoa phát sinh) Sa Phộc Hạ (Svaha, thành tựu)”, quán tưởng Quán Tự Tại Bồ Tát và Liên Hoa bộ chư Tôn, gia trì cho hành giả, đạt được Ngũ nghiệp thanh tịnh và biện tài vô ngại.

Trong Thập bát đạo pháp của Mật giáo cơ bản Hạnh pháp, phối hợp với 18 ấn khế.

Pháp cúng dường của 18 ấn khế, có ấn khế được gọi là “Hiển Liên Hoa Tọa ấn”, hay còn gọi “Hoa Tọa ấn”, chấp hờ hai tay lại, ngón vô danh, ngón giữa, ngón trỏ của hai bàn tay duỗi ra tự nhiên và cong lại, tạo thành dáng hoa sen hé nở. Chân ngón là “Án Già Ma Sa Phộc Hạ” có nghĩa “Qui mệnh liên hoa thành tựu”. Trong kinh viết nếu hành giả kết ấn này, miệng niệm chân ngôn, có thể chứng được Bồ Tát thập vị, được ngồi trên Kim Cang tọa.

Bán Liên Hoa ấn gọi tắt Bán Liên ấn, là một nửa của ấn Liên Hoa hợp chưởng, vốn là Phạm Thiên ấn trong “Thập Nhị Thiên Quí giảng thuyết, thường quen được gọi “Bán Liên Hoa ấn”, ấn tướng tay phải nắm thành quyền, đặt bên hông phải, các ngón tay trái sát vào nhau và hơi cong lại, đưa hơi cao hơn vai. Hoặc tay phải nắm quyền đặt ở hông, ngón cái và ngón vô danh tay trái xoắn lại với nhau, như đang sắp hái hoa.

Liên Hoa bộ – một trong Ngũ bộ của Mật giáo Kim Cang giới, cũng có ấn khế gọi là “Liên Hoa Ngũ Cổ ấn”, hay gọi tắt “Liên Hoa Chữ ấn”, “Nhị Trùng Ngũ Cổ ấn”, “Ngũ Cổ Trùng Chữ ấn”, “Phổ Đà Lạc Sơn ấn”, “Phổ Đà Lạc Sơn Cửu Phong ấn”, “Cửu Phẩm Tịnh Thổ ấn”, được coi là ấn cơ bản của bộ Tâm.

Ấn tướng: hai tay Liên Hoa hợp chưởng, đầu hai ngón trỏ và hai ngón vô danh giao nhau, hai ngón cái và hai ngón út

tách rời ra. Trong “Thiên Thủ Quỷ” gọi ấn này là “Thiên Thủ Căn Bản ấn”, ấn mẫu là Kim Cang hợp chương, mu bàn tay hơi cong, để hai lòng bàn tay rời nhau, hai ngón giữa tách rời nhau như hai cánh sen, cùng hai ngón cái và hai ngón út hợp thành ngũ cổ (năm phần, năm lớp), hai ngón trỏ và hai ngón vô danh gồm tứ cổ, nên gọi là Nhị trùng Ngũ cổ ấn (ấn năm phần hai lớp) hay còn gọi là Ngũ cổ chữ ấn (ấn hình cái chày năm phần).

Nhị trùng Ngũ cổ ấn đại biểu cho năm vị Phật ở hai bộ Kim Cang và Thai Tạng, năm vị Phật đây là căn bản của chư Tôn, nên ấn này còn là tổng ấn của chư Tôn ở hai bộ. Ấn này hai ngón giữa đứng dựa vào nhau, đại biểu cho ý minh hợp giữa Lý và Trí của Đại Nhật Như Lai ở hai bộ. Và cũng do ấn này có hai ngón giữa và 8 ngón còn lại hợp thành hình Cửu phong, nên được gọi là Cửu phong ấn (ấn chín ngọn núi), Phổ Đà Lạc sơn ấn.

Liên hoa và hộ ma hỏa cúng

Hộ Ma pháp Mật giáo, là một pháp tu có thể nhanh chóng được sự hộ trì của bản Tôn, khiến cho sở cầu được mãn nguyện.

Hộ Ma (homa) ý nghĩa là em vật cúng bỏ vào trong lửa cúng dường, nguồn gốc có từ nghi thức cúng dường Hỏa thần (thần lửa) Bà La Môn giáo, thông thường được gọi tắt Hỏa cúng.

Phật giáo đem nghi thức này kết nạp vào tôn giáo mình rồi thêm chuyển hóa thăng hoa, trở thành pháp tu quan trọng Mật giáo. Quyển 20 “Đại Nhật Kinh sơ” viết: “Hộ Ma dùng lửa của Trí Huệ đốt cháy củi gỗ phiền não, khiến cho hết sạch không dư sót.

Hộ Ma của Mật giáo, có thể chia làm năm loại pháp: Túc Diệt, Tăng Ích, Hàng Phục, Cầu Triệu, Kính Ái, hình dạng lò lửa cũng dùng khác nhau. Lò lửa Hộ Ma (Phạn danh Kunda) còn gọi là Quân Đà, dịch nghĩa là lò lửa hoặc lò Hộ Ma, tức lò lửa dùng trong pháp Hộ Ma của Mật pháp.

Về hình dáng lò Hộ Ma, lò Hộ Ma của Kính Ái pháp có hình hoa sen. “Kim Cang Đỉnh Du Già Hộ Ma Nghi Quĩ” viết: “Nay ta thuyết Quân Đà, tương ứng với Du Già. Lò Túc Diệt tròn thẳng, nên làm như vậy. Tăng Ích hình vuông, lò tam giác của Hàng Phục, Kim Cang hình Quân Đà, tốt nhất cho Câu Triệu, thường có hình hoa sen, tương ứng với Kính Ái”.

(Ngã kim thuyết Quân Đà, Y Du Già tương ứng; Túc Diệt Lư chính viện, ứng đương như thị tác. Tăng Ích ứng chính phương, tam giác tác Hàng Phục; Kim Cang hình Quân Đà, Câu Triệu vi tối thắng, Trường tác Liên Hoa hình, Kính Ái vi tương ứng).

Nghĩa: ta nay giảng thuyết về Quân Đà (lò Hộ Ma), tương ứng với Du Già, lò Hộ Ma của pháp Túc Diệt hình tròn, của pháp Tăng Ích hình vuông, còn hình tam giác là của pháp Hàng Phục; lò Quân Đà hình kim cương, dành cho pháp Câu Triệu là tốt nhất, pháp Kính Ái thì nên thường làm lò hình hoa sen)

Kính Ái pháp (Phạn danh va'sikarana, Tạng danh dhan-du byed –pa) dịch âm là Phật Thi Già La Na. Trong Mật giáo, là pháp tu để cầu được sự yêu kính của mọi người, nên gọi là tên Kính Ái pháp, hay còn gọi Khánh Ái pháp, Ái Kính pháp. Trong Tạng Mật, gọi pháp này là “Hoài pháp” hoặc “Hoài Ái pháp”, bí pháp để cầu khẩn sự hòa hợp thân ái.

Kính Ái pháp là pháp Hộ Ma tu tập để cầu được sự che chở của Phật, Bồ Tát cùng các thánh chúng, hoặc muốn được sự yêu kính của mọi người. Bí pháp này không những có được sự ưa thích, yêu kính của mọi người ở thế gian, mà còn có thể khiến hành giả tích tụ phúc đức tư lương trên Bồ Đề đạo, dùng việc được mọi người yêu kính để thành tựu đại Hạnh Bồ Tát.

Kính Ái pháp thuộc về Liên Hoa bộ Tam muội, nên đàn của pháp Hộ Ma dùng đàn hình hoa sen, dùng chư Tôn của Liên Hoa bộ làm bản Tôn. Sách “Bí Tạng Ký” viết: “Khánh Ái

pháp nên bắt đầu làm từ nửa khuya, pháp dựa theo bốn loại đàn pháp, hành giả hướng về phía tây ngồi, hai chân đặt song song nhau, quán tưởng thân mình đầy khắp pháp giới, trở thành hoa sen 8 cánh màu đỏ”.

Ngoài ra, hoa sen cũng là vật cầm trong tay thường thấy ở chư Tôn Khánh Ái pháp, nhất là hoa sen đỏ.

Hai tay trái của Chuẩn Đề Bồ Tát cầm hoa sen đỏ nở rộ, biểu thị màu sắc của khả ái lạc thọ; Thiên Thủ Quan Âm cũng có Hồng Liên thủ, có thể nhiếp thọ chúng sinh sinh về Thiên cung; Như Ý Luân Quan Âm thường ngồi trên tòa sen đỏ .

Trong “Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp kinh”, “Đại Bi Tâm Đà La Ni kinh” đều chép, 40 tay của Thiên Thủ Quan Âm tùy theo căn cơ của chúng sinh, tương ứng với năm loại pháp Như Lai Ngũ bộ, có thể thỏa mãn hết tất cả nguyện vọng, trong đó thuộc về Khánh Ái pháp có Hồng Liên Hoa thủ (tay ấn hoa sen đỏ).

Chương III

Chữ Tôn Hùng hoa sen làm vật cầm tay

Hoa sen là vật cầm trong tay thường thấy ở Phật, Bồ Tát, tượng trưng cho thanh tịnh, vô nhiễm, từ bi.

Hoa sen Phật, Bồ Tát cầm trong tay, theo màu sắc, có thể chia làm ba loại hoa sen đỏ, hoa sen trắng và hoa sen xanh. Từ xưa ở Ấn Độ, hoa sen đỏ thường được xem là hoa sen cao quý nhất trong các loại thực vật thủy sinh. Trong Phật điển, hoa sen đỏ thường được coi là một trong thất bảo, cùng Câu Vật Đầu hoa, Ưu Bát La hoa, Phần Đà Lợi hoa được cử làm tứ hoa (bốn loại hoa), thường được làm bảo tọa cho Phật, Bồ Tát, hoặc làm vật Bồ Tát cầm trong tay. Tính khiết tịnh của hoa sen trắng càng thường xuyên được dùng để ví với pháp tính thanh tịnh không bị sự phiền não nhiễm ô.

Trong các loại Thủy Liên, màu xanh là hoa sen nổi tiếng nhất, các kinh điển, dùng cánh hoa sen xanh hình dung sự vi diệu của mắt Phật, và cũng dùng hoa này ví với sự thơm sạch của hơi thở.

Nếu dùng sự khai (nở), hợp (khép) của hoa sen để phân biệt, hoa sen Phật, Bồ Tát cầm trong tay có thể chia làm mấy loại trạng thái sau, tượng trưng cho ý nghĩa khác nhau:

Loại thứ nhất, vị khai phụ liên hoa: (hoa sen chưa nở): tức hoa sen còn nụ, được dùng ví với Bồ Đề tâm của chúng sinh còn ẩn dấu chưa khai mở.

Loại thứ hai, sơ cát liên hoa: tức trạng thái hoa sen mới hé nở, ví như chúng sinh dù mới phát Bồ Đề tâm, nhưng nhất định có thể tu tập thiện hạnh, viên chứng quả Bồ Đề.

Loại thứ ba, khai phụ liên hoa: khi hoa sen nở, hoa và quả đầy đủ, đại biểu hành giả chứng ngộ quả đức, đầy đủ trí huệ, phúc đức, trang nghiêm.

Dưới đây sẽ giới thiệu chư Tôn dùng hoa sen làm vật cầm tay.

QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT

Trong chư tôn dùng hoa sen làm vật cầm tay, có thể nói chư tôn Quan Âm là phổ biến nhất.

Quan Thế Âm Bồ Tát là vị Bồ Tát được tôn thờ nhất trong Phật giáo Đại thừa, ngài đại biểu cho Đại Bi Bồ Đề tâm của chư Phật, luôn luôn dùng Từ Bi quán chiếu bảo vệ hết thảy chúng sinh.

Quan Thế Âm Bồ Tát dùng từ bi cứu tế nhất thiết chúng sinh làm bản nguyện, còn có tên khác Liên Hoa Thủ Bồ Tát. Trong Đại thừa Phật giáo ngài là một vị Bồ Tát vĩ đại hiện hiện đại bi, diệt trừ hết thảy khổ nạn cho các giới hữu tình. Ngài nghe tiếng cứu khổ, không lúc nào ngừng



Quan Thế Âm Bồ Tát
cầm hoa sen

nghi; “Pháp Hoa kinh – Phổ Môn phẩm” viết: “Nếu có vô lượng bách thiên vạn ức chúng sinh chịu các khổ nạn, nghe được tên của Quan Thế Âm Bồ Tát, nhất tâm gọi tên ngài Quan Thế Âm Bồ Tát lập tức thấu hiểu lời cầu, sẽ được giải thoát”.

Quan Thế Âm Bồ Tát trong Mạn Đà La của Thai Tạng giới, hình tượng tay trái cầm hoa sen đỏ, tay phải hơi xòe ra, như hình hoa sen, nắm lấy một cánh sen, như đang mở cánh hoa sen ra, tượng trưng cho sự khai mở Bồ Đề tâm của chúng sinh. Về hình tướng thân ngài màu trắng tươi, đầu đội mào báu, trên có Vô Lượng Thọ Như Lai.

ĐẠI THẾ CHÍ BỒ TÁT

Đại Thế Chí Bồ Tát cùng với Quan Thế Âm Bồ Tát, trong Tây phương tam Thánh, với hình tượng tam Thánh, tay ngài thường cầm đài sen, tiếp dẫn chúng sinh. Danh hiệu Đại Thế Chí Bồ Tát có ý nghĩa là “Đắc Đại Thế”, “Đại Tinh Tấn”. Ngài dùng hào quang trí tuệ phổ chiếu giúp hết thấy chúng sinh rời xa tam ác đạo, đạt được vô thượng đại lực thế. Ngoài ra, khi Đại Thế Chí Bồ Tát hành Phật đạo, hết thấy mọi nơi thập phương thế giới chấn động, nên được gọi là “Đại Thế Chí”.

Quyển 3 “Bi Hoa kinh” ghi, sau khi đức A Di Đà Phật nhập diệt, Quan Thế Âm Bồ Tát nối vào vị trí, trở thành Pháp



Đại Thế Chí Bồ Tát

Vương; sau khi Quan Thế Âm Bồ Tát nhập diệt, do bổ xứ thành Phật, danh hiệu Thiện Trụ Trân Bảo Sơn Vương Như Lai.

Đại Thế Chí Bồ Tát ở trong Quan Âm viện của hiện đồ Thai Tạng giới Mạn Đà La, hình tượng toàn thân màu hồng da thịt, tay trái cầm hoa sen nở, tay giữa lòng bàn tay, các ngón cong xếp lại, đặt ở trước ngực, ngồi trên tòa hoa sen đỏ.

THIÊN THỦ QUAN ÂM

Thiên Thủ Quan Âm chỉ vị Quan Thế Âm Bồ Tát có đủ ngàn tay, ngàn mắt, lòng bàn tay của mỗi cánh tay đều có một mắt, chủ yếu thị hiện thành đấng chia lành cứu độ chúng sinh dưới địa ngục.

Thiên Thủ Quan Âm là quả đức tôn liên hoa bộ, nên còn được tôn xưng là liên hoa vương (vua hoa sen).

“Thiên quang nhân quán tự tại Bồ Tát bí mật pháp kinh” ghi, đại bi quán tự tại, đầy đủ trăm ngàn tay, mắt có thể làm cha mẹ của thế gian, có thể ban cho chúng sinh được mãn nguyện, chữ “thiên” của Thiên Thủ Quan Âm, đại biểu cho nghĩa vô cùng, viên mãn, “thiên thủ” tượng trưng cho phương tiện Quan Thế Âm Bồ Tát dùng hóa độ chúng sinh vô lượng quảng đại, “thiên nhãn” tượng trưng trí tuệ viên mãn vô ngại, tùy vật hóa độ, quan sát căn cơ chúng sinh.

Về nhân duyên Quan Thế Âm Bồ Tát có nghìn tay, nghìn tay nghìn mắt, “đại bi tâm đà la ni



Thiên thủ Quan Âm
(Quan Âm ngàn tay)

kinh” miêu thuật như sau: vào thời quá khứ cách đây vô lượng ức kiếp có thiên quang, vương tịnh trụ Như Lai ra đời, do thương xót hết thấy chúng sinh, nên giảng thuyết quảng đại viên mãn vô ngại đại bi tâm đà la ni, lúc bấy giờ, Quan Thế Âm Bồ Tát.

Nghe bai chú này, liền từ sơ địa tiến thẳng lên cảnh giới của đệ bát địa Bồ Tát, trong lòng hoan hỷ, vì thế phát tâm thệ nguyện quảng đại sinh ra ngàn tay ngàn ngàn mắt đem lại lợi ích và an lạc cho hết thấy chúng sinh.

Về truyền thuyết “ngàn tay” của Thiên Thủ Quan Âm, theo kinh ghi chép “thiên thủ” biểu thị 40 cánh tay mỗi tay tế độ 25 loại hữu tình chúng sinh tam giới, hợp lại thành thiên thủ thiên nhãn.

Trong 40 loại vật cầm trong tay của Thiên Thủ Quan Âm, hoa sen chiếm bốn loại, chia ra hoa sen trắng, hoa sen xanh, hoa sen tím và hoa sen đỏ.

Kinh còn cho biết, tay cầm hoa sen trắng tu tập các loại công đức, tay cầm hoa sen xanh thỏa mãn đầy đủ tâm nguyện cầu vãng sinh thập phương Tịnh thổ của hành giả, tay cầm hoa sen tím khiến hành giả gặp được hết thấy chư Phật thập phương, tay cầm hoa sen đỏ thỏa mãn tâm nguyện của chúng sinh cầu sinh về các cõi trời.

Tay cầm hoa sen tím (tử liên hoa thủ) hóa hiện thành tử liên Quan Âm, là một là một trong 40 vị Quan Thế Âm Bồ Tát

Mật giáo. Theo ghi chép trong kinh điển Phật giáo, muốn thấy chư Như Lai, thì nên thờ vị Quan Thế Âm Bồ Tát

Này làm bản tôn và tu tử liên pháp. Hình tượng của ngài tay phải cầm hoa sen tím, tay trái ngửa lên, đặt ở tim. Các hảo tướng khác tương đồng với “Dữ Nguyện Quán Tự Tại”. còn kệ ấn Liên hoa hợp chương như thể đang mở hoa ra.

TỖ CÂU CHI BỔ TÁT

Có nghĩa “nếp nhăn trên trán”. Nguồn gốc ngài là cả một câu chuyện lạ lùng.

Kinh điển chép: có một lần đức Phật trên pháp hội, có rất nhiều vị Kim Cang thị hiện ra dung mạo khiến mọi người rất sợ hãi, gần như không có người nào có thể hàng phục. Lúc bấy giờ, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát do phần nộ, nhũu mây lại, từ trong vết nhăn liền sinh ra một vị Bồ Tát, hiện thân trong dáng vẻ giận dữ, các Kim Cang nhìn thấy sợ đến nổi trốn vào trong thân của Kim Cang Tạng Bồ Tát, nhưng Tỳ Câu Chi Bồ Tát vẫn tiếp tục xông gần đến Kim Cang Tạng Bồ Tát. Các Kim Cang lại sợ hãi trốn xuống dưới tòa ngồi của đức Phật, kêu lớn: “Đức Phật hãy cứu con!”.

Đức Phật liền cản ngăn Tỳ Câu Chi Bồ Tát, Bồ Tát vâng theo sắc chỉ của đức Phật, dừng lại.

Lúc bấy giờ, hết thấy Kim Cang hết sợ, hoan hỷ tán thán: “Chỉ có những người đầy đủ lòng đại bi, mới có thể thị hiện ra đại lực uy mãnh như vậy, thật là rất hy hữu!”.

Tôn hình của Tỳ Câu Chi Bồ Tát là nhất diện tứ ty (một đầu bốn tay), cánh tay trái thứ nhất cầm hoa sen, cánh tay trái thứ hai cầm bình hoa, cánh tay phải thứ nhất kết ấn Thi Vô Úy, cánh tay phải thứ hai cầm chuỗi niệm Phật, ngồi trên hoa sen xanh.



Tỳ Câu Chi Bồ Tát

BẠCH XÚ TÔN BỒ TÁT

Chính là Bạch Y Quan Âm như người đời vẫn thường gọi, có được danh này do Bồ Tát thường xuyên mặc áo trắng (Bạch Y), ngồi trên hoa sen trắng (Bạch Liên hoa). Bạch Xú Tôn Bồ Tát dùng hình tượng khiết tịnh thuần bạch, tượng trưng cho sự an trú nơi thanh tịnh Bồ Đề tâm. Quyển 10 “Đại Nhật Kinh Sớ” ghi, màu trắng (bạch) đại biểu cho Bồ Đề tâm, nếu an trú trong Bồ Đề tâm, gọi là “Bạch trú xứ”. Bồ Đề tâm được xuất sinh từ cảnh giới của Phật, nên thường trụ nơi cảnh giới này có thể xuất sinh chư Phật. Cho nên cũng còn gọi vị Bồ Tát này là Quan Âm Mẫu, chính là chủ của Liên Hoa bộ.



Bạch Xú Tôn Bồ Tát

Hình dáng của Bạch Xú Tôn Bồ Tát thân màu trắng vàng, mặc áo trắng, tay trái cầm hoa sen trắng, tay phải kết ấn Dữ Nguyện, đặt ở bên hông, kiết già ngồi trên hoa sen đỏ.

ĐA LA BỒ TÁT

Đa La Bồ Tát tức “Độ Mẫu”, như ta vẫn thường gọi, hóa thân của Quan Thế Âm Bồ Tát, cũng là Phật Mẫu của Quan Âm bộ trong Mật giáo.

Kinh điển chép, Đa La Bồ Tát là do khi an trú trong Phổ Quang Minh Đa La Tam Muội, dùng sức mạnh của tam muội, từ trong mắt phóng ra hào quang lớn, Đa La Bồ Tát được sinh ra từ hào quang này, thân tướng của ngài có hình dáng của một thiếu nữ trẻ, dùng hào quang mắt phổ chiếu hết thấy chúng sinh, yêu thương chúng sinh, như mẹ hiền yêu thương con trẻ, thệ nguyện cứu thoát chúng sinh rời khỏi biển khổ sinh tử.



Đa La Bồ Tát

Hình tượng Đa La Bồ Tát, trong các kinh điển khác nhau cũng có cách mô tả khác nhau, ví dụ: quyển thứ nhất “Cụ Duyên phẩm” bộ “Đại Nhật Kinh” chép, Bồ Tát này có hình dạng của một phụ nữ trung niên, thân màu xanh, trắng lặn lộn, hai tay chấp lại, giữ hoa sen xanh, mặc áo màu trắng, trên đỉnh đầu búi tóc, mỉm cười tươi tắn.

Còn theo miêu tả của “Thai Tạng đồ tượng”, vị Bồ Tát này tay trái duỗi ra đặt dưới rốn, giữa ngón trở và ngón cái kẹp lấy hoa sen, xếp bằng ngồi bán già trên đài sen, mặt hơi quay sang phải.

Trong Thai Tạng giới Mạn Đà La, toàn thân ngài màu xanh trắng mặc Yết Ma y, đỉnh đội mao bối tóc, trên mao có hóa Phật, hai tay chấp lại, cầm hoa sen xanh, xếp bằng ngồi bán già trên hoa sen.

ĐẠI CÁT TƯỜNG ĐẠI MINH BỒ TÁT

Đại Cát Tường Đại Minh Bồ Tát, “Đại Cát Tường” biểu thị bất nhiễm bởi sinh tử, an trú trong thanh tịnh vô cấu Liên Hoa Tam muội; “Đại Minh” đại biểu ngài có thể phóng ra đại quang minh, phổ chiếu không bờ biển hết thấy, độ hóa các loại cơ duyên, chủng loại chúng sinh. Trong Quan Âm viện của hiện đồ Thai Tạng giới Mạn Đà La, tôn hình của Đại Cát Tường Đại Minh Bồ Tát có thân màu hồng, xếp bằng ngồi kiết già trên hoa sen đỏ, tay trái cầm đóa sen đang nở, tay đặt trên hông.



Đại Cát Tường Đại Minh Bồ Tát

NHƯ Ý LUÂN BỒ TÁT

Như Ý Luân Bồ Tát, tượng trưng cho hạnh có thể thỏa mãn tâm nguyện của hết thấy chúng sinh, giống như là Như Ý bảo châu. Tay ngài cầm Như Ý bảo châu và Pháp Luân, cứu độ đau khổ, thỏa mãn nguyện vọng của hết thấy chúng sinh.

Như Ý bảo châu trong tay của Như Ý Luân Bồ Tát, đại biểu hết thấy trần bảo của thế gian và hết thấy pháp bảo của thật tướng xuất thế gian, có thể giúp chúng sinh đầy đủ phúc đức, còn Pháp Luân đại biểu chuyển động pháp hết thấy thật tướng, có thể khiến chúng sinh đầy đủ trí huệ.

Tôn hình của Như Ý Luân Bồ Tát, thân có màu vàng, đầu đội mào quý, trong mào quý có hóa Phật của A Di Đà Phật, xếp bằng ngồi bán già trên hoa sen đỏ, một đầu sáu tay, bên phải một tay kết hình dăng tư duy, một tay cầm Như Ý bảo châu, một tay cầm xâu chuỗi. Tay bên trái một tay đè núi Quang Minh, một tay cầm hoa sen nở, một tay cầm Pháp Luân (bánh xe pháp).



Như ý Luân Quan Âm

BẠCH THÂN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

Bạch Thân Quán Tự Tại Bồ Tát, tay trái cầm hoa sen đại biểu đặc đức chứng sinh tự tánh vốn thanh tịnh, dùng thành tựu tu hành hiện rõ Phật trí, tay phải Bồ Tát đặt lên gối, biểu thị phổ hóa chúng sinh. Màu trắng đại biểu thanh tịnh Đại Bi, “Thân” có ý là tụ tập. Bạch thân mang ý nghĩa tụ tập thanh tịnh Đại Bi.

Tôn hình của Bạch Thân Quán Tự Tại Bồ Tát toàn thân có màu vàng trắng, tay



Bạch Thân Quán Tự Tại Bồ Tát

trái cầm hoa sen, tay phải duỗi năm ngón đặt lên vai, cong khuỷu tay lại đặt lên gối phải, chân phải co lên, ngồi trên hoa sen đỏ.

PHONG TÀI BỒ TÁT

Phong Tài Bồ Tát, đem đến phúc đức và sự tôn quý cho hết thảy chúng sinh, nên còn được gọi là Tư Tài Chủ Bồ Tát (Bồ Tát chủ yếu về tiền tài), phúc đức trí huệ của ngài phong phú, rất tự tại ban phát cho người cầu khẩn nên còn tên hiệu là Phong Tài Bồ Tát.

Tôn hình của Phong Tài Bồ Tát, thân màu trắng hồng, tay trái cầm hai đóa hoa sen, một trong hai đóa sen đã nở xòe ra, đóa kia chưa nở, tay phải gấp lại dơ lên ngang vai, lòng bàn tay ngửa lên trên, ngón vô danh và ngón út cong lại, xếp bằng kiết già ngồi trên hoa sen đỏ.



Phong Tài Bồ Tát

BẤT KHÔNG QUYÊN SÁCH QUAN ÂM

Bất Không Quyên Sách Quan Âm, trong tay cầm Bất Không Quyên Sách (lưới được tạo thành bởi Đại Bi Quyên

Sách), có thể gom hết phiền não của chúng sinh, khiến tâm nguyện không bị rơi vào trống không (tức tâm nguyện luôn đạt được).

“Quyên Sách” nguyên chỉ sợi dây thường dùng bắt giữ người, ngựa khi giao chiến hoặc khi săn bắt ở Ấn Độ cổ đại, dùng dây này tượng trưng cho Quan Thế Âm Bồ Tát đã dùng sợi dây trí tuệ cứu độ dẫn dắt chúng sinh, khiến họ luôn luôn được thỏa mãn tâm nguyện.



Bất Không Quyên Sách Bồ Tát

Trong “Bất Không Quyên Sách Thần Biến Chân Ngôn kinh” chép, thời quá khứ, Quan Thế Âm Bồ Tát từng tiếp thu sự truyền thụ của Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai học được Bất Không Quyên Sách Tâm Vương Mẫu Đà La Ni chân ngôn. Dựa vào sức mạnh của chân ngôn, hiện kiến tất cả hội chúng thập phương vô lượng vô số loại sát thổ chư Phật Như Lai, cúng dường và nghe thâm pháp, rồi giáo hóa cho vô lượng hữu tình, khiến cho họ phát tâm vô thượng Bồ Đề. Sau này, thường dùng giáo pháp của chân ngôn, hóa độ vô số trăm ngàn chúng sinh.

Trong “Bất Không Quyên Sách Thần Biến Chân Ngôn kinh” còn ghi, Bất Không Quyên Sách Quan Âm có bốn tay, khuôn mặt vui vẻ rạng rỡ, đầu đội mao báu, trên mao có hóa Phật, trong bốn cánh tay, ngoại trừ một tay xòe chưởng, ba tay cong còn lại phân biệt cầm hoa sen, quyên sách và kích ba mũi. Ngoài ra, Bất Không Quyên Sách Quan Âm hình tượng có ba đầu sáu tay; mặt chính vui tươi, mặt bên trái nhú mày trợn mắt, há miệng, trong miệng có răng nanh; mặt bên

phải nhú mào, trợn mắt, nhưng miệng ngậm. Đầu đội mào ngọc, trên mào có hóa Phật; các tay chia ra cầm hoa sen, dây thừng, kích ba mũi; một tay kết ấn Thí Vô Úy, một tay giơ chuông, ngồi kiết già trên hoa sen.

Trong Quan Âm viện của hiện đồ Thái Tạng giới Mạn Đà La, ngài lại có hình tượng ba đầu bốn tay, mỗi đầu trên mặt đều có ba con mắt, mặt ở giữa màu hồng, mặt phải màu xanh, mặt trái màu đen, biểu thị nghĩa của tam Đức. Tay trái một tay cầm hoa sen, một tay mang dây lụa, tay phải một tay cầm xâu chuỗi, một tay ấn Thí Vô Úy, khoác áo cà sa da hươu.

THỦY CÁT TƯỜNG BỒ TÁT

Thủy Cát Tường Bồ Tát, đại biểu cho Như Lai dùng Đại trí thủy (nước đại trí) tưới nhuận hết thảy chúng sinh, nên còn được gọi là Đại Thủy Cát Tường Bồ Tát. Mật hiệu là Nhuận sinh Kim Cang. Trong Quan Âm viện hiện đồ Thái tạng giới, ngài có hình tượng thân màu trắng vàng, tay trái cầm hoa sen chưa nở, tay phải kết ấn Thí Vô Úy, ngồi trên tòa sen đỏ.



Thủy Cát Tường Bồ Tát

ĐẠI CÁT TƯỜNG BIẾN BỒ TÁT

Đại Cát Tường Biến Bồ Tát, xếp bằng kiết già ngồi trên hoa sen đỏ một cách an lành. Tay trái ngài cầm hoa sen mới nở một nửa, đặt ở bên vai, tay phải ngửa lên, ngón tay cái hơi cong lại, đặt ở trước ngực, ngài luôn thường trụ trong Như Huyền Tam muội, tượng trưng cho pháp thị hiện Phổ Môn.



Đại Cát Tường Biến Bồ Tát

THẮNG PHẬT ĐỈNH

Ngoài chư tôn Quan Âm, còn có các chư Tôn khác dùng hoa sen làm vật cầm nơi tay.

Thắng Phật Đỉnh là một trong Ngũ Phật Đỉnh, do ngài đã đoạn trừ gốc rễ của vô minh, nên Niết Bàn tịch tịnh mà ngài chứng ngộ là cảnh giới tịch tịnh quảng đại của Như Lai, không gì có thể so



Thắng Phật đỉnh

sánh được, là đỉnh cao đại tịch, nên được gọi tên Thắng Phật Đỉnh.

Trong Mạn Đà La của Thai Tạng giới, ngài có thân màu vàng, hiện ra như hình dáng của Bồ Tát, tay phải cầm hoa sen đang nụ, tay trái nắm lại cầm hoa sen, trên hoa sen cắm một cây kiếm tỏa ánh lửa ra chung quanh, kiết già ngồi trên tòa sen đỏ.

BẠCH TÁN CÁI PHẬT ĐỈNH

Bạch Tán Cái Phật Đỉnh, tượng trưng đức tính thanh tịnh của đức Phật, có thể phủ che bảo hộ hết thấy hữu tình, nên còn được gọi là Bạch Tán Phật Đỉnh. Trên Thích Ca viện của hiện đồ Thai Tạng giới Mạn Đà La, ngài dùng chiếc dù trắng sạch thanh tịnh của Từ Bi che chở cho chúng sinh.

Hình tượng của ngài tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có cây dù trắng, co tay phải, nắm ngón tay gập nắm vào, ngón cái và ngón trỏ xoắn lấy nhau, kiết già ngồi trên hoa



Bạch Tán Cái Phật đỉnh

sen đỏ, thân màu vàng. Lại có một hình tượng khác tay cầm dù trắng, phóng ra hào quang trắng, ngồi trên hoa sen lớn màu trắng, hoặc hình ngài với tay phải xòe năm ngón, ngón cái và ngón vô danh xoắn vào nhau, hình tượng của ngài ghi chép trong các kinh đều khác biệt ít nhiều.

ÁI NHIỄM MINH VƯƠNG

Ái Nhiễm Minh Vương, vì tâm thương xót chúng sinh, dùng vô thượng Bi nguyện, thị hiện dung mạo có dáng vẻ bên ngoài giận dữ hung ác, an trú trong Tam muội của Đại Ái Dục và Đại Ái Nhiễm, nhưng nội chúng của ngài là Pháp của sự Kính Ái, khiến chúng sinh được giải thoát.

Nhân duyên thị hiện của Ái Nhiễm Minh Vương, theo ghi chép trong kinh điển như sau: có một lần trên pháp hội của Đại Nhật Như Lai ở Kim Cang giới, đột nhiên xuất hiện một kẻ gây rối loạn. Các Bồ Tát trên

hội mặc dù có đầy đủ công đức của trí huệ, từ bi và định lực, nhưng khi nhìn thấy kẻ gây rối này, mê hoặc như bị say rượu, và không cách nào biết được người gây rối kia từ đâu đến. Kỳ thực người này đến từ sự vô thủy vô minh của hết thảy chúng sinh, chướng ngại do tự ngã sinh khởi. Lúc bấy giờ, kẻ gây rối đột nhiên hóa thành thân hình của Kim Cang Tát Đóa, hào quang sáng chói toàn thân, chiếu diệu chư đại Bồ Tát đại hội. Thế là Nhiễm Ái chúng sinh vốn có, lập tức chuyển thành sự thanh tịnh Bồ Đề tâm - Kim Cang Tát Đóa.

Sự thị hiện của Ái Nhiễm Minh Vương, đại biểu cho hiện thành của “Phiên Náo tức Bồ Đề”.

Hình tượng của Ái Nhiễm Minh Vương tay trái cầm chuông kim cương, tay phải cầm chày ngũ phong; chuông và cái chày



Ái Nhiễm Minh Vương

biểu thị Tứ Diệt pháp, tay trái cầm cung kim cương, tay phải kế tiếp cầm tên kim cương chuẩn bị bắn; nhiếp trì Như Lai bản tánh tất cả chúng sinh vốn có đầy đủ. Tay trái cuối cùng cầm đầu Phạm Thiên là vật đại biểu cho vô minh của chúng sinh (hoặc tay trái nắm không), tay phải dưới cầm hoa sen, gior lên như thế sắp đánh, biểu thị hàng phục hết thảy ác tâm si mê của chúng sinh, đại biểu pháp Hàng phục.

Kinh điển đặc biệt ghi chép về pháp tu Hoài Ái của Bát Động Minh Vương, hái hoa sen đỏ làm thần dược, một trăm linh tám cây làm Hộ Ma, tu pháp của Ái Nhiễm Minh Vương trong một đêm. Kinh còn nói, sau khi tu một đêm như vậy, sẽ đạt được lòng yêu kính của mọi người.

MÃ ĐẦU MINH VƯƠNG

Mã Đầu Minh Vương do hóa hiện của Quan Thế Âm Bồ Tát. Ngài thị hiện hình giận dữ, đầu ngựa, là do lòng từ bi của ngài sâu rộng, nên phát nguyện hủy diệt ma chướng của hết thảy chúng sinh, dùng hào quang uy mãnh như mặt trời, chiếu phá sự u mê của chúng sinh, nuốt sạch vô minh phiền não trong chúng sinh, như ngựa hoang nuốt đồng cỏ.

Quyển thượng bộ “Thánh Hiền Dã Ngật Lý Phục Đại Uy Nộ Vương Thành Lập Đại Thần Nghiệm Cúng Dưỡng Niệm Tụng Nghi Quỹ Pháp Phẩm” chép, Mã đầu



Mã Đầu Minh Vương (triện khắc)

Minh vương có thể diệt hết thầy ma chướng, dùng phương tiện từ bi, thị hiện hình giận dữ, thành tựu đạt uy quang nhất luân, chiếu diệu u mê của kẻ tu hành ở vô biên thế giới, khiến họ nhanh chóng chứng đắc tất địa, tu tập phúc đức trí huệ, đạt tới pháp thân viên mãn thanh tịnh.

Kinh còn nói, vì duyên cố của bản nguyện sâu nặng nơi Mã Đầu Minh Vương, nên hóa độ được hết thầy chúng sinh, hơn hẳn hết thầy chư Tôn. Do ngài có đại từ nên không chấp trước vào sinh tử, do đại bi nên không an trụ nơi Niết Bàn, thường an trụ trong hết thầy cảnh giới Vô minh, đoạn trừ các loại vật ác, diệt tận đau khổ về sinh, lão, bệnh, tử của chúng sinh trong sáu nẻo, nhất tâm tận trừ, như con ngựa đang đói chỉ lo ăn cỏ, không nghĩ việc khác nữa.

Do duyên cố sức mạnh bản nguyện này, Mã Đầu Minh Vương ở sát thổ của thập phương không nơi nào không hiện thân. Và cho dù chỉ tưởng nhớ đến Mã Đầu Minh Vương đã có thể khiến hết thầy chúng nạn được giải trừ, rời xa.

Hình tượng của Mã Đầu Minh Vương gồm rất nhiều loại khác nhau như 1 đầu 2 tay, 1 đầu 4 tay, 3 đầu 2 tay, 3 đầu 8 tay, 4 đầu 8 tay. Trong đó hình tượng 1 đầu 2 tay, 2 tay hoặc hợp chưởng hoặc kết ấn Thi Vô Úy. Trong “Giác Thiền Sao” dẫn “Bất Không Quyển Sách kinh” ghi rằng tay trái của ngài cầm phủ việt (búa), tay phải cầm hoa sen. Nhưng cũng có hình tay trái cầm hoa sen, tay phải cầm côn, hoặc tay trái kết ấn Thi Vô Úy, tay phải cầm hoa sen.

Theo “Hà Gia Khất Lợi Bà Tướng Pháp” ngài có hình tượng 4 đầu 2 tay: mặt giữa của Bồ Tát vô cùng trang nghiêm, vẻ mặt từ bi, màu đỏ trắng, tóc thuần thanh. Mặt trái có diện mạo màu đen rất giận dữ, răng nanh chìa ra, tóc hơi dựng lên màu đỏ như lửa. Mặt phải có diện mạo cười rất vui, mang vẻ đoan chính của Bồ Tát màu đỏ trắng, tóc thuần thanh. Trên 3 đầu mang Thiên quan và vòng tai. Trên Thiên quan có hình hóa Phật ngồi kiết

già, trên đỉnh của đầu ở giữa có đầu ngựa màu ngọc bích, miệng ngựa ngậm kín. Tay trái đặt trước ngực giữ hoa sen, trên đài hoa có một hóa Phật, mặc cà sa đỏ, ngồi kiết già, sau lưng có hào quang chiếu. Tay trái ngửa lên, trên lòng bàn tay có Chân Đà Ma Ni (Như Ý Bảo), hạt châu tròn đều, hào quang trắng và đỏ vây xung quanh. Dưới bàn tay phải đỡ hạt châu, các loại báu rải như mưa, đứng ngay ngắn trên hoa sen đỏ.

Hình tượng của Mã Đầu Minh Vương, mặc dù đều có điểm chung, trên đầu đều có mang đầu ngựa trắng, nhưng dáng vẻ của phần mặt hoặc có dạng phần nộ, hoặc có dạng tươi cười, không giống với dáng vẻ của phần lớn các Bồ Tát khác.

Thờ vị Bồ Tát này làm bản Tôn, pháp tính thích ứng cầu mong điều phục kẻ ác, tiêu trừ các bệnh, kẻ địch lùi tan, đó gọi là Mã Đầu pháp. Hình của Tam muội gia đầu ngựa trắng, ấn tướng là ấn Mã Đầu.

KHỔNG TƯỚNG MINH VƯƠNG

Hình tượng của Khổng Tước Minh Vương rất hiện từ gần gũi, tay trái cầm hoa sen khác với tướng phần nộ của các Minh Vương đã thuật ở trên.

Nhân duyên ban đầu sự xuất hiện của Khổng Tước Minh Vương, theo ghi chép trong “Khổng Tước Minh Vương kinh”, khi đức Phật còn tại thế, một vị tỷ kheo bị rắn độc cắn, vô cùng đau đớn. A Nan tôn giả bẩm báo với đức Thích Tôn, đức Phật liền tụng thuyết Khổng Tước Minh Vương chú, khử trừ quỷ mị, độc hại. Đó chính là lần đầu tiên người đời biết đến Khổng Tước Minh Vương và mật chú của ngài.

Pháp môn của Khổng Tước Minh Vương, đối với mọi việc hộ quốc, tức diệt, cầu mưa, trừ bệnh diên thọ, an sản... đều rất

hiệu nghiệm. Đương nhiên, quan trọng nhất, vẫn là vị này vẫn được coi là chỗ dựa xuất thế gian tu hành, khử trừ các loại loại phiền não độc hại trong tự tâm tham, sân, si, mạn, nghi..., khiến chúng ta đạt tới viên mãn về trí tuệ, từ bi bồ đề, nhanh chóng chứng được vô thượng của quả vị Phật.

Hình tượng thường gặp của ngài có màu trắng, mặc áo nhẹ bằng lụa trắng, phát phơ theo gió, trên thân, trên mào đều đeo chuỗi Anh lạc

trang nghiêm, cưỡi Kim sắc Khổng Tước Vương, ngồi xếp kiết già trên hoa sen trắng hoặc hoa sen xanh. Tướng mạo ngài rất từ bi, thường có 4 tay, 2 tay phải một tay cầm hoa sen đã nở, đại biểu cho Kính Ái, một tay cầm Câu Duyên quả, đại biểu Điều Phục; 2 tay trái, một tay cầm quả cát tường, đại biểu Tăng Ích, một tay nắm đuôi khổng tước (tức chim công), đại biểu Túc Diệt. Tọa sen trắng trên lưng khổng tước biểu thị cho bản thể của ngài là niết thủ sự từ bi, nên tọa sen xanh lại đại biểu sự Hàng Phục. Do ý nghĩa hiển lộ trong hình tượng của Khổng Tước Minh Vương, ta có thể biết được ngài có đầy đủ 4 diệu đức là Kính Ái, Điều Phục, Tăng Ích và Túc Diệt, có thể thỏa mãn được hết thấy nguyện vọng. Việc ngài dùng khổng tước (chim công) là loài chim có thể ăn nuốt các loại độc trùng làm vật cưỡi, càng tượng trưng cho khả năng có thể diệt trừ hết thấy ngũ độc phiền não nơi chúng sinh.



Khổng Tước Minh Vương

ĐẠI THẮNG KIM CANG

Pháp môn của Đại Thắng Kim Cang, phần lớn tu trì để cầu mong pháp Hoài Ái và Túc Diệt, theo truyền thuyết tu pháp môn này có thể được hết thấy thánh chúng tìm đến ủng hộ, làm cho mọi người hoan hỉ thọ niệm.

Trong “Nhất Thiết Như Lai Đại Thắng Kim Cang Đánh Tội Thắng Chân Thật Tam Muội Gia phẩm” quyển thượng của bộ “Kim Cang Phong Lâu Các Nhất Thiết Du Già Du Chi kinh” tán tụng vị Tôn giả này như sau: “Thập phương tịnh diệu quốc, Tam thế cập tam giới, Tội Tôn độc vô tử, Thủ đại Chuyển Luân vương; Năng thôi chư Phật đĩnh, Năng nhiếp chư đẳng giác, Thân cận vi quyến thuộc, Tốc thành đại bi địa”.

(Trong các nước tịnh diệu của mười phương, tam thế và tam giới, là vị Tôn độc nhất không có gì sánh được, ngài là vị đại Chuyển Luân vương, có thể vượt qua các Phật đĩnh, nhiếp thu hết các bậc đẳng giác làm quyến thuộc thân cận của ngài, khiến cho nhanh chóng thành tựu đại bi địa).

Trong “Nhất Thiết Như Lai Đại Thắng Kim Cang Đánh Tội Thắng Chân Thật Tam Muội Gia Phẩm” quyển thượng của bộ “Kim Cang Phong Lâu Các Nhất Thiết Du Già Du Chi



Đại Thắng Kim Cang
ngồi trên hoa sen báu ngàn cánh

Kinh” ghi về thân tướng hiện khởi của Đại Thắng Kim Cang như sau: “Lại hiện ra thân thủ, gồm 12 cánh tay, trì ấn Trí Quyền, và trì 12 đại ấn Ngũ Sơn Phong Kim Cang, Liên Hoa, Ma Ni, Yết Ma, Câu, Sách, Tỏa, Linh, Trí Kiếm, Pháp Luân. Ngài ngồi trên đài bạch liên hoa ngàn cánh, thân sáng như mặt trời, hào quang trên 5 búi tóc rực rỡ, chiếu soi khắp mười phương. Nét mặt ngài mỉm cười, thuyết “Đại Thắng Kim Cang Đánh Tội Thắng Chân Thật Tam Muội Gia chân ngôn”.

Theo ghi chép trong “Đại Thắng Kim Cang Phật Đánh Niệm Tụng nghi quỹ”, lúc bảy giờ, Thế Tôn vì duyên có thương xót cho hết thấy chúng sinh mặt pháp, nên phóng ra 5 loại hào quang, từ trên đỉnh phóng ra ánh lửa, chiếu diện tất cả ác ma, quỷ thần của tam Thế và đốt cháy họ. Kim Cang Thủ Bồ Tát thấy hình ảnh như vậy, liền thỉnh vấn Thế Tôn: “Ngọn lửa trí của Như Lai có thể thiêu đốt hết thấy thiên ma, quỷ thần khiến họ hoảng sợ không được an lạc, chắc Thế Tôn muốn nói pháp môn nào chăng?”, đức Phật bèn tuyên giảng pháp môn của Đại Thắng Kim Cang:

Nếu như có các chúng sinh thường kết thủ ấn này, trì niệm chân ngôn thì hết thấy binh lực không thể làm hại, nước lửa không thể thiêu đốt nhấn chìm, không bị hết thấy ác ma, ác quỷ hãm hại, thánh chúng của Kim Cang, Thai Tạng khi hành giả nằm hay ngồi đều đến ủng hộ.

Trong “Đại Thắng Kim Cang hạ” quyển thứ 17 bộ “Giác Thiên Sao” ghi, đạo tràng của Đại Thắng Kim Cang hiện nay:

1. Tôn hình, thân thể trắng trẻo, ngồi trên hoa sen lớn màu trắng có ngàn cánh, hiện thân 12 tay, 2 tay trái phải số 1 kết ấn đặt chéo trước ngực; tay thứ 2 bên phải cầm ngũ trung Kim Cang, tay thứ 2 bên trái cầm hoa sen; tay thứ 3 bên phải cầm Ma Ni, tay thứ 3 bên trái cầm Yết Ma; tay thứ 4 bên phải cầm móc, tay thứ 4 bên trái cầm thừng; tay thứ 5 bên phải cầm khóa, tay thứ 5 bên trái cầm chuông; tay thứ 6 bên

phải cầm trí kiếm, tay thứ 6 bên trái cầm pháp luân; 5 búi tóc tỏa hào quang, ánh sáng rực rỡ, chiếu khắp mười phương.

2. Phía trước có chữ Phạm, thành Nhật luân, trên luân có chữ Phạm, thành hoa sen. Trên hoa sen có chữ Phạm, thành ra Ngũ cổ Kim Cang Chữ, chày này biến thành Thắng Kim Cang bảo, có màu như ánh sáng mặt trời, trú trong Tích Thịnh luân, cầm Diệu Đại Bảo Tràng (màu vi diệu quý báu lớn).

3. Phía bên phải có chữ Phạm, thành bánh xe màu vàng, trên bánh xe có chữ Phạm, thành ra hoa sen. Trên hoa sen có chữ Phạm, thành Yết Ma. Yết Ma biến thành Kim Cang Bảo Đại Khố, thân màu xanh, trú ở Lục sắc luân, cầm Đại Viên kính (gương viên mãn lớn).

5. Phía sau có chữ Phạm, thành bánh xe màu đỏ, trên bánh xe có chữ Phạm, thành hoa sen đỏ. hoa sen biến thành Kim Cang Đại Nhiễm Liên, thân màu đỏ, trú ở Hồng sắc luân, cầm Đại Hồng Liên (hoa sen đỏ lớn).

PHẠM THIÊN

Phạm Thiên, vị thần tối cao của đạo Bà La Môn, cũng là một trong tam Thần [tức Phạm Thiên (Bhrama), Thấp Bà (Sihva), Tỳ Thấp Nô (Vishnou)] của Ấn Độ giáo, được xem là người sáng tạo vũ trụ. Ở Ấn Độ, từ xưa đã gọi sự tu hành rời bỏ ham dục, thanh tịnh là Phạm hạnh.

Đại Phạm Thiên lấy sự tự chủ độc tôn, coi ngài là Đấng sáng tạo chúng sinh, còn ngài tự nhiên sinh ra, không do ai tạo ra cả, hết thấy chúng sinh hậu thế đều do ngài hóa sinh; ngài cũng tự cho đã thông hiểu hết nghĩa lý mọi kinh điển, thống lĩnh Đại Thiên thế giới, tự đạt tới chỗ tôn quý nhất.

Trong Phật giáo, Phạm Thiên là thần hộ pháp của Pháp thân. Theo ghi chép “Đại Tập kinh”: chư Phật thời quá khứ, từng đem sứ mệnh thủ hộ Tứ thiên hạ, giao phó cho Đại Phạm Thiên và Đế Thích Thiên. Ngoài ra, theo “Đại Bi kinh” thuật, khi đức Phật sắp nhập Niết Bàn, từng hàng phục Đại Phạm Thiên, khiến ngài quy y Phật pháp và giao trách nhiệm nặng nề thủ hộ Phật pháp ở tam thiên Đại Thiên thế giới cho ngài. Do đó, trong kinh



Phạm Thiên

điển Phật giáo, Đại Phạm Thiên và Đế Thích Thiên là hai vị thiên thần quan trọng hộ trì Phật pháp trấn quốc lợi dân.

Trong hiện đồ Thai Tạng giới Mạn Đà La Mật giáo, Phạm Thiên có vị trí ở phía nam cửa đông bên ngoài Kim Cang bộ viện, thân màu trắng hồng, 4 mặt 4 tay, 2 tay bên phải 1 tay kết ấn Thí Vô Úy, 1 tay cầm chày; 2 tay trái 1 tay cầm hoa sen, 1 tay cầm bình, trán có mắt, ngồi trên hoa sen đỏ. Còn trong Mạn Đà La Kim Cang giới, thân ngài màu trắng hồng, tay trái nắm thành quyền đặt bên hông, tay phải cũng đặt bên hông cầm hoa sen.

Liên quan đến tranh tượng Đại Phạm Thiên, có nhiều loại tạo hình khác nhau. Nhưng thường thấy nhất vẫn là hình 4 mặt 4 tay, mỗi mặt có 3 con mắt, 2 cánh tay phải, tay cầm hoa sen, tay cầm chuỗi hạt, hai cánh tay trái, 1 tay cầm quân trì, 1 tay bắt ấn chữ Ấn. Ngoài ra, có thuyết có cả hình 1 mặt 2 tay, tay cầm hoa sen, toàn thân hào quang rực rỡ; lại có đồ hình đồ hình tượng 3 mặt 2 tay, ngồi trên con ngựa.

NHẬT THIÊN

Nhật Thiên, là thiên thần được người Ấn Độ thần cách hóa mặt trời, sau này trở nên tên riêng của thần Thái Dương.

Trong “Trường A Hàm kinh” ghi, khi vận hành, Nhật Thiên có vô số trăm ngàn các đại thiên thần dẫn đường phía trước, vô cùng hoan hỉ, trên thân phóng ra ngàn ánh sáng, đó là do công đức túc nghiệp của ngài, do có ngàn ánh sáng rực rỡ nên còn có tên là gọi là Thiên Quang (ngàn tia sáng).

Theo ghi chép trong “Thế Bản Duyên phẩm”, do nhiều đời thiện tâm cúng dường Sa môn, Bà La Môn, giúp người nghèo cứu kẻ khó, tùy theo nhu cầu, không bao giờ trái ý, nên cảm được quả báo sinh nơi Nhật cung (cung điện mặt trời).

Sau này, Mặt giáo liệt Nhật Thiên vào một trong thập nhị Thiên, được xem như hóa thân của Đại Nhật Như Lai, vì lợi ích của chúng sinh. Trú ngụ nơi Phật Nhật tam muội, tùy duyên xuất hiện thế gian, phá trừ hết thảy bóng đêm, khiến Bồ Đề tâm của chúng sinh tự nhiên hiển hiện, cũng như mặt trời chiếu sáng khắp nơi. Hình tượng của ngài thân màu đỏ, 2 tay mỗi tay cầm hoa sen, mặc thiên y, cưỡi xe ngựa ngũ tâm, trái phải đều có Thiên hậu ngồi hầu. Trong Mạn Đà La Kim Cang giới, ngài có vị trí ở phương nam của Kim Cang bộ viện, liệt vào một trong nhị thập Thiên.



Nhật Thiên

Chương IV

Hoa sen và pháp khí Phật giáo

Do hàm ý tu hành từ thân hoa sen cộng vẻ ngoài đẹp dễ trang nghiêm, nên trên các khí cụ tu hành, thường xuyên dùng hoa sen làm hoa văn trang nghiêm trên các loại Pháp khí.

Pháp khí hay còn gọi Phật khí, Phật cụ, Pháp cụ hoặc Đạo cụ. Theo nghĩa rộng, là các khí cụ trong tự viện Phật giáo, dùng để trang trí tôn nghiêm Phật đàn, cũng dùng cho hành động cầu xin, cúng dường, pháp hội..., có khi xâu chuỗi Phật tử đeo, có khi là vật dụng để tu hành như tích tượng... đều có thể được coi là Pháp khí. Về mặt ý nghĩa, tất cả các công cụ cúng dường chư Phật, trang nghiêm đạo tràng, tu chứng Phật pháp, thực tiễn viên mãn thành Phật đạo, đều gọi là Pháp khí.

Trong các loại Pháp khí, rất thường dùng hoa văn hoa sen trang trí. Sau đây xin giới thiệu các Pháp khí thường dùng hoa văn hoa sen trang trí thông dụng nhất.

LƯ HƯƠNG (HƯƠNG LƯ)

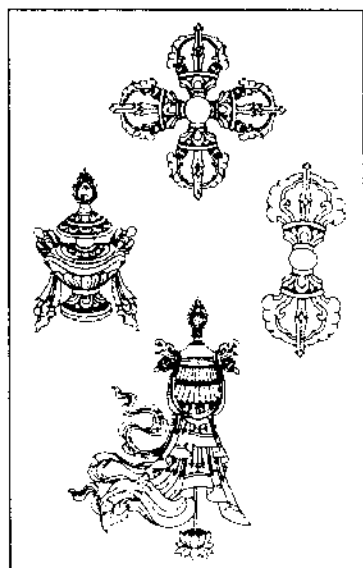
Lư hương là khí cụ để đốt hương, thường dùng với bình hoa, chân đèn đặt trước bàn Phật cúng dường. Rất nhiều lư hương dùng hoa văn hoa sen trang trí, hoặc dùng hoa sen tạo hình.

Trong “Pháp Uyển châu lâm” chép: “Thiên nhân Hoàng Quỳnh nói lư hương Phật Ca Diếp, mặt trước có 16 con sư tử, voi trắng, trên đầu 2 loài thú này đều nổi lên đài sen dùng làm lư, sau lưng có sư tử ngồi xổm, trên đỉnh đầu 9 con rồng quấn hoa vàng, trong hoa có kim đài bảo tử đựng hương thơm”.

Hỏa xá Mật giáo cũng là một loại lư hương, một trong những dụng cụ của Mật giáo. Đời sau gọi chung là một trong bốn dụng cụ (tứ cụ túc) đặt trước Phật.

Lư hương Xích lợi tử Kim Cang viện trong chùa Pháp Long Nhật Bản cất giữ, là lư hương hình hoa sen tiêu chuẩn, thân lư này làm thành hình dạng của hoa sen nở xòe, để lư thể hiện những cánh hoa sen lật ngược, nắp lư hình lá sen, trên có chữ chuông tử khắc chìm, nút tròn trên nắp lư hình hoa sen nở trên các chày. Đây là tác phẩm của triều đại Giang Hộ.

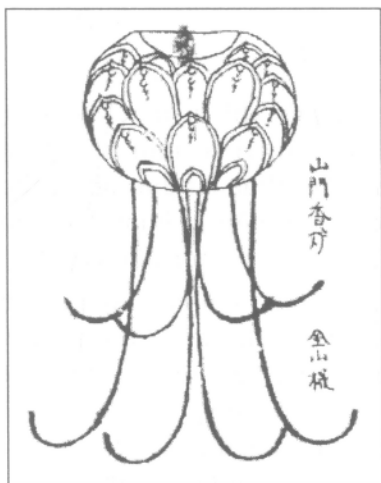
Trong các lư hương có một loại lư Bác Sơn, thường được tạo hình thành hoa sen. Lư Bác Sơn vốn là một loại lư được lưu



Các pháp khí
thường trang trí hoa sen



Lư hương tạo hình hoa sen



Lư hương chân nhện đời Tống

hành cùng với sự phát triển của tư tưởng thần tiên sau đời Chiến quốc cho đến đời Đường ở Trung Quốc, hình dạng của lư Bát Sơn được tạo hình thành dạng núi tiên trên biển. Giống như Lam thái ngỗa Bát Sơn lư (lư Bát Sơn bằng gốm xanh) đời Tùy, hình thái giống nụ của hoa sen sắp nở, một mặt cũng do hình dạng của lư Bát Sơn vốn giống nụ hoa, thêm đó do ảnh hưởng của Phật giáo, nên lư thường được tạo hình hoa sen, trở thành Pháp khí của Phật giáo.

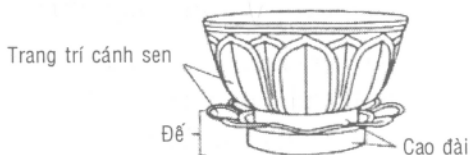
Trong sách “Chi Na Thiên Sát đồ thức” của Nhật, ghi chép về lư hương chân nhện (Tiêu cước hương lư) trong Thiền viện Đường Tháp đời Tống ở Trung Quốc, cũng là loại lư hương được tạo hình hoa sen.

ÁT GIÀ KHÍ

Át già khí là một trong lục khí (Hỏa xá, Át già khí, Đồ hương khí, Hoa mạn khí, Đặng minh khí, Âm thực khí), chỉ vật đựng chứa Át già, phấn thơm, bông hoa cúng dường. Ở bốn góc và hai bên lư hương ở trung ương trên đàn Tu pháp trong Mật giáo, mỗi nơi đều bày ba vật này.

Về chất liệu của Át già khí, theo ghi chép trong “Tô Tất Địa Yết La kinh – Phụng Thánh phẩm”: “Vật để đựng Át già, dùng vàng bạc, hoặc đồng, hoặc đá tạo thành, hoặc dùng thổ mộc, hoặc dùng vỏ ốc tạo thành, hoặc để lót đáy, hoặc dùng cánh sen chấp nối thành vật khí, hoặc dùng lá của cây non tạo thành”.

Hình thể của Át già khí giống cái bát có đế cao, kết hợp với một khay đỡ ở dưới thành một tổ hợp hoàn chỉnh, thường được chế tác từ kim loại. Hoa văn trên bát chia thành hai loại, loại trơn và loại hoa văn hoa sen, thông thường có vân trơn. Chùa Nham Ốc Nhật Bản có cất giữ lục khí và nhị khí bằng kim loại trang trí hoa sen.



Khí cụ thường trang trí hoa sen

CHUỖI HẠT (TRÀNG HẠT – NIỆM CHÂU)

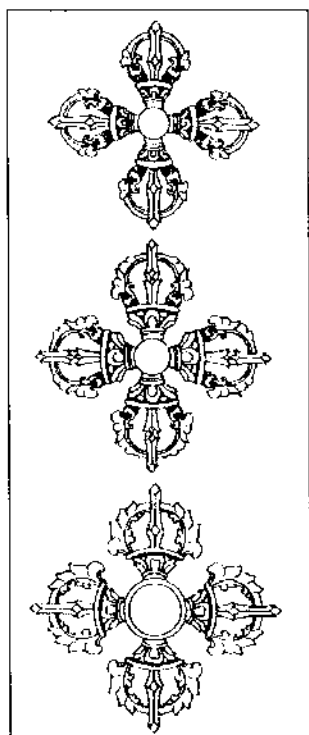
Theo ghi chép trong Phật điển, hạt sen cũng là một loại chất liệu dùng làm sấu chuỗi.

Trong các kinh “Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà La Ni kinh”, “Chư Phật Cảnh Giới Nhiếp Chân Thật kinh”, “Kim Cang Đỉnh Du Già Niệm Châu kinh”, “Tô Tất Địa Yết La kinh” đều có ghi chép kỹ thuật dùng hạt sen làm sấu chuỗi.

Kinh điển còn chép, dùng các sấu chuỗi khác nhau tụng niệm, có công đức tụng niệm cũng khác nhau, trong “Phật Thuyết Hiệu Lượng Số Châu Công Đức kinh”, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát giảng cho đại chúng biết dùng sấu chuỗi khác nhau trì tụng được công đức khác nhau, nếu dùng hạt sen làm sấu, tụng tròn một chuỗi, được phúc vạn lần.

Còn trong “Kiến Lập Đạo Tràng Phát Nguyên phẩm” quyển hạ bộ “Nhiếp Chân Thật kinh” lại ghi dùng hạt sen, kim cương tử làm chuỗi tụng niệm đạt tới phúc đầy đủ.

Theo Mật giáo hành pháp, dựa vào sự khác biệt của tam bộ hay ngũ bộ, các sấu chuỗi được dùng cũng có sự khác nhau. “Tô Tất Địa Yết La kinh” chép, Phật bộ dùng hạt bồ đề, Quan Âm bộ dùng hạt sen, Kim Cang bộ dùng hạt Lỗ Na La Xoa làm sấu chuỗi. Trong bộ “Thủ Hộ kinh” và “Đu Già



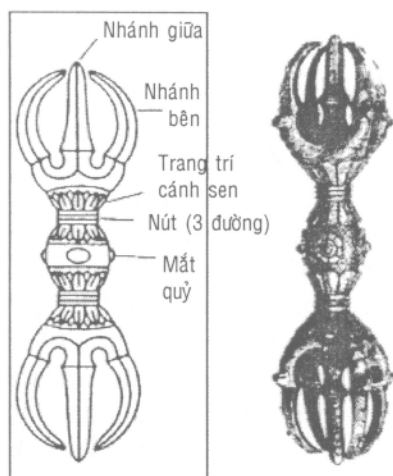
Châu Yết Ma (Yết ma chủ)

Niệm Châu kinh” lại chép Phật bộ dùng hạt bồ đề, Kim Cang bộ dùng hạt kim cương, Bảo bộ dùng các loại châu báu, Liên hoa bộ dùng hạt sen, Yết Ma bộ dùng tổng hợp các loại làm sáu chuỗi.

CHÀY YẾT MA (YẾT MA CHỦ)

Chày Yết Ma (Phạn ngữ karma-vajra) do giao thoa chày ba lớp, tạo thành hình chữ thập, còn được gọi là Yết Ma Kim Cang, Thập Tự Yết Ma, Thập Tự Kim Cang, Luân Yết Ma, hoặc gọi đơn giản là Yết Ma.

Khi tu Phật pháp, bốn góc của pháp đàn mỗi góc thường đặt một Kim Cang Yết Ma, dùng để tượng trưng đẩy phá thập nhị nhân duyên. Ngoài ra, cũng có khi dùng chày Yết Ma hình hoa sen, đặt ở bốn góc của đại đàn. Trong “Nhật Tự Phật Đảnh Luân Vương kinh” ghi: “Nơi vách của bốn góc, mỗi nơi vẽ hai chày Kim Cang, giao thoa hình chữ thập, như các ấn theo pháp vẽ trên đài hoa sen”.



Thân chày Kim Cang
thường trang trí hoa sen

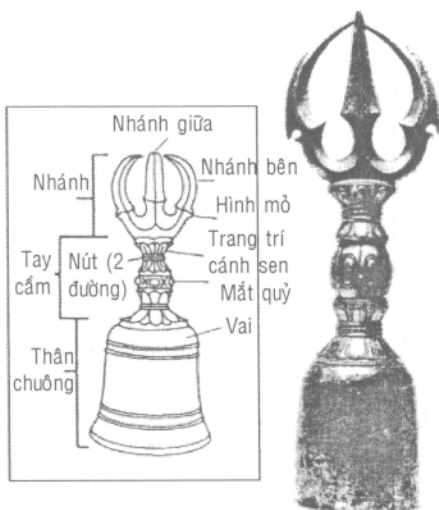
CHÀY KIM CANG (KIM CANG CHỦ)

Chày Kim Cang (Phạn ngữ vajra) là pháp khí Mật giáo, vốn là vũ khí Ấn Độ cổ đại, do đặc tính kiên cố, có thể công phá các loại vật chất khác, cho nên gọi là chày Kim Cang.

Ngoài ra, về ý nghĩa thâm sâu, chày Kim Cang, còn tượng trưng Bồ Đề tâm có khả năng hủy diệt hết thấy phiền não, vật cầm tay của bản Tôn hoặc đạo cụ để tu pháp. Chư Tôn Kim Cang bộ trong hải nội Mạn Đà La, phần lớn trong tay đều cầm chày Kim Cang. Chày Kim Cang tượng trưng cho trí huệ đại dụng Như Lai Kim Cang, có thể phá trừ nội ma của ngu si vọng tưởng và các ma chướng ngoại đạo.

Về hình thái chày Kim Cang, thường gặp nhất là thất cổ, tam cổ, ngũ cổ, (bảy phần, ba phần, năm phần), “Bát chiết la” như kinh quĩ thường nhắc đến, nhưng phần lớn là chỉ chày Kim Cang có tam cổ (ba phần hay ba lớp).

Thân của chày Kim Cang thường dùng hoa sen trang sức, như tất cả chày Kim Cang tam cổ trong Bảo Thọ viện ở chùa Pháp Âm Nhật Bản, đều trang trí hoa văn hình cánh sen.



Chuông Kim Cang
thường trang trí hoa văn hoa sen

CHUÔNG KIM CANG (KIM CANG LINH)

Chuông Kim Cang là một trong các pháp khí Mật giáo, chuông để rung đốc thúc, khích lệ chúng sinh tinh tiến và khuyến thỉnh Phật, Bồ Tát. Trong khi tu pháp, chuông được rung đánh thúc, khuyến thỉnh chư Tôn, khiến họ được hoan hỷ. Căn cứ vào hình dạng chuỗi cầm của chuông Kim Cang, có thể chia thành năm loại chuông là chuông độc cổ, chuông tam cổ, chuông ngũ cổ, chuông bát, chuông thập, cùng với năm loại chày được đặt ở vị trí tương ứng trên đàn tràng tu pháp.

Thân của chuông Kim Cang ở Kim Cang giới và thân của chuông Kim Cang ở Thai Tạng giới có hình dạng hơi khác nhau, loại chuông trước phần lớn có vân trơn, còn chuông của Thai Tạng giới có hoa văn trang trí rất phong phú, các chữ Phạn để khuyến lại bởi vòng tròn, đều được hoa văn bảo tượng và hoa sen trang trí. Trên dưới dùng dây bảo châu viền quanh, phía trên có một đường hoa văn, phía dưới có ba đường hoa văn, tạo thành nên tòa hoa sen. Đồng thời, các nhánh của chuỗi đều có quĩ mục ở nơi tay cầm vào, phần gốc của nhánh bên trên hoa văn mặt sư tử.



Vật dụng Xá Lợi
tạo hình hoa sen

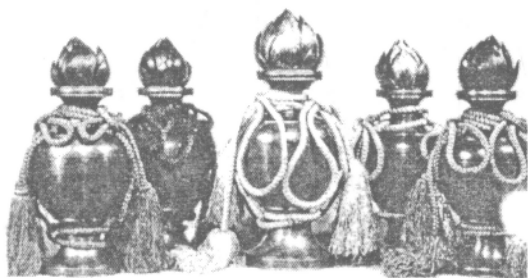
KHÍ CỤ ĐỰNG XÁ LỢI (CỐT PHẬT)

Khí cụ đựng Xá Lợi là vật dùng cất giữ Xá Lợi (xương cốt Phật, Bồ Tát), cũng chỉ tháp nhỏ Xá Lợi ngày nay ta thường thấy ở sân chùa.

“Du Hành kinh” quyển thứ 4 bộ “Trường A Hàm kinh” ghi, khi đức Phật nhập diệt, dân chúng Mạt La của nước Ba Bà vì muốn được chia phần Xá Lợi của đức Phật, vì muốn xây tháp cúng dường trong nước, phải điều động 4 loại quân đội tới thành Câu Thi, nơi đức Phật nhập diệt, sai sứ giả đến xin được chia Xá Lợi.

Nhưng Câu Thi vương từ chối phân chia Xá Lợi, thế là các nước như Giá La Pha quốc, La Ma Già quốc, Tỳ Lưu Đề quốc, Ca Tỳ La Kinh quốc và Ma Kiệt Đà quốc... đều mang đại quân vượt sông Hằng, xin được chia phần Xá Lợi, thậm chí đe dọa dùng vũ lực để tranh đoạt. Sau đó, Câu Thi vương đành chấp nhận chia Xá Lợi thành 8 phần cho 8 nước, cả 8 nước đều nhận được Xá Lợi rút quân về, mỗi nước xây tháp để cúng dường.

Đến thời vua A Dục, cho mở bảy tháp ở ngoài nước La Ma Già đựng Xá Lợi vào 8 vạn 4 ngàn bảo tráp, xây dựng 8 vạn 4 ngàn bảo tháp cất giữ.



5 bình đựng Xá Lợi (chùa Tây Đại, Nhật Bản)

Hiện nay, trong các tác phẩm khắc đá được phát hiện, ở Xrilanca có khắc lại hình ảnh 8 bình đựng Xá Lợi bày trên bàn, với đại biểu các nước vây xung quanh. Bích họa trong Ma Gia động (Mayahoble) ở Hy Nhĩ (Kizil) , nửa phần trên vẽ 8 người bưng 8 bình Xá Lợi, như sắp nhận lấy, nửa phần dưới vẽ kỵ mã đại biểu 8 nước tụ tập, dưới mỗi cỗ ngựa đều treo bình Xá Lợi, phù hợp với ghi chép trong quyển hạ bộ “Phật Bát Nê Hoàn kinh”.

Bình đựng Xá Lợi thường dùng hoa sen tạo hình. Như Kim Đồng bảo tháp ở chùa Chiêu Đề đời Đường, vẽ hoa sen trên lưng kim quy, trên có bảo tháp, trong tháp đặt Xá Lợi.

Chùa Tây Đại ở Nhật Bản cất giữ Thiết Bảo tháp thời đại Liêm Thương, trong tháp có 5 bình đựng Xá Lợi, thân bình tạo hình hoa sen chưa nở, cắm trong bình, bên trong đựng Xá Lợi.

PHÁP LUÂN (BÁNH XE PHÁP)

Pháp luân (Phạn ngữ Dharmacakra) là một trong những tiêu chí tượng trưng của Phật pháp.

Quyển thứ 25 “Đại Trí Độ luận” ghi, đức Phật đại chuyển pháp luân, trời và người của hết thấy thế gian không gì có thể chướng ngại, không gì có thể che khuất. Lại chép, nếu được gặp pháp luân (bánh xe chuyển đạo pháp) đức Phật, hết thấy phiền não tam độc đều được diệt trừ, hết thấy tà kiến, nghi hối, tai hại đều bị tiêu diệt.

Pháp Luân có ba ý nghĩa:

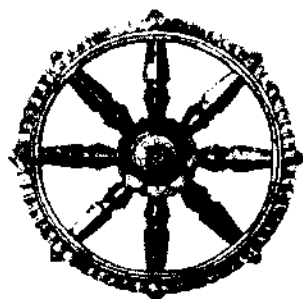
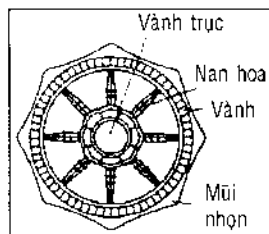
Thôi phá phiền não: bởi vì Phật pháp có thể đẩy phá tội ác của chúng sinh, giống như luân báu của Chuyển Luân Thánh Vương, có thể nghiền nát sự cứng cáp của núi đồi đất đá, nên được ví với Pháp Luân.

Xoay mãi không ngừng: bởi hóa giảng thuyết pháp của đức Phật, không dừng nghỉ nơi một chỗ, giống như bánh xe pháp xoay mãi không ngừng, nên gọi là Pháp Luân (bánh xe chuyển đạo pháp).

Viên mãn vô khuyết: vì giáo pháp của đức Phật thuyết viên mãn vô khuyết, nên dùng sự viên mãn tròn đầy của bánh xe để ví dụ.

Hình thái cơ bản của luân bảo, vốn giống với hình trạng của bánh xe, gắn bốn bộ phận vành trục, nan hoa, vành, phong vân trục. Nan hoa (Phúc) là những khuỷu gỗ được bắt vào vành trục; vành (võng) bên ngoài bánh xe; phong là phần nhô lên có công dụng như vũ khí, số mắt ở ngoài vành giống như nan hoa. Dựa theo giáo thuyết, số mắt của nan hoa có các loại là 4, 5, 6, 8, 12, 100 và 1000 cái.

Nan hoa của Pháp Luân thường được chế thành độc cổ hình, phần gốc được trang trí hình cánh sen, vành trục đa số được chạm hoa sen 8 cánh, nhưng đôi khi cũng có dạng hoa sen 16 cánh, cánh hoa cúc; tóm lại vành xe các loại hoa văn như: khoen tròn móc vào nhau, hình dây hạt châu, cánh hoa cúc, dây cánh hoa cúc.



Bánh xe pháp (Pháp luân)
trang trí hoa văn hoa sen

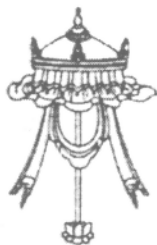
BÁT CÁT TƯỜNG (TÁM LOẠI TỐT LÀNH)

Bát cát tường (gồm 8 mẫu hoa văn cát tường thường gặp trong Tạng Mật, chính giữa mái nhà trong Phật tự, có thể xem thấy tiêu chí (ký hiệu) của Bát cát tường, trái phải mỗi nơi có một con hươu (lộc), tượng trưng cho lần chuyển Pháp Luân đầu tiên của đức Phật nơi vườn Lộc Uyển. Trong “Tỳ Nại Gia tạp sử” ghi: “Khắc tượng chuyển Pháp Luân, hai bên đặt hai con hươu đang nằm”. Người hành giả Mật Thừa dùng trang trí đàn Phật, được chế thành từ vàng, bạc, đồng... cũng có khi được chế thành từ gỗ, hoặc vẽ thành hình tượng.

Theo truyền thuyết, khi đức Thích Ca Mâu Ni dẫn sinh, trên trời dâng lên rất nhiều vật cúng dường, tức do thiên nhân cúng dâng, cũng có thuyết nói đại biểu cho 8 bộ vị trên cơ thể Phật: bảo bình, bảo cái, song ngư, liên hoa, ốc trắng, cát tường kết, tôn thắng tràng, pháp luân theo thứ tự đại biểu cho cổ Phật, đỉnh, Phật nhãn, lưỡi Phật, Phật tam đạo, Phật tâm, với vô thượng chánh đẳng giác của đức Phật.

Bảo bình (bình báu) đại biểu cho cổ đức Phật, vì Phật pháp đều được tuyên thuyết từ miệng của đức Phật, nên bảo bình còn biểu trưng cho giáo pháp, giáo lý. Khi dâng lên bảo bình, cũng tượng trưng cầu nguyện cho chúng sinh có thể đạt được viên mãn vô thượng của giáo nghĩa.

Bảo cái (lọng báu), đại biểu cho Phật đỉnh, người tộc Hán gọi là bạch tán (lọng trắng), đặt trên đỉnh của đức Phật, có thể che đỡ gió, nắng. Lọng ở Ấn Độ cổ đại vốn được quý tộc, hoàng thất dùng tượng trưng cho tôn quý, quyền thế. Ở đây dùng tượng trưng hành giả có đầy đủ đại uy thế, trừ diệt hết thảy ma chướng, đạt được thanh tịnh cát tường. Dâng bảo cái lên cầu nguyện cho chúng sinh lìa khổ được tới an lạc.



Hình vẽ bát Cát Tường

Song ngư đại biểu cho đôi mắt của đức Phật. Ở đây tượng trưng đức Phật nhìn chúng sinh bằng ánh mắt từ bi, cũng biểu trưng trí tuệ. Cứng dường song ngư cát tường, cầu nguyện tiêu trừ vô minh của chúng sinh, để đắc hết thấy trí tuệ.

Hoa sen đại biểu cho lưỡi của đức Phật, tượng trưng đức Phật dùng lưỡi dài và rộng giảng thuyết hết thấy pháp, khiến chúng sinh đều có thể ngộ nhập khai thị tri kiến của Phật. Dâng lên hoa sen, là cầu nguyện chúng ta có được biện tài vô ngại, tạo lợi ích cho chúng sinh.

Bạch loa (ốc trắng) đại biểu cho ba đường ngăn cổ của đức Phật. Pháp ấn của đức Phật âm vang du dương, tốt đẹp thanh tịnh như bạch hải loa, khiến nhất thiết hữu tình nghe đều được giải thoát.

Cát tường kết đại biểu cho tâm của đức Phật, còn được gọi là Vô tận kết, bởi vì kết giải này không đầu không cuối, tượng trưng sự vô tận của tâm đức Phật. Kết này có thể được xem như hai chữ “văn” chồng lên nhau, do đó cũng biểu trưng của tâm mạch. Trong Tạng Mật thường dùng kết giải này giúp tín chúng mang theo bên mình để được gia trì phù hộ.

Tôn thắng tràng đại biểu cho vô thượng chánh đẳng chánh giác của đức Phật, xem như là thắng lợi của Phật giáo, tượng trưng bằng Tôn thắng tràng. Vào thời cổ đại, tràng được dùng trong quân đội, tượng trưng thắng lợi. Trong Phật giáo tượng trưng cho việc khử trừ hết thấy phiền não ma chướng, đạt được đại thắng lợi, cứu cánh giải thoát.

Pháp luân được dùng đại biểu cho bàn tay của đức Phật, tượng trưng Pháp Luân thường chuyển, còn 8 nan hoa của luân, có thuyết cho là đại biểu chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tấn, chánh niệm trong “Bát chánh đạo”, cũng có thuyết cho là đại biểu bát tướng thành đạo của đức Phật.

KÍNH (GƯƠNG)

Trong các loại pháp khí, kính được dùng tăng thêm sự trang nghiêm và ánh sáng của Phật đường, cũng được gọi là đàm cảnh.

Trong Thiền đường, cũng có đàm cảnh giúp đỡ người nhập đạo, như trong “Tứ Trì Kí” ghi “nơi ngồi thiền, trải nhiều gương sáng, để giúp hành tâm”.

“Đà La Ni Tập kinh” liệt kê 21 loại cúng dường trong đó có bảo cảnh (gương báu), đồng thời, đưa ra gương lớn 24 mặt, gương nhỏ 42 mặt dùng trang trí đạo tràng. Trong Mật giáo, gương là một trong các dụng cụ dùng Quán Đỉnh, A Xà Lê đưa ra hình ảnh gương với chư đệ tử dùng tượng trưng tính tướng của chư pháp giải thoát. Các tấm gương dùng tu pháp, mặt lưng thường có khắc hoa văn hoa sen để trang trí.



Gương báu trang trí
hoa văn hoa sen

KIM BÀI (BÀI VÀNG)

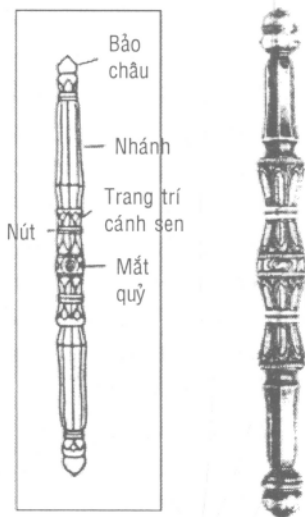
Kim Bài còn được gọi là Kim Bí, hoặc gọi Kim Chú, tiểu Kim Cang chữ tử (chày Kim Cang nhỏ), vốn là công cụ dùng trị liệu bệnh ở mắt vào thời cổ ở Ấn Độ. Trong nghi thức nhập môn của Mật giáo, tức nghi thức dùng Kim Bài khai nhãn cho

người nhập pháp, đồng thời cũng dùng khai nhãn tượng Phật trước khi đặt lên bàn thờ.

Căn cứ theo ghi chép trong quyển 8 bộ “Đại Bát Niết Bàn kinh”: “Phật nói: Thiện nam tử vì để chữa trị trăm người, nên đến thăm Lương Y, lúc bấy giờ, Lương Y liền dùng Kim Bài vạch màng mắt của hần.” Còn trong quyển thứ 9 bộ “Đại Nhật kinh sơ” ghi: đức Phật vì người, quyết trừ tấm màng vô hữu trí huệ của chúng sinh, cũng giống như Y vương của thế gian khéo dùng Kim Bài. Phương pháp trị liệu nhãn tật ở Tây phương (Ấn Độ), là dùng Kim Bài bôi thuốc lên mắt. Do đó Kim Bài được dùng tượng trưng khai mở trí nhãn bị che phủ bởi các chương ngại.

Hình thái của Kim Bài, có dạng chày, phía trước gắn bảo châu, bộ phận quĩ mục tra tay cầm vào. Có loại chia làm ba đoạn, hoặc một đoạn hoặc cổ bộ hình bát giác.

Kim Đồng Lương Châu Kim Bài được cất giữ trong viện bảo tàng Nại Lương ở Đông Kinh (Kyoto), thân Kim Bài trang trí hình cánh sen.



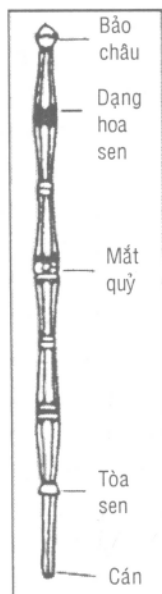
Bài vàng đồng gắn 2 hạt châu (bảo tàng Nại Lương Đông Kinh)

KIM CANG QUYẾT (CỘC KIM CANG)

Kim Cang Quyết (Phạn văn vajrakilaka), dịch âm là Phạn Chiết La Tích La Gia, tức trụ nhỏ dựng bốn góc đàn tu pháp, còn gọi là tứ phương quyết, tứ quyết.

Trong quyển trung “Tô Tất Địa Yết La kinh” ghi: Nên dùng Khử Đạt La mộc làm bốn cây quyết (cọc), rộng khoảng hai ngón tay, vót nhọn một đầu, như một cái chày đóng bốn góc, hơi nhô lên đầu cọc”.

Ở Nhật Bản dùng đàn gỗ, độ dài của cọc 21 đến 34 mm, trên cọc đeo cán, cắm bốn góc pháp đàn. Hình thái của cọc ở giữa trục gắn quả mục, trên dưới dùng dây buộc hoa sen trang trí, dùng đoạn trên và dưới làm cổ, phần cổ dạng lục giác hoặc bát giác, nếu cổ cọc có hoa văn trơn gọi là Kim Cang giới quyết, còn cổ cọc có trang trí hình cánh sen nhỏ và dài gọi là Thai Tạng giới quyết. Ngoài ra, mặt trước của cổ dùng bảo châu hoặc hình nhụy sen trang trí.



Kim Cang quyết

PHẬT ĐÀN

Phật Đàn là tên gọi chung chỉ đàn tọa dùng an trí tượng Phật, và cũng là cơ đàn được dùng thờ cúng tượng Phật trong Phật đường, hoặc khám thờ Phật đặt trong Phật đường, giống Tu di đàn tự viện.

Theo tập tục từ xưa ở Ấn Độ, thường đem tượng của bản tôn đặt trên đàn nơi chính diện Phật đường, như trong các thạch động A Chiên Tháp (Ajanta), Ba Cách (Bagh)... đều thờ cúng tượng Phật trên đàn đá cao. Ngoài ra, trong ngôi chùa hoang Mễ Lan (Miran) ở khu tự trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương - Trung Quốc, trên đàn lớn đặt 7 pho tượng của Phật Dược Sư. Trong động thứ 42 của Thiên Phật động Đôn Hoàng, trên

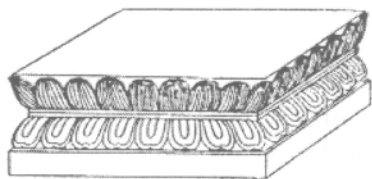
thạch đàn hình chữ U cũng đặt bảy pho tượng Phật Dược Sư ngồi.

Ở Nhật Bản, thời cổ đại đa số dùng đá làm đàn Phật, các đàn Phật trong Kim Đường chùa Dược Sư, đường của Đông Đại tự, đều có thể tượng trưng cho thạch đàn của Nhật Bản.

Tu Di đàn là Phật đàn được làm phỏng theo hình dạng núi Tu Di, chính là Phật đàn hình núi Tu Di được làm từ gỗ, ngói hoặc kim thạch... dùng đặt tượng Phật. Nói đến Tu Di đàn là chỉ đài tọa đặt tử thờ Phật, tượng Phật cũng được đặt trên đó.

Quyển thượng “Kim Cang Đỉnh Du Gia Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Tu Hành Nghi Quỹ kinh” ghi về bốn góc Tu Di đàn. Kinh viết: “Ở trên đỉnh của Diệu Cao Sơn, quán tưởng có Bát diệp đại Liên hoa, trên Liên hoa có bát đại Kim Cang trụ, thành lầu các báu. Trong đài hoa sen quán tưởng có chữ Ngật Lý, từ chữ phóng ra đại quang minh, biến chiếu nhất thiết Phật thế giới, tất cả các chúng sinh đang chịu khổ được hào quang chiếu đến đều được giải thoát. Trong đại quang minh này, có Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát hiện ra, với đầy đủ vô lượng hảo tướng chói lòa uy đức”.

Dùng hình núi Tu Di làm tòa ngồi cho tượng Phật, từ xưa ở Ấn Độ đã lưu hành, như tượng Phật bằng đá thời đại triều Cặp Đa viện bảo tàng Lộc Dã Uyển Ấn Độ đang lưu giữ. Ở Trung Quốc, Nhật Bản cũng rất thịnh hành trào lưu ấy.



Đàn Phật tạo hình hoa sen

Hoa sen và nghệ thuật Phật giáo

Hoa sen không những có hàm ý nội tại sâu sắc, mà hình thái sinh trưởng cũng có ý vị trang sức rất phong phú, bất luận là hoa, quả, thân, lá đều đem tới ý tưởng đẹp, vì thế trong các tác phẩm nghệ thuật, kiến trúc Phật giáo, đều có thể nhận thấy các loại hoa văn trong trang trí do hoa sen cấu thành, thậm chí trong tạo hình mỹ thuật thông thường cũng thường dùng hình ảnh hoa sen,. Trong thời kỳ đầu bích họa, tạo tượng trong thạch động Phật giáo cho đến kiến trúc Phật giáo, hoặc cột trụ, trần nhà, ngói, gạch, trang trí tháp, rèm cửa v.v.. tất cả thường dùng hình ảnh hoa sen trang trí.

Nghệ thuật Phật giáo và nghệ thuật của Cơ Đốc giáo, được gọi là nghệ thuật của hai tôn giáo lớn thế giới, về lịch sử phát triển, nói chung có thể chia làm ba hệ thống:

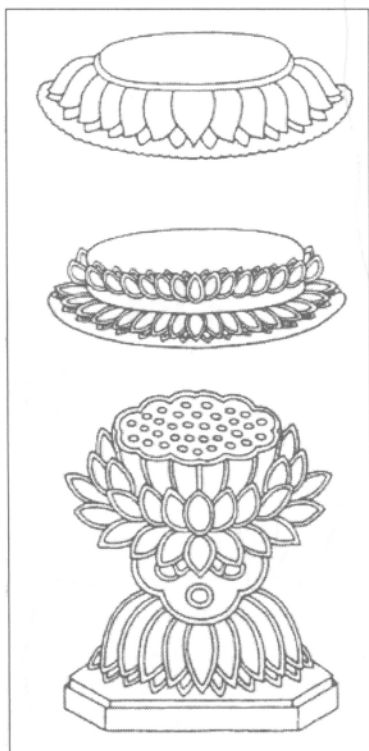
1. Nghệ thuật Tiểu thừa Phật giáo: khởi nguồn từ trang trí Phật tháp, các bức vẽ và điêu khắc Phật tháp đều có chủ đề về các sự tích. Sau đó mới có thịnh hành vẽ tạo tượng hình ảnh đức Phật. Phạm vi ở đây bao gồm thời kỳ đầu của mỹ thuật Ấn Độ và mỹ thuật các nước theo Nam truyền Phật giáo như Xrilanca, Đông Nam Á...

2. Nghệ thuật của Đại thừa Phật giáo: trọng tâm là chế tác các tôn tượng và tín ngưỡng. Các tôn tượng đa số là các điều khắc tranh vẽ Phật, Bồ Tát, chư Thần được biểu hiện trong kinh điển. Theo sự khác nhau của tông phái, có thể phân biệt chia thành mỹ thuật Tịnh độ, mỹ thuật Thiền tông, mỹ thuật Mật giáo. Nguồn gốc của hệ thống này vốn ở Ấn Độ, thông qua vùng Trung Á truyền vào Trung Quốc, Nhật Bản, phát triển rộng tới các vùng khác.

Nghệ thuật Mật tông Phật giáo: hệ thống này hưng khởi vào khoảng thế kỷ thứ 7, 8 công nguyên, ở Ấn Độ. Bản tôn tranh tượng, pháp khí và tranh tượng Mạn Đà La rất phong phú của Mật giáo, hình thành nên một nhánh đặc sắc trong nghệ thuật Phật giáo. Sau này mỹ thuật Mật giáo lại chia thành hai nhánh, một nhánh thông qua Trung Quốc truyền qua Nhật Bản, trở thành dòng nghệ thuật chính của thời đại Bình An, Liêm Thương; nhánh kia từ nước Nepal truyền vào Tây Tạng, Mông Cổ và vùng Đông Bắc, hình thành nên sự phát triển của mỹ thuật Tạng truyền Phật giáo.

Trong quá trình phát triển của nghệ thuật Phật giáo, tạo hình, trang trí bằng hoa văn hoa sen gần như hết sức phổ biến.

Thậm chí, rất sớm trước khi có sự xuất hiện của tượng Phật, nghệ thuật trang trí hoa sen đã tồn tại.



Toà sen kiểu Trung Quốc

Về phương diện nghệ thuật tượng Phật, hoa văn hoa sen thường được vận dụng nhiều nhất làm tòa ngai thiên đình của Phật, Bồ Tát, tức là “Đài sen”, trong các loại tạo hình về hào quang đặt sau lưng của Phật, Bồ Tát. Hào quang hình hoa sen là một loại đặc sắc riêng. Còn tạo hình hoa sen để Bồ Tát, Thiên Thần cầm tay cũng rất thường gặp.

Về trang trí trên Phật tháp, tăng viện, lan can, hoa văn hoa sen cũng là một mắt xích không thể thiếu, nhất là đồ hình hoa sen trên lan can

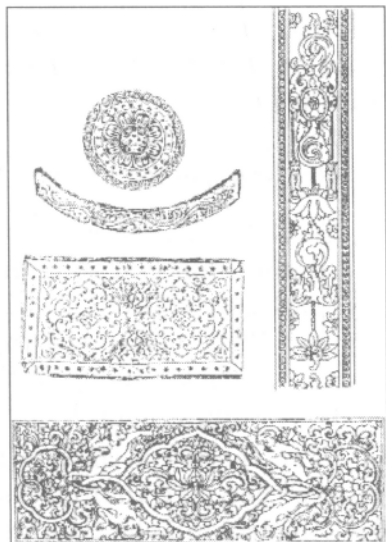
và trụ đá lại càng phong phú, xinh đẹp, như di tích sơn kỳ Phật tháp là một trong những tác phẩm mang tính đại biểu.

Ngoài ra, trong nghệ thuật thạch động, hoa văn hoa sen cũng đóng một vai trò rất quan trọng, như A Chiên Tháp thạch động ở Ấn Độ, Long môn thạch động, Vân Cương thạch động ở Trung Quốc, hình tượng hoa văn hoa sen phải kể vào hạng phong phú bậc nhất.

Trong nghệ thuật Phật giáo, hoa văn hoa sen thường gặp, ngoại trừ các tạo hình hoa sen thông thường, nói chung có thể chia làm mấy loại hình sau:

Liên hoa mạn (dây leo hoa sen): vẽ dài hình hoa sen sau thành dạng sóng nước, có hình thái tự do vươn dài.

Hiên Bình thức liên hoa (hoa sen hình thức cắm trong bình): dùng hoa sen cắm trong bình cổ nhỏ thân lớn với hình dáng tuyệt mỹ biểu lộ hình tượng hoa văn hoa sen phong phú.



Các loại hoa văn hoa sen

Bảo tượng hoa văn (hoa văn báu): hoa văn hoa lệ diễn biến từ mẫu hoa văn hoa sen, thuộc loại biến hình của hoa văn hoa sen.

Hoa văn dây leo hoa sen (Liên hoa mạn).

Hoa văn dây leo hoa sen, vẽ dài thân hoa sen ra kéo dài, tạo thành hình gợn sóng, hoặc biểu hiện tự do tùy thích kết hợp của dạng trôi nổi, dây leo hoa sen trong tạo tượng trang nghiêm Phật giáo, ứng dụng biến hóa rất rộng lớn. Dây leo hoa sen trong tạo tượng và thời kỳ đầu ở Ấn Độ rất được thịnh hành và cũng có biến hóa rất phong phú tinh mỹ.

Trên thạch trụ của sơn kỳ Phật tháp điêu khắc tạo cảnh hồ sen (liên trì), thân hoa sen được phun ra từ miệng cá Ma kiệt thành hình chữ S gợn sóng trong phác thảo ao sen, thân từ từ vươn lên phân bố đầy khắp bức hình tả thực hoa sen, có đóa nhìn từ chính diện, nhìn nghiêng, hé nở: nụ hoa sen theo dạng sóng nước và tạo hình có phong cách khác hẳn nhau. di tích Phật tháp Sơn kỳ có thiết kế lá sen vô cùng hoa lệ, còn ngôi A ma la tạo hình hoa sen tự nhiên tả thực, mở ra phong cách đặc thù của vương triều Cặp Đa.

Ở Nepal, phía trước chùa Tháp Lô (Shrine of Taeju), có bia kỷ niệm Ứng Thần bằng đồng thuộc thời đại vương triều Mã Lai cao tới vài trượng, để đỡ bia là tổ hợp ba cửa trụ tròn bằng đá chạm khắc trên đỉnh trụ có đài sen bằng đồng, trên hoa sen có nữ thần quỳ, hai tay chấp



Hoa văn hoa sen cài đầu
(Liên hoa mạn)

lại, nhìn xuống hướng ra ngoài, một trong những điều khắc bằng đồng vĩ đại của một thời.

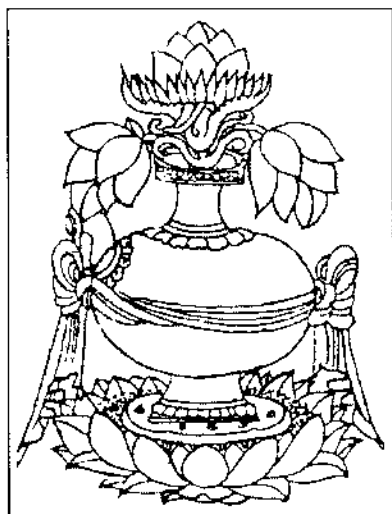
Quốc vương vương triều Mã Lai, dùng thần quyền trị nước, quốc vương cũng được xem là hóa thân của thần Tỳ Thấp Nô (Shiva), do đó trên toàn quốc có ba pho tượng Shiva dạng nằm gần như giống nhau được thành kính cúng dường. Hình tượng của vị này nằm ngửa trên mình của A Nan Đà Long vương, ngược nhìn trời cao, bình thần và thoải mái, bốn cánh tay chia ra cầm pháp luân, quyền trượng, hải loa (ốc biển) và hoa sen.

Kiểu dáng dây leo hoa sen, ở Trung Quốc, đã xuất hiện tại Vân Cương, Long Môn từ thời Bắc Ngụy, có hình dáng vừa hoa lệ vừa biến hóa.

Hiền bình thức liên hoa

Hiền bình, Ấn Độ cổ đại gọi là Già La Xa (Kalasa), “Hiền” có nghĩa “Thiện” nên Hiền bình cũng được gọi là Thiện bình. Trong “Lượng Độ kinh tục bổ” ghi: “Thân bình lớn, tròn, cổ dài bằng khoảng 2/3 của thân, miệng bình loe ra ngoài”. Nguyên do gọi là Hiền bình, vì bình này có thể thỏa mãn mong cầu của hết thầy chúng sinh, nên còn được gọi là: Đức bình, Mãn bình, Thiện bình, Cát tường bình, Như ý bình và Cam lộ bình.

Trong “Đại Trí Độ Luận” chép một người hy vọng có thể thỏa mãn được hết thầy bảo vật và anh ta cầu xin, Thiên Thần tặng cho anh ta một cái



Hiền bình và hoa sen

bình, tên gọi là “Đức bình” và nói với y rằng: “Các vật mà ngươi cần, đều có trong bình này”. Người nay sau khi có được bình quý, đã vô cùng thỏa mãn, nhất là y đã có được nhà đẹp, voi, ngựa, xe cộ, đầy đủ, bèn đem các loại thất bảo tặng cho tân khách, bạn hữu.

Có khách hiểu kỳ, hỏi y: “Trước kia, anh nghèo khổ sao hiện nay lại giàu có như vậy?”

Người đó trả lời: “Ta xin được một bình lớn, trong bình có thể sinh ra các loại bảo vật, vì vậy nên giàu có”. Người khách không tin, muốn y đem chiếc bình ra xem. Y liền lấy ra bình quý và gọi bình biến hóa ra đủ loại vật, quả nhiên chiếc bình nhất nhất ứng nghiệm. Người đó vênh váo đập lên bình mà nhảy múa, không ngờ chiếc bình “choang” một tiếng vỡ nát, mọi báu vật đều tan thành mây khói.

Trong luận dùng câu chuyện này ví người giữ giới cũng giống vậy, giới chính là chiếc bình báu, có thể sinh ra các loại công đức diệu lạc, không có ước nguyện gì không đạt được, nhưng nếu như kiêu xa phóng dật, khác nào làm rơi vỡ bình.

Từ đó có thể thấy, Hiền bình cũng giống như Như Ý bảo bình, có thể thỏa mãn tâm nguyện của chúng sinh, có thể biến hóa ra nhà cửa đẹp, voi, ngựa, xe cộ, các loại thất bảo...

Hiền bình thức liên hoa, dùng hoa sen biểu hiện thành hình dạng giống tạo hình của Hiền bình, thân to miệng nhỏ và có thể chia thành Hiền bình thức liên hoa tọa, Hiền bình thức liên hoa trụ và Hiền bình thức liên hoa lưu (tòa sen hình bình, trụ sen hình bình và lưu sen hình bình).

Hiền bình thức liên hoa, có tạo hình hoa sen phối với chiếc bình, hoàn toàn tạo hình tả thực phối hợp sinh thái tự nhiên, như bản hình tròn kiểu huân chương trên trụ lan can của Sơn Kỳ Phật tháp, chính là chiếc bình hình bầu trên có hoa sen mọc tươi tốt. Ở giữa là đóa sen lộ ra tim nhụy và nhụy đực, cánh sen có dạng rủ xuống dưới, đối xứng với lá sen, phía dưới

của lá sen mỗi bên một đóa hoa sen chính diện, thành dạng tả hữu đối xứng.

Bảo tướng hoa văn

Bảo tướng hoa văn là hình vẽ hoa sen biến hóa tới giai đoạn phong phú nhất, hoa lệ nhất.

Hoa sen, trong kinh điển thường được gọi là Bảo liên hoa (hoa sen quý), do có đặc chất đầy đủ của bảo tướng, cát tướng.

Hình thức của Bảo tướng hoa văn có lẽ có thể chia thành hai loại, một loại là hình hoa sen 8 cánh có hướng chính diện, từ trang trí trên trần của Thiên Phật động ở Đôn Hoàng, các sản phẩm dệt, đồ gốm, gương đồng, điêu khắc trên kim loại, bia mộ của đời Đường cho đến gạch vuông của thời đại Tân La ở Hàn Quốc... đều có thể gặp trang trí Bảo tướng hoa văn.

Một loại khác của hình thức Bảo tướng hoa văn có biểu hiện mặt nhìn nghiêng, phối với hình trạng tự do của lá, dây leo, đó là do biến hóa từ hình trạng của Thụy liên, thực tế, hoa văn kim ngân bắt đầu lưu hành từ thời kỳ Nam Bắc triều, kết hợp với hoa văn truyền thống cổ đại Trung Quốc. Trong ngôi mộ thời Ngụy Tấn được phát hiện ở Vạn huyện Tứ Xuyên, đã có hoa văn kim ngân nguyên thủy, đắp viên gạch trang trí. Cánh lá thời kỳ đầu của hoa văn kim ngân (thời Nam Bắc triều) nhỏ dài, mỗi một nhóm gồm ba đến bốn cánh, đầu nhọn của cánh thứ nhất cong ngược lên, gồm một hoặc hai cánh bên trong, cánh cuối cùng mũi nhọn lật xuống



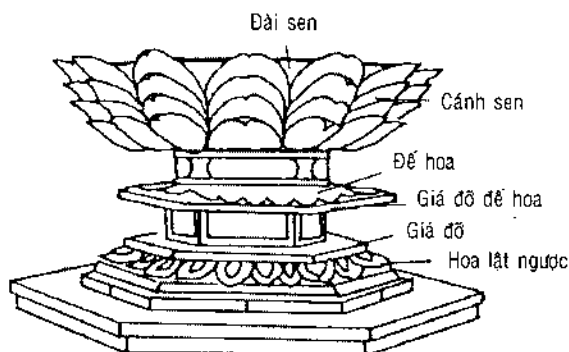
Bảo tướng hoa,
biến hình hoa văn hoa sen

dưới, sau đó thường gấp một loại hoa văn cành kim ngân quấn quanh, ở giữa hai lá kim ngân ở bên trái, bên phải, kẹp lấy một đóa hoa sen hoặc cánh sen, biến hóa giống như hoa sen, thời đại càng về sau phiến lá càng được vẽ lớn rộng hơn.

Sau đời Tùy Đường, hoa văn hoa sen không ngừng được mỹ hóa, sáng tạo nên Bảo tượng hoa văn càng phong phú, diễm lệ.

Thật tướng của Bảo tượng hoa văn có thể nói là trải qua dung hợp nghệ thuật của mấy dân tộc mới hình thành, như Ấn Độ, Ba Tư, Tây Vực, cho đến hoa văn kim ngân Hy Lạp cũng có liên quan. Cũng chính thông qua giao lưu văn hóa từ con đường tơ lụa, cuối cùng nở ra đóa hoa đóa hoa cực kỳ hoa mỹ vào thời Đường.

Như bức “Phiêu Địa Đại Đường hoa văn thảm”, một trong hơn 30 tấm thảm hoa văn hiện nay đang cất giữ ở Chính Thương viện, Đông Đại tự ở Nại Lương – Nhật Bản, có thể coi là đại biểu cho sự hào hoa của Bảo tượng hoa văn thế kỷ thứ 8. Với phương pháp kỹ thuật màu lam phối với màu đỏ, vàng, xanh lục, cam, cánh hoa có màu sắc đậm rực rỡ.



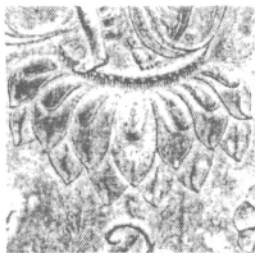
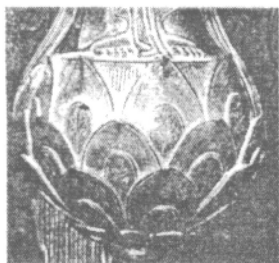
Cấu tạo toà sen

HOA VĂN HOA SEN CỦA TƯỢNG PHẬT

Liên hoa đài tọa (tòa sen)

Phật và Bồ Tát có các loại tòa ngồi khác nhau. Tòa ngồi thông thường phổ biến nhất đặt tượng Phật, Bồ Tát, có các loại Sư tử tòa, Liên hoa tòa, Điều thú tòa, Bàn thạch tòa... Trong các tòa ngồi của Phật Bồ Tát, có thể thấy nhiều nhất là Liên hoa đài tọa.

Liên hoa tòa, tòa ngồi có hình hoa sen, cũng còn gọi là Hoa tọa, Hoa đài. Trong “Quán Vô Lượng Thọ kinh”, ghi chép về A



Tạo hình toà hoa sen rất phong phú

Di Đà Phật và Quan Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, cùng ngồi trên đài sen báu, cũng như những người Cửu phẩm vãng sinh Tịnh thổ, an trú trên Tịnh thổ Liên hoa. Dùng hoa sen là tòa ngồi, là nghi tướng thịnh hành nhất từ xưa đến nay ở Ấn Độ, phổ biến nhất trong các thờ ngồi của Bồ Tát, thông thường thấy nhiều hơn cả có Bát diệp Liên hoa (hoa sen tám cánh) hoặc Thiên diệp Liên hoa (hoa sen ngàn cánh) dùng làm tòa ngồi của chư Tôn. Chư Thiên cũng thường xuyên dùng lá sen làm tòa ngồi, gọi là Hà Hiệp tòa (tòa lá sen). Vì sao Phật, Bồ Tát lại dùng hoa sen làm tòa ngồi? Quyển thứ 8 “Đại Trí Độ Luận” có đề cập tới truyền thuyết thần Phạm Thiên Ấn Độ giáo được sinh ra từ hoa sen như sau: Trên mặt nước có một người ngàn đầu, hai ngàn tay chân, tên là Vi Nữu từ rốn của Vi Nữu mọc ra Thiên diệp kim sắc diệu bảo liên hoa (hoa sen vàng ngàn lá), hào quang rực rỡ, như vạn mặt trời cùng chiếu sáng. Trong hoa sen có một người ngồi kiết già, người này cũng có hào quang vô lượng tên gọi Phạm Thiên vương. Phạm Thiên vương ngồi trên tòa sen nên chư Phật nương thuận theo tập tục cũ, cũng an tọa kết già trên hoa báu, giảng thuyết Lục ba la mật.

“Vi Nữu” trong sách luận nói đến, chính là thần Tỳ Thấp Nô (Shiva) trong Ấn Độ giáo. Ngài biến hóa ra thân hình ngàn đầu, hai ngàn tay, mọc cành hoa sen vàng từ trong rốn, hoa sen này sáng rực của có vạn mặt trời cùng chiếu, người ngồi kết già trong hoa, chính là Phạm Thiên vương trong Ấn Độ giáo.

Do vì Phạm Thiên vương ngồi trên tòa sen nên chư Phật nương thuận theo tập tục, cũng an tọa trên hoa sen.

Phật Đà và Vi Nữu (tức Shiva), cùng từ rốn xuất hiện sinh ra hàng loạt loại sen báu, trong các loại sen, mỗi loại đều có Phật, mỗi tòa sen đều có Phật.

Trong truyền thuyết của Ấn Độ, từ xưa vẫn coi hoa sen tượng trưng cho sự cao quý thánh khiết, do đó, rất nhiều thần

thánh đều cầm hoa sen. Trong thần thoại Ấn Độ, chư thần ở nơi núi thiêng vũ trụ, mỗi người đều có quyền thuộc. Vợ của thần Shiva chính là nữ thần Liên hoa, hình ảnh thường thấy bà chân đạp hoa sen, tay cũng cầm hoa sen.

Trong miếu Lạp thần ở Ái La Lạp thạch động, có pho tượng thần Lạp Khắc Tu Mỹ Nữ, ngồi trên đài sen, mặt nước đầy những lá sen và thủy cầm. Hai bên nữ thần có bốn con voi dùng vòi phun nước lên Liên hoa nữ thần, chư thiên thổ địa vòng quanh chúc mừng. Sau khi Phật giáo hưng khởi, Lạp Khắc Tu Mỹ Nữ được chuyển hóa thành hộ pháp Phật giáo, gọi là Cát Tường Thiên.

1. Nguồn gốc của Liên hoa tòa (tòa sen)

Tòa sen là Liên hoa đài tọa của Phật, Bồ Tát, cũng còn tên gọi là Liên hoa đài, hoặc gọi tắt Hoa đài, liên hoa tọa, Hoa tọa. Dùng đài sen làm tòa ngồi của Phật, Bồ Tát để biểu thị Phật, Bồ Tát mặc dù ở nơi dơ bẩn, nhưng vẫn tách ly trần cấu thanh tịnh, thần lực tự tại.



Lan can hoa sen

Quyển 8 “Đại Trí Độ Luận” chép nguyên nhân Phật, Bồ Tát dùng hoa sen làm tòa ngồi là do: “Với sự mềm mại và sạch sẽ của hoa sen, nên chư Phật hiện thân lực có thể ngồi trên đó mà vẫn không làm nát hoa; lại có nguyên nhân là dùng trang nghiêm diệu pháp tòa; còn vì các hoa khác đều nhỏ, không có hoa nào to, sạch, thơm như hoa này”. Bởi vì hoa sen cPhật, Bồ Tát thị hiện thân lực có thể ngồi trên đó mà vẫn không làm nát hoa; lại vì duyên cơ là pháp tòa trang nghiêm vi diệu, hoa sen tuy nhỏ, mùi hương rất thanh tịnh xa rộng, nên Phật, Bồ Tát dùng hoa sen làm tòa ngồi.

Quyển 8 “Đại Trí Độ Luận” cũng liệt kê nguyên nhân vì sao Phật, Bồ Tát không ngồi trên sập mà ngồi trên hoa sen, đó là: (1) vì sập là tòa ngồi của giới Cư sĩ; (2) vì để thị hiện thân lực của Phật, Bồ Tát, do hoa sen mềm mại thanh tịnh, các ngài ngồi trên đó mà hoa sen vẫn không bị hỏng, nát; (3) hoa sen có thể trang nghiêm vi diệu pháp tòa; (4) vì đại bộ phận các loại hoa đều rất nhỏ, chỉ có hoa sen to hơn, mùi thơm thanh khiết hơn.

Ngoài ra, trong kinh Phật còn nhiều ví dụ khác. Dùng hoa sen để ví với các vị Thánh, Phật và Bồ Tát, tuy sinh nơi thế gian, nhưng vẫn không bị nhiễm bẩn. Quyển thứ 4 “Tập A Hàm kinh” ghi: “Như thị phiên não lậu, nhất thiết ngã dĩ xả, dĩ phá dĩ ma diệt, như Phần Đà Lợi sinh, tuy sinh, nhi vị tăng trước thủy”. (cũng như đối với các loại phiền não hữu lậu, hết thấy ta đều đã xả bỏ, đã phá hoại, đã diệt trừ, giống như là Phần Đà Lợi hoa vậy, mặc dù sinh trưởng trong nước, nhưng không dính nhiễm nơi nước).

Trong “Chuyển Diệu Pháp Luân phẩm” quyển thứ 33 bộ “Phật Bản Hạnh Tập kinh” viết: “Do như Phần Đà Lợi tại thủy, tuy phức xứ tại vu thủy trung, nhi bất vi thủy chi sở triêm. Ngã tại thế giới diệt phục nhi” (Cũng như hoa sen sinh trưởng ở trong nước, mặc dù trong nước, nhưng không bị dính nước, đức Phật ở nơi thế gian cũng như vậy).

Vả lại, các kinh điển như “Bi Hoa kinh”, “Diệu Pháp Liên Hoa kinh”... cũng dùng hoa sen đặt tên kinh, để ví với sự thanh tịnh, vô nhiễm, quảng đại của các kinh này. Trong lời tựa cuối của “Diệu Pháp Liên Hoa kinh” do Tăng Duệ trước tác ghi: “Trong tất cả các loài hoa, hoa sen thù thắng nhất”.

Ngoài ra, hoa sen cũng là một trong 32 tướng tốt xuất hiện khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni đản sinh, quyển thứ 3 “Phương Quảng Đại Trang Nghiêm kinh” ghi: “Khi Bồ Tát ở trong thai đủ 10 tháng lúc sắp đản sinh, ở Thâu Đàn vương cung có 32 loại tướng tốt hiện ra trước nhất, một là tất cả đại thụ đều nảy nụ hoa sắp nở, hai là trong ao đầm Ưu Bát La hoa, Câu Vật Đầu hoa, Ba Đầu Ma hoa, Phần Đà Lợi hoa đều trở nảy nụ hoa, ba là các bụi hoa nhỏ đều trở hoa nhưng chưa nở”.

“Phạm Vòng kinh” ghi: Lô Xá Na Phật ngồi trên đài hoa sen, chung quanh đài sen có ngàn cánh hoa, lại xuất hiện ngàn vị Phật Thích Ca Mâu Ni, trên mỗi cánh hoa có trăm ức quốc thổ, mỗi quốc thổ lại có một vị Thích Ca, đều ngồi dưới gốc cây bồ đề, đều thành tựu Phật đạo.

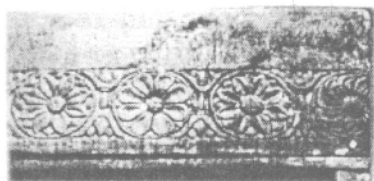
Còn trong “Quán Vô Lượng Thọ kinh” có đề thất hoa tọa quán, chính là quán tướng hoa sen trên bảy nơi bảo địa, mỗi cánh hoa đều làm từ trăm báu, có 8 vạn 4 ngàn gân lá, giống như bức tranh nhà trời vậy. Đức Thích Ca dùng Tỳ Lăng Già Bảo làm đài hoa, còn tòa sen dùng 8 vạn Kim Cang Chân Thúc Già Bảo, Phạm Ma Ni Bảo, Diệu Chân Châu Vòng... trang nghiêm. Còn trong Cửu Phẩm Vãng Sinh chép, người được vãng sinh quốc thổ Cực Lạc, đều ngồi trên thất bảo liên hoa. Còn Thiên Thân Bồ Tát trong “Tịnh Độ luận” ghi: “Vô lượng đại bảo vương, vi diệu tịnh hoa đài”. Vì thế người niệm Phật phát nguyện vãng sinh Tịnh thổ, khi lâm chung, Phật, Bồ Tát sẽ bung đài sen đến đón. Do hình dung về đức thanh tịnh của đài sen, nên có tên gọi “Tịnh Hoa Đài”.

Hoa sen cỗi người, hoa sen trên trời, hoa sen của Bồ Tát, hoa sen của đức Phật cũng khác nhau: trong quyển 10 “Đại Trí Độ Luận” ghi:

Hoa sen có ba loại: một là hoa ở cỗi người, hai là hoa ở cỗi trời, ba là hoa của Bồ Tát. Hoa cỗi người lớn nhất cũng chỉ hơn mười cánh, hoa cỗi trời trăm cánh, hoa của Bồ Tát ngàn cánh.

Trong “Phạm Võng kinh” ghi thêm: Lô Xá Na Phật ngồi trên đài hoa sen, chung quanh đài có hơn ngàn cánh, trên mỗi cánh hiện ra ngàn vị Phật Thích Ca Mâu Ni, mỗi hoa có trăm ức quốc thổ, mỗi quốc thổ có một Thích Ca Như Lai, mỗi vị ngồi dưới gốc cây bồ đề, viên thành Phật đạo. Quyển thứ nhất “Phạm Võng kinh sớ” giải thích rõ hơn: hoa sen Bồ Tát ngồi có trên ngàn cánh, còn đài sen Phật ngồi không có hạn lượng, mỗi cánh sen đều rộng khắp Pháp giới.

Tòa sen Phật giáo, sớm nhất có thể truy ngược tới thời kỳ đầu thời đại lập tượng Phật, khoảng thế kỷ thứ I công nguyên. Tạo hình của tòa sen thuở ban đầu có thể xuất hiện do hình thức tượng Phật phối hợp với tòa ngồi vuông, nên mới sản sinh ra tòa sen. Có khi hai bên phương tòa (tòa ngồi vuông) điêu khắc thiên nhân hoặc tượng cúng dường. Nhưng trước khi tượng Phật chưa xuất hiện, đã có totem của tòa sen, như trên phù điêu Liên hoa nữ thần ở cửa nam tháp thứ nhất Sơn Kỳ Phật tháp, đã có tòa hoa sen dạng hé nở, hoa sen trên tòa sen được thể hiện theo phong cách tả thực.



Hoa văn hoa sen
trên lan can và cánh cửa

Lô Xá Na Phật được thờ phụng trong chùa Phụng Tiên ở Long Môn thạch động Trung Quốc, tòa sen được triển hiện theo hình thái của thế giới Liên hoa tạng.

Chùa Phụng Tiên là thạch động không vòm có qui mô lớn nhất cho đến nay, chia thành hai vòng trong, ngoài, vòng trong rộng khoảng 38 mét, sâu khoảng 23 mét; vòng ngoài rộng khoảng 36 mét, sâu khoảng 4 mét, là thạch động quan trọng với qui mô lớn nhất, nghệ thuật tinh mỹ, có tính đại biểu trong các thạch động đời Đường.

Trung ương vách sau thạch động khắc chạm tượng ngôi Lô Xá Na Phật, cao khoảng 16 mét, tướng tốt trang nghiêm, thân thể hùng vĩ, tóc xoắn thành gợn sóng, đường nét y phục tinh tế, tòa ngồi gồm ba lớp hoa sen, trên mỗi cánh sen có chạm các hình Phật nhỏ, biểu thị liên hoa tạng thế giới, chung quanh đóa hoa sen trung ương sau lưng là hình hóa Phật, Phi Thiên và cây cỏ, quảng lửa... được chạm nổi, hình ảnh hết sức phong phú.

Chư Phật, Bồ Tát dùng đài hoa sen, vốn vì hoa sen vì hoa sen mềm mại sạch sẽ, các ngài muốn thị hiện thần thông. Trong các loại hoa, hoa sen to nhất, do đó có thể dùng trang nghiêm vì diệu pháp tòa, vì thế hoa sen cũng trở thành tượng trưng bảo tọa của Phật, Bồ Tát.

2. Hình thức của tòa sen.

Hình thức cơ bản của tòa sen được hình thành một cách hoàn chỉnh từ thời Kiền Đà La vương triều Quý Sương cho đến thời đại của vương triều Cáp Đa. Đại khái có thể chia thành hai loại tạo hình cơ bản là tòa sen có thân hoa sen và tòa sen không có thân hoa sen. Loại tòa sen có thân hoa sen lại có thể chia thành hai loại hình thức: mỗi tòa một vị Tôn hoặc một tòa nhiều vị Tôn. Còn tòa sen không có thân hoa sen có thể chia ra tòa sen ngửa lên (ngưỡng liên hoa), tòa sen có cánh rũ xuống (phụ liên hoa) và hình thể hỗn hợp cả hai loại.

Hoa văn trang trí hoa sen thời Kiến Đà La biểu hiện trên tòa ngói, một loại thuộc phong cách tả thực, một loại là tạo hình tòa sen có các cánh sen rũ thấp. Tạo hình tòa sen theo phong cách tả thực rất giống với hình ảnh hoa sen mọc trong nước, tự nhiên khả ái. Trong viện bảo tàng Lạt Hợp Nhĩ (Lahare) cất giữ tòa sen thời Kiến Đà La điển hình phong cách tả thực này, là tòa sen có hình thức một hoa một vị Phật, cánh sen tổ hợp nhiều tầng, mỗi tầng là một dãy cánh sen xếp liền nhau thành hàng, tòa sen điêu khắc miệng cắt rất sâu, có hình trạng hướng lên trên nở ra một cách tự nhiên.

Còn đài sen theo kiểu không có thân sen, cánh sen của đài sen nở ngửa lên, giữa mỗi cánh sen có vết cắt khá sâu, khiến cho phù điêu đài sen càng hiển lộ tính lập thể sinh động, cánh sen của loại tòa sen này, thường to mập với đầu hoa nhọn nhỏ.

Thời Kiến Đà La còn có một loại tạo hình đài sen, cánh sen của hoa sen kiểu thon dài và rũ thấp. Trên cánh sen có điêu khắc đường nét rìa cánh hoa, đồng thời sắp xếp cánh đơn hoặc nhiều cánh, hình dáng của loại tòa sen này, ngoại trừ biểu hiện nơi tòa sen, còn thường được ứng dụng vào vách cửa khám thờ trong kiến trúc và trang trí đỉnh tròn của tịnh xá, như trang trí hoa văn hoa sen bên ngoài tháp Phật, chính là tạo hình của loại hoa sen ấy.

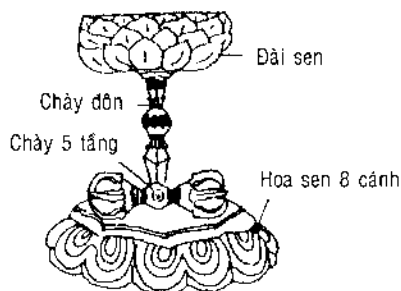
Ngoài ra, thời Kiến Đà La còn có một hình thức tòa sen loại khác, tượng thân hai chân mỗi chân phân biệt đập trên



Tạo hình các loại tòa hoa sen (1)

một đài sen, hình thức chủ yếu chịu ảnh hưởng Trung Á. Ở hai đường Nam, Bắc của Tây Vực rất thịnh hành các tượng Phật đứng có tạo hình loại này.

Trong động số 89 của Kham Ha Lợi (Kanheri) thạch động thuộc vương triều Cáp Đa thế kỷ thứ 5, 6, có Thiên diệp hoa sen tọa (tòa sen ngàn lá). Quyển 10 “Đại Trí Độ Luận” ghi việc Bồ Tát ngồi trên Thiên diệp hoa sen tọa. Hoa sen trong động đá này có hình ảnh gồm một thân sinh ra năm nhánh, đây là đài sen có hình dạng cánh sen kép với các cánh sen trên ngửa, dưới rũ hỗn hợp, và hoa sen ngàn cánh này vươn ra từ nhũ hải (biển sữa), trên đài sen đều có hình Phật và Bồ Tát ngồi.



Tạo hình các loại toà hoa sen (2)

Vào khoảng thế kỷ thứ 4 đến đầu thế kỷ thứ 5 công nguyên, đã xuất hiện tòa sen có tạo hình giống Phục bát hình liên hoa (hoa sen hình bát úp), một hình thức rất đặc biệt. Đài sen có ngoại hình giống như cái bát úp (phục bát), cánh sen do tuyến điêu khắc hình thành, trên thân sen mọc ra hai tòa sen nhỏ đối xứng ở hai bên trái, phải, còn hai bên thân tạo hình theo kiểu một thân tam Tôn.

Đến thế kỷ thứ 7, Lộc Dã Uyển cũng xuất hiện một loại tạo hình đài sen giống với phong cách tả thực thời Kiến Đà La, cánh sen to mập, có hình thức của nửa cái bát úp, hoa nở ngửa lên phía trên, hoa sen bảo lưu ngoại hình kiểu đài sen như cái bát úp (Phục bát liên hoa thức). Tạo hình của cánh sen rất tự nhiên và có qui luật thiết kế của tạo hình mỹ cảm, đó

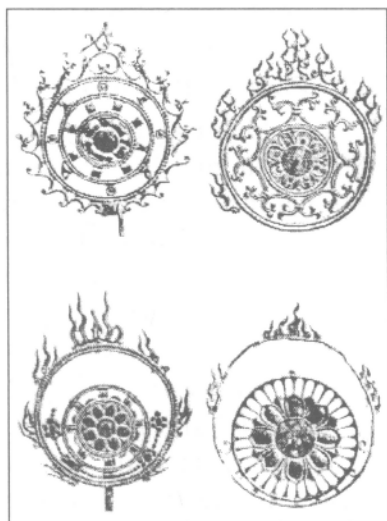
là một trong những nét đặc sắc của đài sen Lộc Dã Uyển (vườn Lộc Dã).

Hào quang hình hoa sen

Hào quang tức ánh sáng phát ra từ sau lưng thân Phật, cũng còn gọi là Quang Diệm, Viên Quang... thông thường, hào quang có thể chia làm hai loại: hào quang trên đầu, và hào quang của thân. Hào quang đầu, chính là ánh sáng tròn sau đầu đức Phật theo hình trạng mà chia ra: Viên quang, Luân quang, Bảo châu quang, Phóng xạ quang... Hào quang trên đầu của thuộc, Bồ Tát vốn là ánh sáng phát ra từ hình tướng bạch hào (lông trắng) ở giữa lông mày. Do đó, trong rất nhiều tượng Phật nhìn nghiêng, cũng vẽ thành ánh sáng có hình tròn.

Tạo tượng của Phật giáo, để biểu hiện hình tướng sáng láng của đức Phật, nên dùng các tạo hình như Viên luân hình, Trục tuyến hình, Dương viên hình... đặt ở sau đầu của tượng, gọi đó là đầu quang hoặc Đỉnh viên quang. Bối quang bao gồm cả hào quang đầu và hào quang toàn thân. Đầu quang tạo hình ánh sáng lấy phần đầu làm trung tâm và phát tán ra. Tạo hình phổ biến nhất, nhiều nhất là Viên luân và Phóng xạ quang.

Thân quang, tức ánh sáng phát ra sau lưng Phật, thông thường không chỉ hào quang sau lưng không, mà phối hợp cả với hào quang đầu, thành hào quang hoàn chỉnh toàn thân. Dạng thức của hào quang toàn thân có loại hào



Hào quang sau lưng Phật
hình hoa sen (1)

quang từ đầu đến chân, toàn bộ là một vòng sáng. Có khi kết hợp với hào quang đầu, thành hai vòng tròn hình thành nên hào quang toàn thân, đó chính là Luân hậu quang như thông thường vẫn gọi.

Ngoài ra, cũng có hào quang thân vòng tròn thành hình hỏa diệm, các loại hình hỏa diệm (vòng lửa) này có hoa văn nước, cây cỏ, thêm Phật văn... và các loại hoa văn khác để trang trí. Tùy theo sự khác nhau của khu vực và thời đại, ở Ấn Độ, Tây Vực, Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản, hào quang đặt sau lưng diễn biến thành các loại hình thức khác nhau như hóa Phật, phi thiên, tháp, thiên nhân, chim Ca Lăng Tần Già, chữ Phạn v.v... khiến cho hào quang trở nên có hình dạng phong phú và đa dạng nhiều màu sắc.

Trang trí hoa sen của hào quang, gọi tắt là liên hoàn bối quang, dùng cánh đơn, cánh phức hoa sen phối trí thành các loại biến hóa khác nhau.

Lấy hào quang hình hoa sen vương triều Cập Đa làm thí dụ, về mặt trang trí có ba loại tạo hình, một loại là liên hoa hoàn bối quang; một loại là dùng trục tuyến biểu thị bối quang, vòng ngoài thêm vào hoa sen hoặc thực vật dạng gợn sóng hình thành nên đường thảo văn; loại thứ ba của bối quang có hình dạng ở trung ương vốn hình tròn, ngoài dùng hoa văn châu ngọc trang trí, vòng ngoài lại dùng Liên đường thảo trang trí thêm. Liên đường thảo do hai loại tạo hình tả thực và đồ án cấu thành. Loại thực vật đường thảo có dạng gợn sóng này, khi dùng để trang trí hào quang đặt sau lưng lại càng làm rõ thêm nét tinh xảo và hoa lệ, hình thành nên đặc sắc trong quá trình phát triển hoa văn trang trí trên hào quang của vương triều Cập Đa.

Mạn thảo văn dạng gợn sóng trên hào quang thời đại vương triều Cập Đa, khác với tác phong trang trí đơn giản chân chất thời kỳ ban đầu, là đặc sắc trang trí hoa văn quan

trọng trên hào quang nghệ thuật tạo tượng thời vương triều Cáp Đa.

Chư Tôn trong Tân Dương động ở Long môn thạch động, tức Thích Ca Mâu Ni Phật, hào quang sau lưng ngài, dùng hình ảnh hoa sen để trang nghiêm bố trí.

Tân Dương động được Bắc Ngụy Tuyên Võ Đế tạo ra để báo đáp ân đức cha mẹ, rộng khoảng 12 mét, sâu khoảng 11 mét. Bản Tôn nơi vách sau là tượng ngồi của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hào quang đặt nơi lưng có hình ngọc khuê, dùng hoa cây kim ngân, hoa sen, thiên nhân và hỏa diệm trang nghiêm bố cục. Tượng Thích Ca Mâu Ni Phật đặt nơi Kim Đường chùa Pháp Long Nhật Bản so với tượng này rất giống nhau, bức trướng rủ trên trần nhà của Kim Đường này, về hình thức cũng mô phỏng theo bảo trướng chung quanh trần nhà của động Long môn.

Vách trong của động Long môn có năm pho tượng ngồi, ba pho tượng đứng tạc đức Thích Ca, trần động trang trí hoa văn



Hào quang hình hoa sen
sau lưng Phật (2)



Hào quang hình hoa sen sau lưng
(tượng Thích Ca Tam Tôn,
chùa Pháp Long, Nhật Bản)

hoa sen, phi thiên thần tượng, trên mặt đất cũng có khắc hoa văn hoa sen.

Trong Kim Đường chùa Pháp Long Nhật Bản, hào quang lớn sau lưng tượng Thích Ca tam Tôn chính là hào quang kiểu hoa văn hoa sen. Văn hóa Lương Nại tài nghiên cứu sở cất giữ nhiều tiêu bản vòng châu hoa sen tám cánh, chính là tác phẩm giữa thế kỷ thứ 7.

HOA VĂN HOA SEN THÁP PHẬT

Tạo hình hoa sen trên tháp Phật

Tạo hình của Phật tháp ở Ấn Độ rất đơn giản ở thời kỳ đầu, bộ phận hình bát úp vốn chưa có trang trí, cho đến thế kỷ thứ 2 công nguyên, tháp A Mã Lạp Ngõa Độ Phật mới có hoa thảo văn trang trí. Đến các thời đại muộn hơn sau này, tháp Phật mới có các loại trang trí, như hai tòa tháp Phật ở Bồ Đề Già Gia và Lộc Dã Uyển, có thể dùng làm đại biểu.

Còn tạo hình hoa văn hoa sen, mang tính đại biểu cho thời kỳ đầu là thạch trụ vua A Dục của vương triều Khổng Tước vào thế kỷ thứ 3 trước công nguyên, đầu trụ có cánh hoa sen rũ xuống bọc lấy đầu trụ Phật tháp sớm nhất là một gò đất đơn giản, không có bất kỳ trang trí nào, sau này mới có trụ đá, cửa tháp, vây thành lan



Lan can hoa văn hoa sen

can hàng rào bốn phía, thêm vào đó những hoa văn đẹp để trang trí trên gò đất. Căn cứ phong tục đương thời, trên Phật tháp nếu không trang trí phong phú để trang nghiêm, là điều đại bất kính.

Dùng tháp Phật dạng nhỏ ở địa khu Kiền Đà La là ví dụ, tạo hình một tòa tịnh xá dạng nhỏ hình bát úp ở Bạch Hà Ngõa, chính diện điêu khắc khảm thờ Phật nhỏ, cung phụng Xá Lợi đức Phật, hai bên khảm thờ Phật có hai vị đệ tử quy y. Bề mặt Phúc bát dùng đường điêu khắc hoa văn hoa sen có cánh kép rủ xuống theo kiểu hai lớp, chi tiết rất tinh xảo.

Tháp Phật ở Xrilanca sau thế kỷ thứ 2, phần nền của đài tháp, đã có thêm điêu khắc vật trang trí, như hoa sen, đầu voi.... Đáng tiếc các tháp Phật cổ thời kỳ đầu đều không hoàn chỉnh, mặc dù có một số di tích được bảo tồn, nhưng vẫn không giữ được hình dáng ban đầu vốn có của nó.

Từ một số tác phẩm điêu khắc được bảo tồn trong các di tích tháp Phật cổ, ta có thể thấy được các tác phẩm điêu khắc này chịu ảnh hưởng sâu sắc của Ấn Độ bản thổ. Tác phẩm điêu khắc thường gặp nhất là phù điêu lan can tháp Phật, chủ đề thông thường phù điêu là hoa sen trên bình hoa, chim công lớn nhỏ, voi, hoa văn hoa cỏ...

Phía trước Phật tháp hoặc thánh điện ở Xrilanca, có bệ đá triều bái, tịnh tâm, được điêu khắc từ đá Bonac của tháp Phật Ấn Độ, hoặc khắc đá hình bán nguyệt, hỏa diệm, động vật, sư tử, ngựa, trâu, voi, dây leo, thiên nga và hoa sen ở giữa. Đề tài thần bí điêu khắc từ đá Bonac này, mỗi nhà có cách kiểu khác nhau, rất rõ ràng chịu sự ảnh hưởng từ Ấn Độ, thậm chí từ phong cách thời đại Kiền Đà La, được Phật giáo đồ của nước này giữ gìn và sử dụng rộng rãi, trong hoa văn trang trí trên trần động của thạch động ở Ấn Độ, thường xuất hiện nhiều.

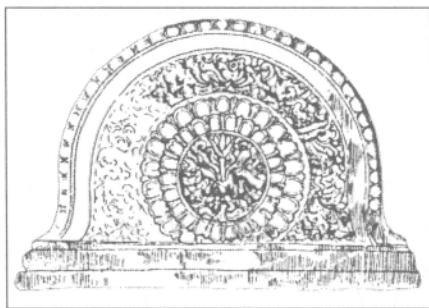
Trang trí hoa sen trên lan can và trụ đá

Trụ lan can là phần ngoài vây quanh tháp Phật, giống như kiến trúc tường thành, có tác dụng bảo vệ tháp Phật, hình thành phân chia bên trong và bên ngoài tháp, người tham quan có thể tiến vào từ cửa tháp, hoặc men theo những bậc thềm của trụ lan can đi vào phía trên tháp Phật lễ bái. Ở di tích tháp Sơn Kỳ, có thể nhận ra chung quanh tháp Phật, ở bốn phía của lan can thường trang trí cửa, cửa tháp mô và lầu bia rất giống nhau.

Trên trụ thẳng hoặc trụ ngang của lan can trụ đá, thường điêu khắc các hoa văn rất đẹp, trục tròn do hoa văn hoa sen phối hợp với các chủ đề trang trí khác nhau, đó gọi là trụ tròn hình hoa sen dạng huân chương (huân chương thức liên hoa viên hình bản), hoặc cũng có trụ tròn với hoa văn hoa sen trùu tượng đơn độc biến hóa, khi tượng điêu khắc các nhân vật bổ sung, ví dụ như tượng cúng dường Dược Xoa nữ. Phật giáo cho phép chịu ảnh hưởng tín ngưỡng địa phương, biến thành đề tài hộ pháp Phật giáo. Thông thường đường thông, cửa chùa thạch động, có chạm các phù điêu loại hình này, với tác dụng bảo vệ pháp và hàng phục ma ám.

Tháp Phật từ một khối đất đơn thuần, đến khi bắt đầu phát triển thành hình thái trang nghiêm, lan can ở chung quanh tháp Phật cũng bắt đầu phát triển ra các trang trí phong phú.

Từ thế kỷ thứ 2 trước công nguyên, đến thế kỷ thứ 5 sau công nguyên, trang trí hoa sen trên trụ lan can của tháp Phật, có thể chia thành mấy kiểu dáng:



Trụ đá hoa văn hoa sen

Hoa văn hoa sen dạng dây.

Hoa văn tròn hoa sen dạng huân chương.

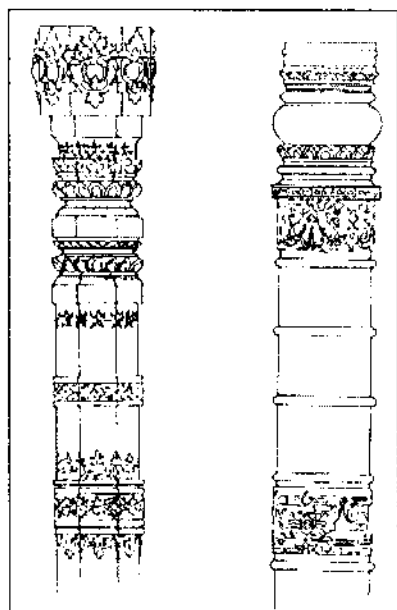
Đường thảo văn dạng hoa sen gọn sóng.

Hoa sen văn mây.

Tạo hình hoa sen biểu hiện trên trụ lan can, chủ yếu dùng họ hoa sen Ấn Độ cùng hoa sen thuộc họ sen nước Ai Cập với hình thức chủ yếu là trừu tượng. Thí dụ trong viện bảo tàng Ca Lạc Mã (Colombo) Xrilanca, cất giữ một phiến đá làm đàn cúng được tìm thấy ở A Nổ Lạp Đạt Phổ Lạp (Anuradhapura), trên phiến đá này có điêu khắc hoa sen thuộc họ sen nước của Ai Cập, phần trên tạo hình nhìn nghiêng hoa sen hệ Ấn Độ.

Hoa văn hoa sen theo phong cách trừu tượng có thể chia thành hoa văn tròn hình nghiêng hoặc hình chính diện.

Bản hình tròn của trang trí hoa văn hoa sen trên số lan can tròn của Ba Nhĩ La Bức càng phong phú đa dạng hơn với họa tiết trong đó trung tâm dùng kết cấu của hoa văn hoa sen dạng tròn, giữa tâm hoa sen phối trí hình ảnh tượng cúng dường, cánh sen tạo thành cánh sen kép hình kiếm, vòng ngoài có hoa văn châu ngọc bao bọc, tâm hoa sen điêu khắc tượng cúng dường hoặc tượng thiên nhân, bên cạnh nhân vật có hoa văn nhụy dục của hoa sen dạng gọn sóng tạo bối cảnh. Ngoài ra, còn có hình vẽ cá Ma Kiệt miêng phun hoa sen.



Hoa văn hoa sen trên trụ đá

Loại bản hình tròn hoa sen khác của nghệ thuật Ba Nhĩ Lô Đức, ở giữa dùng hoa sen làm chủ, vòng ngoài phối thêm hoa văn thực vật hoặc động vật trang trí. Vòng ngoài của hoa sen có hoa văn thực vật và mẫu hoa văn kỷ hà, có khi sử dụng hoa văn hoa sen đường thảo, tức dùng thân cây trang trí vòng theo xung quanh của bản tròn. Có khi từ phía trong chung quanh có hình lá sen hoặc nụ sen vươn ra. Còn một loại tạo hình ở giữa hoa văn đường thảo phối trí lá sen và hoa sen nhìn nghiêng.

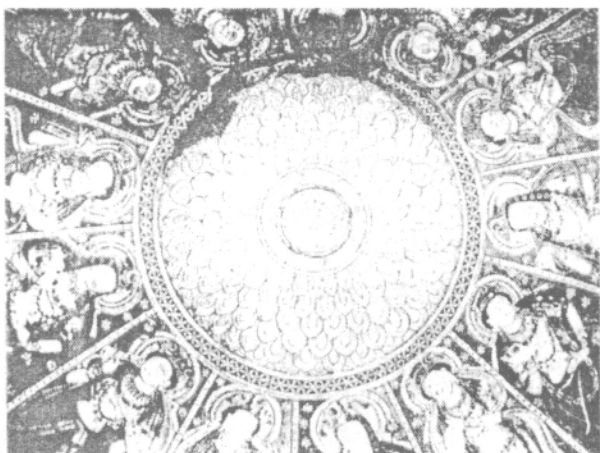
Trong thời kỳ thịnh nhất của vương triều Quý Sương và nghệ thuật khắc đá An Đạt La cùng thời kỳ, có điểm giống nhau về cách trang trí “A Khang Thác Tư diệp hình”, tức mẫu hoa văn được sáng tạo dưới ảnh hưởng của nghệ thuật La Mã.



Hoa sen Mạn Đà La lập thể

Sau khi được nghệ thuật Ấn Độ hấp thu liền sáng tạo tạo hình loại lá the phong cách Ấn Độ. Như liên hoa đường thảo văn thời A Mã Lạt Ngõa Đệ, chính là hoa sen đường thảo văn, hoa sen phối với hình lá A Thác Khang Tư hình gợn sóng nhấp nhô, ở giữa tỏa ra hai bên hình chữ S liên tục, trên có kẹp hoa sen thuộc họ sen nước Ai Cập với rất nhiều loại tư thế như sen nở ra một nửa, sen nhìn từ chính diện, sen nhìn nghiêng v.v...

Từ thế kỷ thứ 2 trước công nguyên đến thế kỷ thứ 3 sau công nguyên, nghệ thuật điêu khắc thời A Mã Lạt Ngõa Đệ cao nguyên Đức Can – Ấn Độ vào thời kỳ của vương quốc An Lạt



Trần nhà hoa sen ở Khố Lạp thổ mộ

Đa, vẫn giữ được phong cách của dân tộc Ấn Độ, kế thừa từ nền tảng nghệ thuật của Ba Nhĩ Lô Đức và Sơn Kỳ Ấn Độ cổ đại, trở thành viên ngọc quý quan trọng của nghệ thuật Ấn Độ thời kỳ trung đại. Trên trụ lan can thời A Mã Lạt Ngõa Đệ, hai loại hoa văn đặc sắc nhất là hoa văn đường thảo của dạng gợn sóng và hoa văn hoa sen trên nhiều tầng.

Trong thạch động tháp A Chiên, thường có trụ đá được trang trí bằng hình ảnh và hoa văn hoa sen. Trong động số 16, đã phát hiện nhiều loại tổ hợp hoa văn hoa sen trên trụ đá với bản hoa sen hình tròn, bên cạnh có các kiểu hoa văn thực vật, hoa văn dạng xoáy, cây cỏ... hình bầu dục tròn, đây là một loại kết cấu thường gặp nhất trong trang trí hoa văn hoa sen trên trụ đá ở tháp A Chiên. Có thể lấy điều khắc thạch trụ trên vách núi động thứ 19 làm ví dụ, ở giữa của bản hoa sen tâm tròn là một đóa sen chính diện, do hai lớp cánh sen kép hợp thành. còn trong các hình bầu dục tròn xung quanh được trang trí bằng nửa đóa hoa sen nở từ chính diện,



Trần nhà hoa sen (động đá tháp A Chiên, Ấn Độ)

điểm khác nhau ở tổ hợp trên là hoa sen nửa hình tròn, cái còn lại là hoa sen bản hình tròn, làm tăng thêm hình xoáy trang trí, đó cũng là một nội dung đặc sắc của trang trí thời kỳ sau. Kiểu của tổ hợp hoa sen như vậy tới sau này càng diễn biến thêm hoa lệ, đem nửa bầu dục tròn và hai nửa đóa hoa sen nở đối xứng nhau hợp lại, càng mở rộng kéo dài thêm trang trí trên thạch trụ, hình thành một loại tạo hình hoa sen đặc sắc khác.

Thời kỳ Nam Bắc triều ở Trung Quốc, lưu hành đá kê chân trụ hình hoa sen, như ở Vân Cương thạch quật có đá kê cột trụ dạng hoa sen ngửa lên, cánh sen hơi cao và gầy, hình tượng tương đối đơn giản. Ở trên trụ dùng bó sen làm trang trí, thủ pháp này rất được lưu hành vào thời kỳ Nam Bắc triều. Ở động thứ 9 hình hoa sen úp và cánh sen úp làm đá

kê cột trụ, trên đầu trụ cũng có hình cánh sen trang trí. Lại có trụ khám thờ dùng hình bó sen để trang trí. Tới thời đại Bắc Tề, ở thạch quật Hưởng Đường sơn, ngoài việc dùng ngưỡng liên (hoa sen ngửa) hoặc phúc liên (hoa sen úp) làm đá kê trụ của trụ khám thờ, trụ hiên đa giác có trang trí hoa lệ, đá kê trụ là sự kết hợp hình sư tử và hoa sen, dưới chân sư tử cũng có khắc hoa sen, ngoài ra trên thạch trụ lại có vẽ các bó hoa sen buột lại nơi lưng với cánh sen ngửa úp một lớp hoặc nhiều lớp.

HOA VẼN HOA SEN TRONG KIẾN TRÚC PHẬT GIÁO

Trần nhà

Bích họa trên trần các thạch động Phật giáo, cũng thường thấy mẫu hoa văn trang trí dùng sen làm chủ thể.

Như bích họa hoa sen hình tròn trên trần Phật động thứ 2 ở A Chiên tháp thạch động, chính giữa trần động hình tròn là một đóa hoa sen đồ lớn nở rộ, một vòng tròn có mẫu hoa văn trang trí khác bao bọc bên ngoài, bốn góc trần động hình tròn trang trí hình Dạ Xoa và hoa sen, chung quanh bên cạnh do tranh khắc chìm tổ hợp thành.



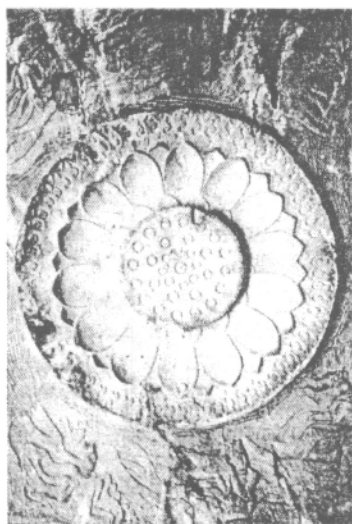
Trần nhà hoa văn hoa sen
ở động đá tháp A Chiên

Về tạo hình, hoa sen là kết cấu kiểu cụm hoa do các đóa hoa sen xếp lại với nhau, ở giữa có đóa sen nở rộ, bên cạnh hai đóa hoa sen ngậm nụ nằm đối xứng, giữa và bên cạnh nụ hoa lại có kèm theo nụ hoa nhỏ, ba đóa sen này hợp thành chủ đề, lại có những đóa sen nhỏ giống dạng râu lúa, cánh sen dài nhọn, xếp theo hình quạt hướng lên trên nằm ở giữa khoảng trên, dưới ba đóa sen kẹp nhau.

Trong di tích tháp Phật Sơn Kỳ, phía tây tháp số một có hai tòa vật kiến trúc được xây trên chân tháp, một tòa là cột trụ tương đối nhỏ điêu khắc rất tinh xảo, trên nền cột hình vuông có thân cột hình bát giác, trên đầu trụ tròn khắc hoa sen dạng úp, là tác phẩm cực đẹp điển hình, đại biểu cho nền nghệ thuật Phật giáo thời hưng thịnh của vương triều Cáp Đa; còn lại là một tòa tự viện có thân trụ chỉ cao vài trượng, với thạch trụ điêu khắc trên cả khối, vẻ đẹp có thể so với trụ đá đền thần La Mã.

Trong nghệ thuật kiến trúc Xrilanca, một hạng mục rất quan trọng là đền xây bằng ngói không có cột trụ, trên các đường mực nước song song của phần nền, xây các nhà nhỏ phồng theo hình thức chính diện, trụ lộ ra một nửa và rất nhiều tượng thiên thần, về cơ bản chịu sự ảnh hưởng của các tòa thần miếu Ấn Độ, tạo hình hùng tráng hoa lệ.

Có di tích tòa đình của các vương triều Ni Tán Già Ma La, mỗi trụ đá cao trên 8 thước, có hình dạng uốn cong như thân hoa sen, hai bên thân điêu khắc hoa văn trang trí hình lá cuộn,



Trần nhà trang trí hoa sen
ở động đá Long Môn

đỉnh trụ đá hình bát giác, đỡ lấy một đóa hoa sen nở xòe ra, kết cấu giá cổ ở trên trụ đá đã mục nát sụp đổ. Trong hoa văn trang trí trên trụ đá của kiến trúc phong phú ở Lan Ca tự viện, tinh xảo nhất là trụ trang trí hoa sen.

Động Phật thời kỳ đầu Trung Quốc chịu ảnh hưởng rất sâu từ Ấn Độ, nên cũng thường có các bức họa hoa sen màu hoặc điêu khắc hoa sen, như động Liên hoa ở thạch động Tân Cương hay Long Môn thạch động...

Bài phú “Lỗ Linh Quang điện” đời Hán viết: “Viên uyên phương tỉnh, phản thực hà cừ, phát tú thổ vinh, Hàm Đan phi phú, lục phòng tử đích, quật trá thù châu” (Trên trần vuông vẽ ao tròn, trong ao có hoa sen, đẹp dễ rực rỡ, hoa sen nở rộ, dài xanh hạt tím, như hạt châu rủ). Từ bài phú này có thể suy đoán, đời Hán đã biết dùng hoa sen vẽ trang trí trần nhà rồi, thế nên hoa tượng thạch mộ đá thời Hậu Hán ở Nghi Nam, trên trần cũng có điêu khắc hoa sen tám cánh một cách đơn giản chất phác.

Trong thạch động thời Nam Bắc triều lại càng có nhiều ví dụ hơn, như ở giữa các trần động Đôn Hoàng đa số đều vẽ những đóa sen rất to, đời Tùy Đường cũng tiếp tục theo phong cách ấy. Động Liên hoa nổi tiếng ở Long Môn thạch động, vốn có tên Y Khuyết động, nhưng vì ở trung tâm của trần động vẽ bức họa một đóa sen lớn có 6 thiên thần bay quanh, thủ pháp rất tinh xảo, là một kiệt tác khó có trong bích họa thạch động, nên được gọi là Liên hoa động. Bức họa đó trung tâm khắc hình hoa sen lớn, đài sen đầy đặn, cánh sen dày xếp chồng lên nhau, trang nghiêm dày dặn; các phi thiên ở chung quanh sinh động linh hoạt, cùng với hoa sen lớn ở giữa làm nổi bật cho nhau, nhìn rất thú vị.

Tác phẩm bích họa trong thạch động Lạp Thạch Qui Tư, có giá trị nghệ thuật rất cao, là chứng cứ bổ sung rất quan trọng cho việc nghiên cứu Phật giáo vào Trung nguyên.

Trong động Lạp thạch, nổi tiếng nhất là bích họa trang trí trên trần động số 20, với hoa sen hình tròn dạng như muôn vạn ống pháo hoa bắn ra bên ngoài, với 5, 6 lớp cánh nhỏ trùng trùng điệp điệp, là hoa sen theo phong cách vẽ tả ý. Dùng hình hoa sen để trang trí trần nhà. Trong các thạch động Ấn Độ từ rất sớm đã được sử dụng rộng rãi.

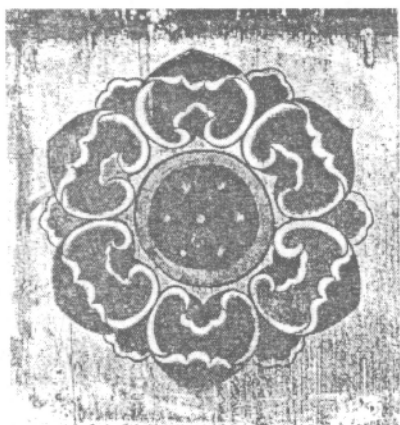
Pháp Hoa đường ở chùa Đông Đại Nhật Bản, có thờ bản tôn Bất Không Quyển Sách Quan Âm, được đức Phạm Thiên hộ vệ hai bên, trên trần cũng tạo hình hoa sen.

Ngói lợp nhà

Sáng kiến hoa văn hoa sen xuất hiện trên ngói, thực sự bắt đầu từ Trung Quốc, ở Đại Đồng Sơn Tây từng đào được ngói hoa sen có hình thức cánh kép của thời đại Bắc Ngụy, còn ở Nam Kinh lại tìm thấy ngói hoa sen có hình thức cánh đơn của thời đại Nam Lương, những vật này đều liên quan đến sự truyền bá Phật giáo.

Việc sử dụng ngói trong kiến trúc ở Trung Quốc, bắt đầu vào khoảng giai đoạn cuối thời Đông Chu, nổi tiếng nhất là ngói nửa hình tròn khai quật được ở di chỉ Yên Hạ Độ Dịch huyện – Hà Bắc và di chỉ kinh đô nhà Tề ở Lâm Truy – Sơn Đông.

Sau triều nhà Tần, ngói hình tròn mới được phổ biến hóa, trên ngói có nhiều loại mẫu hoa văn, nổi tiếng có hoa văn thao thiết, hoa văn hai con thú, hoa văn chữ viết, hoa văn quyết



Hoa văn hoa sen (Thiên tỉnh tháp Ngũ trùng, Nhật Bản)

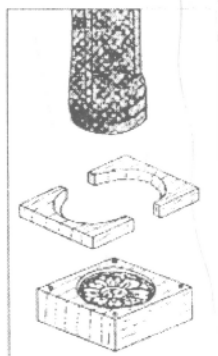
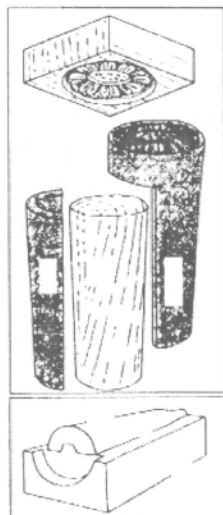
thủ, hoa văn tứ thần... rieenghova hoa sen tới thời kỳ nam bắc ri đã rằng thịnh hành, về hình dáng chế tạo phần lớn bắt chước đời Hán đúc nút tròn nhô lên ở chính giữa làm thành đài sen, xung quanh thiết kế nhiều cánh sen.

Thời đại Tùy Đường, bất luận cung điện, chùa đền, thẳng hoặc có xuất hiện ngói trang trí hoa văn mặt thú hoặc

hoa văn chữ “Tiên”, còn trần như đều dùng hoa sen làm mẫu, về đại thể có hình thức cánh sen kép, ở giữa đài sen có rất nhiều hạt sen, bên ngoài cánh sen dùng hoa văn hạt châu tròn trang trí. Từ thời Đường trở về sau, mặc dù vẫn dùng ngói hoa sen, nhưng không còn thịnh hành như thời Đường, đời nhà Minh có ngói men xanh xem như hoa văn Liên chi (cánh sen).

Ngói có mẫu hoa văn hoa sen, không chỉ thịnh hành ở Trung Quốc mà còn truyền về phía đông tới Hàn Quốc, Nhật Bản, hiện nay rất được giới học thuật coi trọng ở hai nước Hàn, Nhật. Trong các di tích kiến trúc cổ đại, thường vẫn có thể tìm thấy các mảnh ngói và trở thành căn cứ quan trọng khảo cổ học, sử học, kiến trúc và sử học mỹ thuật.

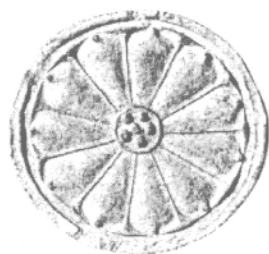
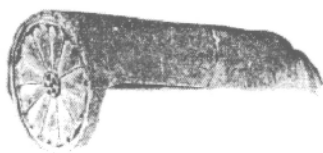
Ngói tròn của Bách Tế (tên cổ nước Triều Tiên), về đại thể đường viền xung quanh hơi cao và rộng, bề mặt ngói, ở giữa vòng tròn là đài sen có từ 5 – 6 điểm hạt châu, xung quanh trang trí hoa văn 8 cánh sen đơn, giống như bản rập ngói hoa sen ở thời đại Phi Đế của Nhật Bản.



Phương pháp
chế tác ngói
hoa văn hoa sen

Bất luận ngôi thời đại Bách Tế Triều Tiên, hay Phi Điểu của Nhật Bản, tất cả đều giống ngôi hoa sen thời Nam Lương đã được phát hiện ở Nam Kinh, cũng thuộc hệ thống về mặt hình thức mỹ thuật. Vào thời đại Bách Tế, nhiều lần sai sứ giả đến Nam Lương, học được nhiều kỹ thuật kiến trúc tạo ảnh hưởng sâu sắc đến phong cách xây dựng chùa Phật của Bách Tế Triều Tiên; nên văn hóa Phi Điểu lại có mối quan hệ mật thiết không thể tách rời với triều đại Bách Tế, ví dụ trong lịch sử ghi, vào năm 588 công nguyên khi xây dựng Đại Hòa Phi Điểu tự, đã có 4 kỹ thuật sư tạo ngôi Bách Tế đến giúp đỡ.

Ngôi hoa sen của Nam Lương - Trung Quốc trở thành nguồn gốc phát triển của ngôi Bách Tế, Phi Điểu, từ đó có thể biết vào lúc đó, việc giao lưu văn hóa giữa Trung, Nhật, Hàn có mối quan hệ mật thiết. Ngôi hoa văn hoa sen cánh kép, từng truyền vào Cao Câu Ly, sau này trở thành một trong những dạng thức hoa sen hoa văn đồng thời lưu hành ở triều Đường, các nước Tân La và Nhật Bản.



Ngôi hoa văn hoa sen (1)



Ngôi hoa văn hoa sen (2)

Chương VI

Tích xưa về hoa sen trong Phật giáo

TRUYỆN VỀ NHỮNG TÊN NHÂN VẬT BẰNG HOA SEN

Liên hoa vương

Quyển thứ nhất bộ “Di Lạc Bồ Tát Sơ Ván Bản Nguyên kinh” ghi chép câu chuyện về Liên hoa vương Thái tử, kiếp trước của Thế Tôn.

Một hôm, Thái tử ngự uyển hoàng cung xuất du, trên đường gặp một người bị bệnh, thân mọc đầy ghẻ lở, Thái tử nhìn thấy liền sinh lòng thương xót, hỏi bệnh nhân: “Phải dùng loại thuốc nào mới có thể chữa cho người khỏi bệnh?”.

Người bệnh đáp: “Nếu như có được tủy xương của đại vương thoa lên người tôi, bệnh của tôi sẽ khỏi”. Thái tử nghe xong, lập tức đập gãy xương của mình, lấy tủy xương, đích thân đưa cho người bệnh, mặc dù rất đau đớn, nhưng trong lòng Thái tử lại tràn ngập hoan hỷ bố thí, không một chút



hối hận. Liên hoa vương Thái tử lúc bấy giờ chính là tiền thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, từ vô số kiếp đến nay, ngài đã dùng tủy xương của mình bố thí cho chúng sinh, nhiều không đếm xuể.

Ngoài ra, một tiền thân khác của đức Phật cũng từng là Quốc vương, cũng trùng tên là Liên hoa vương, đầu thai làm Xích ngư (cá đỏ) hóa độ chúng sinh.

Khi đức Phật còn tại thế, một lần du hóa tới vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ, vào lúc đang là mùa thu, mùa chín tới của các loại cây trái, đức Phật cùng chúng tỳ kheo, du hành tụ lạc, cùng ăn quả nấm, chúng tỳ kheo đều xuất hiện hiện tượng tiêu hóa không tốt, và sinh ra các loại bệnh như sốt rét... vội ngồi tọa thiền, đọc tụng, hành đạo.

Lúc bấy giờ, ngài A Nan nhìn thấy đức Phật vẫn an nhiên vô sự, liền tiến lên bạch với Phật: “Thế Tôn! Ngài kiếp trước tạo phúc nghiệp gì? Vì sao ăn mọi loại thức ăn đều có thể tiêu hóa, không phải chịu đau khổ khi có thể bị bệnh? Dung nhan của ngài còn có vẻ tươi tắn nhuận sắc hơn?”

Đức Phật đáp: “Ta nhớ vào thời quá khứ, nhờ duyên tu hạnh Từ Bi, hòa hợp các loại thang dược, dùng bố thí cho chúng sinh, vì nhân duyên này, được quả báo không bị bệnh, phạm tất cả các vật ta ăn đều tiêu hóa hết, không chịu nỗi khổ của bệnh hoạn”.

Lúc bấy giờ, ngài A Nan lại hỏi Phật Đà: “Thế Tôn, nhân duyên quá khứ của ngài như thế nào?”

Đức Phật liền vì A Nan giảng thuyết nhân duyên đời quá khứ.

Vào thời quá khứ xa xưa, nước Ba La Nại có vị Liên hoa vương trị vì thiên hạ, nhân dân hưng thịnh, đời sống giàu có an lạc, không có chiến tranh, hết thầy voi, ngựa, trâu, dê gia súc nhiều vô số; mía, nho và hết thầy dưa, quả đều ngon ngọt.

Lúc ấy nhân dân trong nước, vì duyên cớ ăn quá nhiều, không tiêu hóa được, sinh ra các loại bệnh, họ điu dắt nhau tìm đến hoàng cung, cầu xin thuốc chữa.

Liên hoa vương thấy những người bệnh, liền sinh khởi lòng Đại Bi, triệu tập các thầy thuốc, sắc lệnh điều chế các loại thuốc ban cấp cho dân chúng. Bệnh nhân tìm đến xin thuốc ngày càng đông, đến nỗi không kịp cứu trị.

Vì đó, Liên hoa vương trách mắng các thầy thuốc: “Vì sao có bệnh nhân không được chữa trị?”

Các thầy thuốc tâu với vua: “Do thuốc men không đầy đủ, nên không cách nào chữa trị, ngay cả chúng thần đều mang bệnh còn không thể tự chữa, huống hồ là các bệnh nhân khác”.

Liên hoa vương nghe tâu, lòng bứt rứt khó chịu, hỏi lại thầy thuốc: “Còn thiếu loại thuốc gì vậy?”

Thầy thuốc đáp: “Cần uống máu thịt cá đồ sống, tật bệnh của những người này mới có thể thuyên giảm, nhưng bọn thần không thể tìm được thịt cá đồ, nên người bệnh ngày càng đông, số người chết ngày càng nhiều”.

Liên hoa vương nghĩ thầm: “Hiện nay không thể tìm được thịt cá đồ, ta nên phát nguyện, đầu thai làm cá đồ mong chữa trị các loại bệnh trong thân của chúng sinh”.

Sau khi thầm quyết định, Liên hoa vương lập tức cho triệu Thái tử và các vị đại thần đến, nói với họ: “Ta trao ấn nước cho các vị, mọi người hãy cùng nhau giáo hóa trị vì, không nên để nhân dân đau khổ”.

Hoàng thái tử và chư đại thần, nghe lời vua đau buồn nghẹn ngào, lệ tuôn lã chã, bi thương không nói nên lời, bầm bạch: “Bọn chúng thần, và Thái tử, có gì sai phạm, khiến đại vương muốn bỏ rơi bọn thần?”

Liên hoa vương trả lời: “Vốn ta không nhìn thấy sai sót nào của các ngươi, mà vì hết thấy dân chúng trong nước quá nhiều

bệnh khổ, người bị tử vong ngày càng nhiều, cần phải ăn thịt cá đở, mới mong hết bệnh tật, nên nay ta muốn xả bỏ thân này đầu thai làm cá đở mong chữa trị bệnh cho dân chúng nên gọi các khanh đến giao phó đất nước cho các khanh”.

Thái tử và các đại thần nghe xong, than trời trách đất, đau đớn nghẹn ngào, nhào lên ôm lấy chân vua, cầu khẩn: “Bọn thần ngày nay, đều nhờ sự từ bi của đại vương che chở, mà đất nước giàu có an lạc, nhân dân hưng thịnh, được nhờ ơn ngài mà tồn tại, vì sao nay đại vương lại muốn rời bỏ chúng thần mà ra đi một mình?”

Liên hoa vương nói với Thái tử: “Việc hôm nay ta làm, toàn vì dân chúng, sao các ngươi lại ngăn trở ta?”

Thái tử cùng hết thấy đại thần dùng mọi cách can ngăn, khiến Liên hoa vương không thể rời khỏi hoàng cung.

Liên hoa vương cũng không nói gì. Một ngày, ông cầm hương hoa leo trong tay, leo lên trên lầu cao, làm lễ tứ phương, phát đại thệ nguyện: “Tôi xả bỏ thân này, nguyện cho tôi được sinh vào sông lớn của nước Ba La Nại, hóa làm cá đở, người nào ăn được thịt của tôi, các bệnh đều khỏi!” Vua lập xong thệ nguyện, liền từ lầu cao gieo mình xuống đất, sau khi mệnh chung, nhờ nhân duyên nguyện lực, liền sinh vào sông lớn, làm loại cá đở.

Lúc ấy, dân chúng trong nước nghe tin dưới sông mình có cá đở, liền đổ xô đến vây bắt lấy uống máu ăn thịt, mọi thứ bệnh chấm dứt. Hóa thân cá đở (Xích ngư) đó của Liên hoa vương sau này được vãng sinh lên cõi trời Đạo Lợi.

Đức Phật nói với A Nan: “Liên hoa vương lúc xưa chính là ta, do lúc ấy ta xả thân cứu sống chúng sinh, nhờ nhân duyên đó trong vô lượng kiếp, ta chưa từng bị bệnh khổ, cho đến ngày hôm nay, đắc đạo thành Phật, độ thoát hết thấy chúng sinh”.

Liên hoa phu nhân

Đời quá khứ cách đây vô lượng kiếp, dưới Tuyết Sơn có một vị tiên, tên gọi Đê Bà Diên. Ông thường xuyên đi tiểu lên trên đá, trên một tảng có tinh khí, chảy xuống dưới chân tảng đá. Có con hươu cái đến liếm ngay tảng đá mà vị tiên tiểu tiện, lập tức thụ thai. Khi hươu cái sắp sinh, nó tìm đến động của vị tiên, sinh ra một bé gái, mặt mũi đoan trang đẹp dễ.

Vị tiên biết là máu thịt của mình, liền thu dưỡng đứa bé, sau đó đứa bé gái dần dần trưởng thành, bắt đầu tập đi, vô cùng kỳ diệu, chân nàng bước đến đâu, đều mọc lên hoa sen, do nàng là hươu cái sinh ra, nên được gọi là Lộc nữ (con gái loài hươu).

Vào buổi tối, nhà cửa Bà La Môn đều phải thắp lửa, một hôm vừa lúc lửa bị tắt, Lộc nữ tới nhà khác xin lửa, người này nhìn thấy vết chân Lộc nữ bước qua đều mọc hoa sen, liền nói với nàng: “Nếu cô đi quanh nhà ta bảy vòng, ta sẽ cho cô lửa”.

Liên hoa nữ đi quanh bảy vòng, rồi lấy lửa mang về.

Bấy giờ vừa gặp lúc Ô Đê Diên vương lên núi săn bắn, nhìn thấy căn nhà trước cửa có bảy lớp hoa sen, lấy làm lạ bèn hỏi: “Nhà của người vì sao có hoa sen nhiều như vậy?”

Người kia đáp: “Trong núi có con gái của vị Phạm Chí tới xin lửa, dưới chân cô ta thường nảy ra hoa sen”.

Nhà vua bèn đi theo vết chân tìm đến nơi vị tiên, thấy Lộc nữ có diện mạo đoan trang đẹp dễ, liền yêu cầu vị tiên gả con gái cho ông. Vị tiên đồng ý, nói với nhà vua: “Trong tương lai, nó sẽ sinh cho ông 500 hoàng tử”. Trở về cung, nhà vua cho lập nàng làm phu nhân, tôn hiệu Liên hoa phu nhân, trong 500 mỹ nhân, nàng đứng đầu.

Phu nhân lớn của quốc vương, vô cùng ghen ghét Liên hoa phu nhân. Bà ta nghĩ thầm: “Nay đại vương yêu chiều cô gái này, nếu như cô ta lại sinh ra 500 vương tử, nhất định càng

đắc sủng!” Không lâu, Liên hoa phu nhân quả nhiên sinh ra 500 cái trứng, được cất trong rương, lúc bấy giờ Đại phu nhân liền lên lấy 500 củ mì, bỏ vào rương, rồi đem 500 trứng đó Liên hoa phu nhân sinh ra, quăng xuống sông Hằng.

Đại vương hỏi phu nhân: “Liên hoa phu nhân sinh ra cái gì vậy?”

Phu nhân đáp: “Sinh ra củ mì”.

Vua rất giận quát: “Vị tiên nọ gạt ta!” Lập tức tước bỏ phong hiệu của Liên hoa phu nhân, thậm chí không tiếp kiến nàng nữa.

Bấy giờ, gần đó đúng lúc vua Tát Đàm Bồ đang ở hạ lưu sông Hằng cùng với các mỹ nữ nô đùa ven sông, chợt thấy thượng lưu trôi xuống một chiếc rương đẹp đẽ. Vua bèn vớt chiếc rương, 500 mỹ nữ đi theo mỗi người cũng lấy một quả trứng trong rương, đem về. Không lâu sau, 500 trứng đều nở ra, mỗi quả trứng là một đồng tử, diện mạo đoan chính, được các phu nhân nuôi dạy khôn lớn, đều có sức mạnh đại lực sĩ.

Do vì Ô Đề Diên vương vẫn thường xuyên đòi vua Tát Đàm Bồ cống nạp, Tát Đàm Bồ vương từ lâu buồn bã không vui.

Năm trăm vương tử của ông thắc mắc hỏi vua cha: “Vì sao phụ vương quá phiền não?”

Nhà vua đáp: “Ô Đề Diên vương thường đòi ta phải cống nạp”.

500 vương tử đồng thanh: “Hết thấy các vị vua của cõi Diêm Phù Đề, nếu muốn họ cống nạp, chúng con đều có thể bắt họ tiến cống cho cha, vì sao cha lại phải cống nạp cho y?”.

500 vương tử thống lĩnh quân đội chuẩn bị tiến đánh Ô Đề Diên vương.

Nghe tin, Ô Đề Diên vương hoảng sợ than: “Chỉ một lực sĩ, khó chống đỡ, huống hồ 500 lực sĩ!”.

Vương liền cho chiêu mộ ai trong nước có sức phá địch, nhưng sau vua lại nghĩ bụng: “Khi xưa vị tiên cha Lộc nữ, chắc có cách giúp ta” Rồi liền thân đi tìm vị tiên mong tìm ra đối sách.

Vị tiên dặn ông: “Người hãy về cầu Liên hoa phu nhân, nàng có thể lui địch đấy!”

Vua kinh ngạc: “Liên hoa phu nhân là một cô gái yếu ớt, làm sao lui được 500 lực sĩ?”

“Đại vương! 500 lực sĩ đó đều là con trai của ngài! Do Liên hoa phu nhân sinh ra, nhưng vị Đại phu nhân của ngài, ganh ghét, đem các con của ngài và Liên hoa phu nhân, quăng xuống sông, Tát Đàm Bồ vương nhặt được ở hạ lưu, đem về nuôi nấng lớn khôn. Nếu đại vương cho Liên hoa phu nhân ngồi trên voi lớn, ra trước trận địa, 500 lực sĩ tự nhiên hàng phục”. Tiên nhân khuyên nhà vua như thế.

Vua trở về cung, làm lễ tạ tội sám hối trước mặt Liên hoa phu nhân rồi cho phu nhân trang điểm đẹp đẽ, cưỡi trên voi trắng lớn ra trước trận. Khi 500 lực sĩ giương cung muốn bắn phu nhân, tay chân tự nhiên đơ cứng, không thể co duỗi, trong lòng thấm kinh sợ, vị tiên bay trên cao nói lớn: “Hỡi các lực sĩ, cẩn thận đừng sinh khởi ác tâm, nếu không sẽ phải dọa địa ngục. Ô Đề vương và phu nhân là cha mẹ các người đó”.

Liên hoa phu nhân lập tức đề lên hai ngực, từ mỗi bên ngực tự nhiên hóa thành 250 dòng sữa, chảy vọt vào miệng các con, 500 vương tử quỳ xuống sám hối với cha mẹ, tự nhiên sinh tâm hổ thẹn, chứng liền đặc quả vị Bích Chi Phật, hai vị đại vương hoát nhiên khai ngộ, cũng đắc quả Bích Chi Phật.

Vị tiên nọ chính là tiền thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Liên hoa sắc tỳ kheo ni

Khi đức Phật hành hóa trong thành Xá Vệ, ở ấp Ưu Thiện Na, có một thiếu niên cư sĩ, ra ngoài du ngoạn, gặp một cô gái,

mặt như mặt trăng, tướng nữ đầy đủ. Do sắc đẹp cô ta, nên cha mẹ gọi đặt tên nàng là Liên hoa sắc, ý là có khuôn mặt đẹp dễ như hoa sen.

Thiếu niên này vừa gặp liền đem lòng thương yêu, đồng thời sinh khởi tâm kính trọng xin được cưới nàng làm vợ.

Không lâu sau, nàng Liên hoa sắc thụ thai. Do Ấn Độ có tập tục phải về nhà mẹ ruột sinh con, chồng của Liên hoa sắc liền đưa nàng về nhà mẹ ruột chờ sinh. Trong thời gian nàng sinh, người chồng khó tránh khỏi trống vắng, liền tư thông với mẹ của nàng. Liên hoa sắc phát hiện, đau đớn vô cùng, nhưng vì đứa con, nên đành nhẫn nhục sống qua ngày, đến khi đứa con được 8 tuổi, mới lặn lội bỏ đi.

Liên hoa sắc ra đi với trái tim tan nát, lặn lội đường xa, đến thành Ba La Nại, vừa đói vừa khát, cực nhọc trăm bề, mệt mỏi nghỉ ngơi ở ven sông. Vừa lúc có một vị trưởng giả, xuất hành du ngoạn, thấy nàng Liên hoa sắc xinh đẹp, liền đem nàng về lập làm chính thất, vợ chồng rất kính trọng nhau, trải qua 8 năm.

Bấy giờ, vị trưởng giả có nhiều lợi tức ở Ưu Thiện Na ấp, thường cần phải đi thu tiền về. Liên hoa sắc biết các cô gái ấp Ưu Thiện Na sống tương đối phóng túng, lòng lo lắng khi chồng phải đi tới đó, nhưng vị trưởng giả thề thốt luôn miệng, nàng Liên hoa sắc đành để chồng đi.

Do nơi phải thu lợi tức nhiều, vị trưởng giả ở ấp Ưu Thiện Na gần cả năm, không nhận được nổi trống vắng, lén lút cưới một cô vợ nhỏ, sắp xếp giấu một nơi khác.

Khi trở về nhà, Liên hoa sắc phát hiện hành tung của ông chồng bỗng trở nên cổ quái, sáng sớm vội ra khỏi nhà, thật khuya mới về, nàng bí mật dò hỏi tên tùy tùng, mới biết vị trưởng giả có vợ nhỏ ở ngoài, nàng Liên hoa sắc không thể biết sao hơn, đành bảo vị trưởng giả đem vợ nhỏ về trong nhà chung sống.

Một lần, đang gội đầu, Liên hoa sắc quan sát dáng mạo của vị tiểu phu nhân, phát hiện cô ta rất giống với con gái mình, bèn căn kẽ hỏi gia thế cô ta, mới hay cô ta đúng là con gái cũ của mình.

Phát hiện này như sét đánh ngang tai, Liên hoa sắc đau đớn than rằng: “Ngày trước có chồng chung với mẹ ruột, nay lại cùng con ruột hầu hạ một chồng!”.

Nàng Liên hoa sắc trong cơn tuyệt vọng, rời bỏ vị trưởng giả bắt đầu sống cuộc sống phóng túng, buông thả, chỉ cần chàng trai nào bỏ ra 500 đồng vàng, đều có thể qua đêm với cô ta.

Không lâu sau, nàng Liên hoa sắc được ngài Mục Kiền Liên hóa độ, hốt nhiên tỉnh ngộ. Lúc ấy, nàng nghe nói đức Phật đang tuyên thuyết pháp giải thoát trên núi Linh Thứu, tâm khởi lên lòng cầu pháp. Liền tới núi Linh Thứu tìm Phật.

Đi đến giữa đường, cảm thấy khát nước, nàng xuống một con suối, uống nước rửa tay. Bấy giờ, nàng soi thấy hình bóng diễm lệ của mình trong nước, liền sinh khởi tâm ái niệm: “Ta vì sao lại phải xả bỏ khuôn mặt đẹp đẽ này mà xuất gia làm Sa môn?” Nàng do dự muốn quay về.

Phật dùng thiên nhân quán biết Liên hoa sắc cần phải được hóa độ, bèn hóa thành một vị phu nhân đẹp tuyệt trần, đẹp hơn cả Liên hoa sắc, bước đến bên cạnh nàng.

Liên hoa sắc chợt thấy người phụ nữ đó, tưởng là người trời, hai người làm bạn chuyện trò vui vẻ. Đi một đoạn đường, cả hai đều hơi mệt, bèn ngồi nghỉ ngơi bên suối, người phụ nữ ngủ thiếp lên đùi của Liên hoa sắc. Bỗng nhiên, người phụ nữ dường như đứt thở, trong chớp mắt thi thể sinh lên hôi thối, giòi bọ bò lổm ngổm, răng rời ra từng cái, tóc rơi tả tơi bay rụng, da thịt trên thân thể tan rã, hình dạng hết sức ghê tởm đáng sợ.

Khi Liên hoa sắc vô cùng kinh ngạc, nghĩ thầm: “Làm sao một người đang khỏe mạnh, bỗng nhiên lại lăn ra chết vậy?

Mà sao một người đẹp tuyệt trần, sau khi chết đều lại ghê tởm đến vậy, huống chi là mình?”

Dứt niệm, nàng vội vã quay lại hướng lên núi Linh Thứu, quyết ý cầu pháp với đức Phật.

Liên hoa sắc tới tịnh xá của Phật, do đường dài lặn lội nên người vừa đói vừa khát, nhưng ở nơi đất khách quê người, đường sá mù mịt, nàng không rõ đây chính là nơi đức Phật thuyết pháp, chỉ nhìn thấy có rất nhiều người, nàng ngỡ rằng có hội hè tụ tập, nhất định sẽ có thức ăn, nàng vội đi thẳng vào tịnh xá. Vừa gặp lúc đức Phật thuyết pháp khai thị, Liên hoa sắc nghe đức Phật tuyên thuyết về Khổ, Tập, Diệt, Đạo trong tứ Thánh đế, lập tức chứng Pháp nhãn thanh tịnh, chứng nhập hàng bậc Thánh, bèn xin đức Phật cho nàng xuất gia. Đức Phật giao nàng cho Đại Ái Tỳ Kheo Ni, giúp nàng tỉnh cần tu đạo.

Lúc bấy giờ, Liên hoa sắc ni còn chưa xuất gia, do dung mạo đoan chính, nghi mạo siêu tuyệt, được mọi người yêu mến. Một người con trai của vị Bà La Môn yêu thích Liên hoa sắc muốn cùng nàng giao hoan. Liên hoa sắc yêu cầu anh ta đưa 500 đồng tiền vàng. Anh chàng nọ bảo: “Trên người tôi không có nhiều tiền như vậy”. Liên hoa sắc yêu cầu anh ta quay về lấy đủ tiền hãy quay lại.

Không lâu, Liên hoa sắc được ngài Mục Kiền Liên hóa độ, thoát khỏi hết ái dục, chứng quả giải thoát A La Hán, thường xuyên đến trong rừng vắng để trú trong thiền định lặng lẽ, hưởng sự an lạc của giải thoát.

Còn người con trai của Bà La Môn, khi gom đủ 500 đồng tiền vàng, quay lại tìm Liên hoa sắc tỳ kheo ni, nghe tin nàng đã xuất gia, vẫn không chịu dứt khoát, cầm 500 đồng tiền vàng tới nơi rừng cây nàng nay là tỳ kheo ni tu hành, thấy Liên hoa sắc đang ngồi lặng lẽ dưới gốc cây, bèn đến nói rõ ý muốn. Liên hoa sắc nói: “Con trai Bà La Môn, loại ác pháp ấy

ta đã xả bỏ, đối với sắc thân ta có vui vẻ gì mà ông sinh khởi dục nhiễm vậy?”.

Con trai Bà La Môn đáp: “Tôi yêu nhất đôi mắt xinh đẹp của nàng”.

Liên hoa sắc tỳ kheo ni vận dụng sức thần thông, móc cặp mắt của mình ra, máu chảy đầm đề, đặt trên bàn tay, nói với chàng ta: “Giờ đây đối với đồng thịt này ông còn yêu thích không?”

Vị Bà La Môn nhìn thấy, giận dữ mắng chửi: “Tên Sa môn nữ trọc đầu kia, sao lại hóa huyền thuật như vậy để lừa ta!”. Y dùng sức đánh vào đầu nàng một chập, rồi giận dữ mà đi.

Liên hoa sắc ni đem chuyện này bẩm cáo ni sư, ni sư lại bẩm cáo tỳ kheo. Tỳ kheo bẩm cáo đức Phật. Đức Phật nói với Tất Sô ni: “Ví như đồng thịt này bỏ nơi ngã tư đường, hết thấy chim, thú tụ tập tới, nữ nhân cũng như vậy. Vì thế, các Tất Sô ni không nên ở nơi A Lan Nhã trong rừng”.

Rồi đó, các tỳ kheo ni liền vào thành Thất La Phiệt, ngồi nơi đường lớn, nhưng vẫn thường xuyên bị các ác nam tử và kẻ trộm gây phiền nhiễu, họ bẩm cáo lại đức Phật, Phật dạy: “Phải lập tự viện cho tỳ kheo ni”. Đó chính là duyên khởi việc tỳ kheo ni được trú trong tự viện chùa chiền.

Sai Ma, Liên Hoa tỳ kheo ni độ hóa kẻ ác

Ngày xưa, trong thành Xá Vệ nước Câu Tát, có một bọn người phóng dật dâm loạn, chuyên làm những việc hung ác. Đương thời, nước này có rất nhiều tỳ kheo ni, ngồi dưới gốc cây trong rừng sâu tĩnh chuyên tu tập tư duy chính đạo, không xả tâm hoài. Trong số tỳ kheo ni đó, người có trí tuệ đệ nhất, tên gọi Sai Ma, người có Thần túc đệ nhất tên gọi Liên Hoa Tiên, họ đều có riêng đặc đức, thần uy lâm liệt.

Một ngày, trời rất nóng, họ cùng đến bên hồ tắm. Bọn hung đồ từ xa thấy được, sinh khởi ác tâm tà dâm, muốn đến xâm phạm.

Bọn họ liền núp nơi tối tắm chờ đợi, ý muốn xâm hại tỳ kheo ni. Khi các tỳ kheo ni cởi áo xuống nước tắm, chúng liền lấy trộm y phục của họ, bỏ ở nơi xa. Lúc bấy giờ, tỳ kheo ni rất thương xót chúng nên liền móc cặp mắt ra, đặt nơi bàn tay, nói với chúng: “Các người muốn ta, đâu không phải vì muốn diện sắc này của ta. Hiện nay mắt ta đã mù, có gì đáng mê nữa đâu?”. Tỳ kheo ni vận dụng thần thông, đem lục phủ ngũ tạng, chân, tay của cơ thể tách rời mỗi bộ phận một nơi, đặt qua một bên, rồi bảo chúng: “Thân thể đẹp đẽ các người nhìn thấy bây giờ ở đâu?”. Bọn người hung ác nhìn thấy hình ảnh như vậy, tự nhiên cảm thấy ghê sợ, hiểu ra thế gian vô thường, tự nghĩ đến thân tâm mình cuối cùng rồi cũng hóa thành bộ xương khô, máu me dơ bẩn không sạch, không có gì đáng để tham lam, chúng vội trả lại y phục cho tỳ kheo ni, dập đầu sám hối sở tạo ác nghiệp, xin thọ ngũ giới, và đến trước đức Phật thành tâm sám hối tội nghiệp.

Thần biến của Liên Hoa Sinh đại sĩ

Thủy tổ của Tạng Mật là Liên Hoa Sinh đại sĩ, do nhân duyên ra đời của ngài rất đặc thù, được sinh ra từ hoa sen trong biển lớn, nên còn được gọi là Hải sinh Kim Cang. Vào năm 747 CN, theo lời mời của Tạng vương Xích Tùng Đức Tán, cùng với tịch họ Liên hoa giới đến Tây Tạng, sáng lập nên tòa chùa Phật đầu tiên ở Tây Tạng: Tang Gia tự.

Liên Hoa Sinh đại sĩ từ Ấn Độ tới Tây Tạng, trên đường thị hiện các loại thần thông uy mãnh, hàng phục sơn thần, địa thần và la sát. Ở những nơi ngài đi qua, khiến họ đều quy y Phật pháp, thị hiện rất nhiều sự tích thần thông kỳ dị.

Thoạt đầu, Liên Hoa Sinh đại sĩ cùng vợ là Mạn Đạt La Quế công chúa quan sát thấy nhân duyên điều phục giáo hóa



Liên Hoa sinh đại sĩ

nước quê hương là nước Ô Trương Na đã đến, bèn cùng nhau trở về nước Ô Trương Na.

Vào thời quá khứ, khi Liên Hoa Sinh đại sĩ còn làm Thái tử của Liên hoa vương, vì nhân duyên bí mật, có duyên cớ muốn thị hiện tâm từ bi nên đã từng giết con nhỏ của chư hầu và vợ con của Ma thần Ngô Ba Đạt, nhưng nhân dân nước Ô Trương Na không hiểu nguyên nhân. Vì thế, khi dân chúng thấy Liên Hoa Sinh đại sĩ mang theo vợ Mạn Đạt La Quế công chúa về đến Tổ quốc du hóa, trong tâm bọn họ liền ngờ vực: “Hiện nay, Liên Hoa Sinh có phải lại muốn quay về để hại người? Tên con của ác ma này thật ra muốn hại mọi người tới khi nào? Hắn muốn đất nước này rối loạn đến thế nào nữa đây?”

Toàn thể nhân dân đang bàn tán xôn xao: “Tên Liên Hoa Sinh sau khi trở về nước chúng ta, mọi người sẽ khó được yên ổn, tốt nhất phải đuổi hắn đi!”

Các ý kiến ồn ào phản ánh tới tai các đại thần, các đại thần vào triều kiến quốc vương, dâng lời can quốc vương: “Đại vương, Liên hoa vương thái tử lại muốn quay về nước chúng ta hoá duyên, điều này không phù hợp với lệnh trục xuất hắn! Nếu xét từ mọi chuyện trước kia, hắn nhất định là hóa thân của ác ma, chúng ta tuyệt đối không thể để hắn quay về nước chúng ta, tiếp tục gây nguy hại cho tính mệnh mọi người!”

Quốc vương bị sự hợp sức tấn kiến của các đại thần, hiểu rằng nhân duyên này rất nan giải, đành đáp: “Các vị đại thần, các người không cần phải nói gì thêm, ta hoàn toàn hiểu ý các người, ta sẽ không lập lại sai lầm. Ta hạ lệnh mỗi nhà phải nộp một khoanh Chiên Đàn hương, với một đấu dầu xanh, đem Liên hoa vương thái tử và vợ hắn ta, trói cả hai bỏ vào lửa thiêu chết! Tránh họ làm nguy hại nước nhà”. Tuy trong lòng quốc vương rất đau xót tuyệt vọng khi nói những lời ấy.

Chiếu lệnh quốc vương ban xuống, mọi người vội bắt hai vợ chồng Liên Hoa Sinh đại sĩ, dùng dây trói thật chặt, chuẩn bị

dùng gỗ Chiên Đàn và dầu xanh thiêu cháy. Bọn người mau lẹ chất gỗ Chiên Đàn dựng thành đàn hỏa, rồi rưới dầu lên sửa soạn đem đốt cháy.

Thời trước đây để thiêu chết một người, thường chỉ cần 3, 4 ngày là xong, dù dùng thanh gỗ dài nhất, nhiều lăm cũng chỉ 7 ngày là cháy hết. Nhưng lần này, họ dùng lửa to thiêu vợ chồng Liên Hoa Sinh đại sĩ, sự việc xảy ra khác hẳn. Lửa liên tục đốt trong 21 ngày khói vẫn mù mịt không tan, toàn bộ kinh đô nước Ô Trượng Na bao trùm trong làn khói dày đặc kỳ quái. Vua Đa La Bộ Đề cảm thấy hết sức kỳ dị, vội sai người đến tra xét.

Người đi tra xét, đi rất lâu không quay về. Vua tôi Đa La Bộ Đề đích thân tới hỏa đàn đã cháy trong 21 ngày. Bọn họ đến hiện trường, chỉ vẫn thấy người được đi tra xét đang ngẩn ngơ đứng đó, miệng thì há to, nhưng không thốt được lời nào.

Trên mặt đất, dầu chảy tràn ra một vũng lớn, ở giữa của lớp dầu xuất hiện một cái ao. Trên mặt ao, các thanh gỗ cháy rực to như cái màn trướng, trên gỗ cháy mọc ra một đóa hoa sen, vợ chồng Liên Hoa Sinh đại sĩ đang ngồi trên nhụy hoa bên trong màu da của họ vô cùng đẹp dễ trang nghiêm, tỏa ra một mùi thơm vi diệu khó mà hình dung được, chuỗi sáu đầu lâu quàng trên đỉnh đầu họ, hiển thị họ đã chứng đắc sự thù thắng của thành tựu pháp thân, và có thể độ thoát thần thức của hết thấy hữu tình chúng sinh một cách tự tại.

Khi vua tôi nọ nhìn được cảnh tượng thù thắng ấy, không còn kinh ngạc nữa, trái lại rất chấn động kinh sợ, nhưng trong lòng lại cảm thấy an lành. Nam phụ lão ấu toàn quốc nghe tin, lũ lượt kéo đến xem cảnh tượng bất khả tư nghị được Liên Hoa Sinh đại sĩ thị hiện.

Bấy giờ, mặt đất bỗng nhiên tách đôi, từ trong đó vọt ra một tòa cung điện thất bảo huyễn hóa, trong cung điện hiện

ra kí hiệu chữ “Ohm” lan rộng khắp, rồi biến thành liên hoa bảo tọa trang nghiêm, trên tòa sen hiện ra chữ chủng tử tâm ý Kiên Lao Địa Thần, rồi chữ này lại biến thành tiêu chí thế cú tam muội gia của Kiên Lao Địa Thần như “Bình bấu”; bình bấu dưới ánh hào quang chiếu rực rỡ, hiện ra Kiên Lao Địa Thần trang nghiêm, trên đầu ngài đội mào quý anh lạc trang nghiêm, thân mặc áo Kiệt Ma bảo y vi diệu trang nghiêm, tay bưng bình bấu thất bảo đựng đầy hương hoa cúng dường lên Liên Hoa Sinh đại sĩ, quyền thuộc của Địa Thần bao bọc chung quanh Địa Thần như để bảo hộ.

Nhân dân Ô Trượng Na lập tức bị thần biến bất khả tư nghì của Liên Hoa Sinh đại sĩ hàng phục, quy y Phật pháp.

CẢM ỨNG MAY MẮN CỦA HOA SEN

Tướng quý của Huyền Trang đại sư trước khi nhập diệt

Huyền Trang đại sư triều Đường trước khi nhập diệt, từng thị hiện tướng quý hoa sen.

Năm Huyền Trang đại sư 63 tuổi, đại chúng đệ tử thỉnh cầu đại sư phiên dịch “Đại Bảo Tích kinh”, Đại sư từ chối nói: “Duyên phận của kinh này với Trung Quốc chưa đến, dù miễn cưỡng phiên dịch, cũng không quá nổi 5 dòng”. Nhưng vì sự cầu khẩn của đại chúng, ngài cố miễn cưỡng dịch, quả nhiên dịch tới dòng thứ 4 phải dừng bút.

Huyền Trang đại sư nói với đại chúng: “Ở đời hữu vi, nhất định qui về tịch diệt, thân huyền không bọt nước, sao có thể dừng lâu” Ta năm nay đã 63 tuổi, chắc chắn chết ở chùa này, nếu đại chúng còn có nghi hoặc kinh luận, hãy mau hỏi ta, để sau này hối hận không kịp”.

Đồ chúng thấy pháp sư thân thể khỏe mạnh, vả lại, tuổi cũng chưa quá già, mà lại nói ra lời như vậy, mọi người cảm thấy kỳ lạ.

Một hôm, đệ tử của pháp sư là Huyền Giác, nửa đêm nằm mơ thấy một tòa tháp gỗ lớn, cao vọt hiển hách, trang nghiêm hoa lệ, muốn đến gần chiêm ngưỡng, nhưng đột nhiên tháp sụp đổ chấn động, Huyền Giác giật mình tỉnh giấc, khi tham lễ Huyền Trang đại sư, thuật lại giấc mộng kỳ dị. Pháp sư dạy: “Đó là việc của ta, không liên quan gì người, người không nên lo lắng sợ hãi”.

Tháng 9, pháp sư nói với chủ trì chùa: “Ta nay sẽ đi, trong kinh nói: thân này là ác, giống như con chó chết, sau khi ta xả bỏ thân mạng, đừng đặt ở chùa, nên để nơi núi non thanh tịnh, làm một cỗ áo quan bỏ thân ta vào. Theo sở thuyết trong kinh giáo đem thiêu ta, đó là tốt nhất”. Chủ trì chùa nghe rất kỳ lạ, đang khỏe mạnh đó, sao lại dặn dò chuyện hậu sự?

Tối ngày hôm đó, trời sắp tối, pháp sư tới hậu phòng, khi đi qua một con mương nhỏ, bị thương ở chân. 4 ngày sau, ngài thị hiện lâm bệnh nằm trên giường. Bấy giờ, pháp sư nhắm mắt hay mở mắt đều thường thấy hoa sen trắng, lớn như mâm, tươi tắn sáng sủa, có vô lượng trăm ngàn chúng nhân, thân hình vĩ đại, mặc áo gấm, hoa báu trang nghiêm phòng pháp sư đang ở, cả trong ngoài dường, điện nơi dịch kinh, cho đến cả khu trần bảo trang trí, các loại âm nhạc mỹ diệu được tấu lên.

Sau đó, pháp sư thấy ở ngoài cửa có vô số xe báu, cơm ngon trăm món và các loại danh hương quả được, vốn không thể có ở dân gian, những thứ này đều đưa đến dâng lên pháp sư. Pháp sư từ chối: “Thọ dụng cúng dường này ắt phải là người đầy đủ lực thông mới có thể thọ nhận, ta chưa có đức lớn, không dám thọ nhận”.

Dù pháp sư từ chối, nhưng thiên nhân vẫn dâng lên không ngớt. Thị giả tỉnh giấc, thuật lại đầy đủ mọi việc cho đại

chúng trong chùa nghe, đêm đó, trăng trên trời sáng rực, rừng cây trước viện dịch kinh biến thành lông trắng. Lại nhìn thấy hai người, chuẩn bị các loại thức ăn, bằng núi vượt cốc, giống như đang tìm đến dâng cúng lên.

Ngay sau, chủ trì chùa mơ thấy vô số tượng vàng, như ngàn vị Phật, xuất hiện trên hư không của viện dịch kinh.

Không lâu sau, pháp sư hướng về tự chúng và môn đồ, hy vọng đại chúng được hoan hỷ từ biệt quyết đi, báo rằng bản thân sẽ vãng sinh nội viện đức Di Lặc. Những tăng nhân thị giả đi theo, thấy hai người cao lớn, mỗi người cao hơn tượng, mặc áo mao trắng, mỗi người dùng một tay cùng đỡ một đoá sen trắng lớn. Đài hoa ba tầng, rất xinh xắn, lớn cỡ bánh xe nhỏ, tới trước mặt pháp sư và thưa: “Pháp sư từ vô lượng kiếp đến nay, hết thấy nào loạn chúng sinh các loại định nghiệp báo nhân, nay pháp sư chỉ phải chịu bệnh nhẹ nhàng như vậy, liền được diệt trừ sạch, pháp sư phải nên hoan hỷ, đừng sinh phiền não”.

Pháp sư nhìn thấy hai người này, chấp tay hồi lâu, rồi xoay người lại, dùng hông bên phải đặt xuống giường, giống như tư thế Cát tượng Ngọa của đức Phật. Ngài nằm ở thế bằng như vậy cho đến khi mất, không hề nhúc nhích, nửa đêm, đệ tử hỏi pháp sư: “Hòa thượng có chắc được sinh lên cõi trời của đức Di Lặc không?” Pháp sư trả lời: “Chắc chắn được sinh”. Nói xong nhập diệt.

Quả báo việc dùng hoa sen cúng dường kinh điển

Quyển thứ 10 bộ “Pháp Hoa truyện ký” chép:

Xưa kia, ở ngoại quốc có một tòa tháp sắt, cao hơn tượng, trong đó có đặt Phạn tạng các kinh Phần Đà Lợi Gia A Sai Ma, Ma Ha Tỷ Lô Giá Na kinh..., mỗi kinh chép trăm ngàn bài kệ. Đương thời có vị Thiên nữ, đêm khuya thường đến đây, dùng hoa trời Mạn Đà La cúng dường tháp sắt. Một

vị khách du tỳ kheo, đêm khuya nghỉ ngơi dưới bóng tháp, gặp được Thiên nữ, hỏi nàng: “Nàng là ai?”

Thiên nữ đáp: “Ta là Diệu Hoa Thiên nữ cõi trời Đạo Lợi, thị nữ của Thích Đề Hoàn Nhân”.

Tỳ kheo hỏi tiếp: “Tại sao nàng tới đây cúng dường?”

Thiên nữ đáp: “Xưa kia, ta là cô gái ăn xin nghèo khổ, ở cạnh bờ ao mọc đầy hoa sen diệu tri tứ sắc. Các Bà La Môn nước ta thường hái hoa này, cúng dường các Phu Đa La Phần Đà Lợi Gia trong tháp, tuy ta không hiểu đạo lý chép trong đó, nhưng như đại chúng cũng hoan hỷ hái hoa cúng tháp, do thiện tâm này ta được sinh lên cõi trời Đạo Lợi, làm thị nữ của Đế Thích, theo nhân duyên đó nên có danh hiệu Diệu Hoa Thiên nữ, để báo đáp pháp ân nên ta thường xuyên đến đây cúng dường”. Dứt lời, Thiên nữ biến mất.

Sa môn tức thì bỏ y bát, mua hoa cúng dường tháp và kinh.

Tụng kinh pháp hoa lười nảy hoa sen

Quyển thứ 7 “Hoàng Tán Pháp Hoa truyện” chép tụng Diệu Pháp Liên Hoa kinh được quả báo lười nảy ra hoa sen. Truyện kể như sau:

Tăng nhân Thích Huệ Hương, đạo hạnh rất cao, mọi người đều biết, chỉ nhờ tụng kinh Pháp Hoa. Suốt đời không làm chuyện tạp nhạp, khi ông 102 tuổi, thân thể vẫn khỏe mạnh, không hề tật bệnh. Một ngày kia, bỗng nhiên ông bảo: “Bần đạo phải đi, xin từ biệt các đàn việt”. Dứt câu ngồi ngay ngắn mà mất.

Người trong làng khiêng ông đến giữa rừng, nhưng không dám chôn. Trải qua 17 ngày, thân xác ông bỗng tự nằm ngửa ra, chấp hai tay, nhục thân không hề hư hoại, thời gian càng lâu càng khô lại, người trong làng đặt xác ông mé bên phải động núi.

Đôi khi những người hái củi trên núi, vẫn nghe được tiếng tụng kinh không biết là ở đâu vang lại. Dương Châu Tổng quản Tư Mã Triệu Nguyên Khát, vì công vụ đi qua mộ Huệ Hương, thấy một cây hoa sen mọc trên mặt đất, cảm thấy kỳ lạ dò hỏi, người trong làng cho biết đó là mộ của pháp sư Huệ Hương, vị tăng lúc còn sống, tụng kinh Pháp Hoa, có lẽ nguyên nhân đó dẫn đến hiện tượng này. Họ Triệu cho khai quật mộ lên, thấy trong vụn xương trắng, lưỡi vẫn đỏ tươi mềm mại, không bị hủy hoại, từ lưỡi ấy, mọc lên hoa sen đỏ. Tin đến triều đình, triều đình lệnh cho xây một tòa tháp ngói bảy tầng ngay trên mộ Huệ Hương để người đời sau chiêm ngưỡng.

Phụ lục

GIẢI THÍCH MỘT SỐ TỪ NGỮ PHẬT GIÁO THƯỜNG GẶP TRONG SÁCH

1. ẤN (hay THỦ ẤN) nói chung là một dấu hiệu thân thể. Trong tranh tượng, các đức Phật thường được trình bày với một kiểu tay đặc biệt (trong sách này gọi là Thủ ấn), đây vừa là một cử chỉ tự nhiên, vừa là một dấu hiệu của tính chất Phật (Phật tính). Trong Đại thừa, các Thủ ấn (ấn bắt bằng bàn tay) đều có một ý nghĩa đặc biệt, nhất là trong các tông phái như Thiên Thai, Kim Cang thừa, các ấn này thường đi đôi với Man – tra (linh phù). Ngoài ra, các ấn này giúp hành giả chứng được các cấp tâm thức nội tại, bằng cách giữ vững những vị trí thân thể nhất định và tạo mối liên hệ giữa hành giả và các vị Phật hoặc Đạo sư trong lúc hành trì một nghi quỹ.

2. CHƠN NGÔN

1. Dịch sát nghĩa là “lời nói chân thật” biểu hiện của Chơn Như.
2. Chú, hay một Đà – la – ni (câu kinh ngắn có ý thâm nhiếp tất cả). Lời nói huyền nhiệm chứa đựng năng lực đưa đến kết quả siêu

nhien. Vốn xuất phát từ đạo Bà La Môn Ấn Độ. Có nhiều cách phiên âm Hán Việt như: Chú, Minh, Thần chú, Mật ngôn, Mật ngữ.

3. Gọi tắt tông Chơn Ngôn tông Á đông.

3. ANH LẠC

Xâu chuỗi bằng đá quý, hay ngọc. Đây là vật trang sức được các bậc quyền quý Ấn Độ đeo ở cổ, ngực, đầu. Chư Bồ Tát, các Thiên nữ cũng tự trang sức bằng những vòng anh lạc này.

4. ẤN CHUYỂN PHÁP LUÂN (Chuyển pháp luân ấn):

Tay trái hướng vào thân, tay phải hướng ra. Trong mỗi tay, ngón trỏ và ngón cái chạm vào nhau thành vòng tròn, hai vòng tròn đó chạm nhau. Chuyển pháp luân ấn thường được thấy nơi tranh tượng của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, A Di Đà, Đại Nhật và Di Lặc.

5. ẤN HỢP CHUỖNG (Hiệp chuông ấn):

Hai tay chấp trước ngực, sử dụng để tán thán, ca ngợi.

6. ẤN KIM CANG HỢP CHUỖNG (Kim Cang hợp chuông ấn):

Ấn này biểu tượng tín tâm bất động, vững chắc như kim cương.

7. BA ẢI (Tam quan):

Tức Thân, Khẩu và Ý là ba động cơ tạo nên Nghiệp của con người. Việc phòng hộ ba ải này rất được chú trọng trong đạo Phật.

8. BA LA MẬT

Được dịch từ chữ Phạn, có nghĩa là “đến bờ bên kia” (đáo bỉ ngạn) hoặc “viên mãn” hoặc “Độ vô cực” (đến nơi không giới hạn), “Độ” (vượt qua) “Sự cứu cánh” (viên mãn rốt ráo sự việc). Thuật ngữ đề cập đến pháp tu tập nền tảng Tính không của hàng Bồ Tát Đại thừa đưa chúng sinh đến bờ giải thoát.

9. BÁT NHÃ

Phiên âm chữ Phạn, có nghĩa là “trí huệ”, đặc biệt là trí huệ trong Phật pháp, nhận ra được nhân không và pháp không.

10. BA THẾ GIỚI

Ba thế giới của vòng sinh tử, là nơi loài Hữu tình tái sinh trong lục đạo (xem dưới), có thể hiểu là vũ trụ quan của đạo Phật gồm: Dục giới (thế giới còn có ái dục về giới tính những ái dục khác), Sắc giới (các vị ở đây thuộc nam tính, đã chấm dứt mọi dục tính, ăn uống, nhưng còn có khoái lạc, vô sắc giới (thế giới được tạo dựng thuần túy bằng tâm thức)

11. BA THỪA (Tam thừa):

Ba cỗ xe đưa đến Niết Bàn, gồm: Thanh Văn thừa, Độc giác thừa và Bồ Tát thừa.

12. BẢO ỨNG

Kết quả, sự đáp lại, sự phản ứng. Mối quan hệ hoàn thiện của nhân và quả.

13. BẤT KHẢ TỰ TÁNH

Có nghĩa “không thể nào suy nghĩ, bàn luận ra được”, vượt ngoài lý luận; câu này dùng để tả cái tuyệt đối, chỉ có ai đạt giác ngộ mới biết. Cũng gọi là “Bất tư nghị”.

Phật Thích Ca khuyên: “Có bốn hiện tượng bất khả tư nghị, này tì khâu, bốn trường hợp mà người ta không nên suy ngẫm, đó là: năng lực của một vị Phật, Định lực, Nghiệp lực và suy ngẫm, tìm hiểu thế giới.

14. CAM LỘ

1/ Rượu của chư Thiên, uống vào thì khỏi già và chết.

2/ Ví dụ với giáo lý của đức Phật.

3/ Trước khi Phật giáo du nhập vào Trung Quốc, từ này có nghĩa là giọt sương thơm ngọt.

15. CAM LỘ PHÁP

Pháp như Cam Lộ, ví dụ cho giáo lý của đức Phật, nuôi dưỡng ngọt ngào cho thân tâm người tu tập.

16. CHƠN QUYẾT

Ý nghĩa sâu sắc nhất của Chơn Như

17. CHẤP TRƯỚC

Giữ chắc sự việc không thể buông xả. Ôm chặt. Nghĩ về điều gì và không thể quên được nó.

18. CHÚ

Dịch chữ Phạn, có nghĩa Thần chú Đà la ni, chỉ sức thâm nhiếp, câu thần chú, sự trì niệm thần chú, mạn đà la, đà la ni. Mạn đà la và Đà la ni thường thấy trong các kinh điển Đại thừa, đặc biệt được dùng nhiều trong các kinh văn Phật giáo.

19. CHỦNG TỬ

Hạt sống, hạt mầm, cũng có nghĩa là năng lực (chữ chủng tử có nghĩa là âm chữ mang theo năng lực huyền bí tự thân). Thuật ngữ này vốn chỉ cho hạt giống thực vật, nhưng dùng trong Phật giáo với ý nghĩa ẩn dụ: 1] Với một tôn giáo dựa vào thuyết “nhân quả” thì chủng tử ẩn dụ cho nhân của mọi vấn đề, đặc biệt là nhân gây ra phiền não. 2] Tiềm năng của một cái gì đó sẽ phát sinh. 3] Trong Du già hành tông, “chủng tử” là phương diện tiềm năng ẩn tàng của mọi cấu trúc tinh thần và vật chất được chứa sẵn trong A-lại-gia thức. Nó sẽ hiện hữu như là kết quả của những hành vi và điều kiện hiện hành. Chủng tử là kết quả của những tiềm năng mới, sẽ tiếp tục hiện hành và có một mối liên hệ trực tiếp với nhân duyên trước đó...

20. CHUYỂN PHÁP LUÂN

Chỉ lần đầu đức Phật Thích Ca Mâu Ni giáo hóa sau khi giác ngộ tại Lộc uyển. Lần đó, Phật giảng Tứ Diệu Đế và Bát chính đạo cho các tỳ khâu, những người cùng tu học với Phật trước khi Ngài thành đạo.

21. CƠ DUYÊN

1] Động cơ, cơ hội. 2] Cơ hội liên quan đến trạng thái tinh thần của người ta đang có liên hệ. 3] Chủng sinh. 4] Theo giáo lý Hoa

Nghiêm, là phẩm tính thiện ác có trong tâm trạng con người. 5] Thuật ngữ đề cập đến trạng thái chúng sinh được giáo hóa trực tiếp bởi đức Phật hay Tổ sư (đặc biệt trong Thiền tông) 6] Theo Thiền tông thì đây chỉ việc ứng dụng cơ hội và tùy thuận nhân duyên.

22. CỤ PHƯỚC

Bị ràng buộc, bị trói buộc, vướng mắc trong phiền não.

23. CÚNG DƯỠNG (CUNG DƯỠNG)

Còn gọi là cung thí và cung cấp: 1] Cung dưỡng việc dâng cúng thực phẩm y phục... cho đức Phật, chư Tăng, Giáo thụ sư, ông bà. 2] Một nghi lễ đặc biệt để đánh dấu những việc như xây chùa, dựng tượng, in kinh (ấn tống).

24. DẠ XOA (hay Được xoa)

Là một loại thần. Kinh sách có khi nhắc đến loài này, gồm hai loại chính: 1] Loài thần, có nhiều năng lực gần giống như chư Thiên. 2] Một loài ma quỷ hay phá các người tu hành.

25. DANH TƯỚNG

Có hai nghĩa:

1] Danh và sắc, tên gọi và hình dáng, thấy được bằng mắt và nghe được bằng tai.

2] Để gọi một giả danh.

26. DIỆT ĐỘ

1] Niết Bàn 2] Sự hoại diệt hoàn toàn mọi khổ đau thể xác và tinh thần. 2] Sự nhập diệt của đức Phật. 4] Sự không tồn tại, sự chấm dứt.

27. DO TUẦN

Đơn vị chiều dài của Ấn Độ cổ hay được dùng trong kinh sách đạo Phật. Đó là khoảng cách binh sĩ đi một ngày đường, khoảng 18 – 20 km hay 16 dặm (lý) của Trung Quốc.

28. ĐÀ LA NI

Có nghĩa là “thâu nhiếp tất cả”. Câu kinh ngắn mang sức mạnh siêu nhiên. Đà – la - ni có thể là đoạn kết một bộ kinh, cũng có thể đại diện một trạng thái tâm thức để khi hành giả niệm đến, có thể đạt đến tâm thức đó. Thông thường Đà – la – ni dài hơn Man tra (Mật chú).

29 ĐẠI SĨ

Cách dịch nghĩa của danh hiệu Bồ Tát.

30. ĐỐN NGỘ

Giác ngộ ngay lập tức, ngay bây giờ, ngược với Tiệm ngộ (giác ngộ từ từ, chậm rãi). Phép tu đốn ngộ được đề xướng bởi Nam tông thiền (Huệ Năng)

31. GIÀ LAM

Gọi tắt của Tăng – Già – Lam - Ma nghĩa là “khu vườn của chúng tăng”, “chúng viên”. Là nơi thanh tịnh để tu tập thiền định. Chùa hay tu viện Phật giáo.

32. HỢP CHUÔNG

Chấp hai tay trước ngực, một cách chào hỏi của các dân tộc Á châu. Khi chấp tay lại, người ta có thể cảm nhận được, dù chỉ là một khoảnh khắc, âm dương dung hòa, trí phân biệt gián đoạn.

33. HỒNG

Âm của chữ “hùm” trong tiếng phạn, được coi là chủng tử chung của các Thần, thường được dùng trong các Man tra và Đà-la-ni.

34. HỮU TÌNH

Toàn thể chúng sinh. Ví dụ: thế giới hữu tình: thế giới của toàn thể chúng sinh.

35. KỆ

Gọi đầy đủ là Kệ đà, cũng được gọi là kệ tụng, tụng.

36. KHẨU QUYẾT

Sự truyền miệng tinh yếu giáo pháp từ thầy cho đệ tử.

37. KHẨU TRUYỀN

Giáo pháp truyền miệng, khác với giáo pháp lưu truyền bằng kinh điển. Sự mật truyền, khác với công truyền.

38. LIÊN

Phạn gọi là Padmā, phiên âm Bát Đầu Ma: sen, hoa sen, cây sen (xem liên hoa).

39. LIÊN BANG

Nước hoa sen, tên gọi thế giới cực lạc của Phật A Di Đà. Chúng sinh ở các cõi nhờ niệm Phật A Di Đà nên khi mãn phần được sinh về cõi cực lạc. Sinh về cõi ấy, người ta ở trong hoa sen, mỗi người ngồi trên một tòa sen nên gọi cõi cực lạc là liên bang.

40. LIÊN CUNG

Tên gọi cõi Liên hoa tạng thế giới, tức cõi tịnh độ của Hoá thân Phật. Liên cung còn có nghĩa: trong lòng hoa sen, tức liên phòng: trung tâm của hoa sen do tám cánh bao bọc bên ngoài.

41. LIÊN ĐÀI

Đài sen, tòa sen. Mặt hình tròn bằng phẳng của hoa sen; Phật, Bồ Tát đứng hay ngồi trên ấy. Tòa giống hình đài sen trong điện thờ, trên đặt cốt Phật, Bồ Tát.

42. LIÊN HOA

Hoa sen, cây sen, gọi tắt: Liên, cũng gọi tắt: Hoa. Hoa sen trong sạch, thơm tho nhất trong các thứ hoa, lại thêm có 4 đức tính đặc biệt:

1. Ở chỗ bùn lầy mà không ô nhiễm.
2. Hoa và quả cùng kết thành một lượt.
3. Các loài ong bướm không hút nhụy từ hoa sen.
4. Các phụ nữ không trang điểm bằng hoa sen.

Ở Ấn Độ có 4 loại sen: Ưu Bát La màu xanh, Câu Vật Đầu màu vàng, Ba Đầu Ma màu đỏ, Phân Đà Lợi màu trắng.

43. LIỄU NGHĨA

Hiểu biết trọn vẹn ý nghĩa một sự việc hoặc một nguyên tắc.

44. LIỄU TRI

Hiểu biết trọn vẹn, rõ ràng, nhận thức đầy đủ, nhận biết, thấu hiểu.

45. LỤC ĐẠO

Sáu đường tái sinh; chỉ các đời sống trong luân hồi, trong vòng sinh tử. Người ta chia ra ba “thiện đạo” và ba “ác đạo”. ba thiện đạo gồm có Người, Trời và A-tu-là. Ba ác đạo gồm có: Ngạ quỷ, Địa ngục và Súc sinh.

46. LỤC HỢP

Gồm sáu việc: trên trời, dưới đất và bốn hướng; nói cách khác, là toàn thể vũ trụ.

47. LÝ SỰ (Lý và Sự)

Nguyên lý và hiện tượng. Mối quan hệ giữa hai phạm trù này tương đương với sự tương quan về Thể và Dụng.

48. MẠN-ĐÀ-LA

Nguyên ngữ là “vòng tròn, vòng cung”. Một khái niệm quan trọng của Phật giáo Tây Tạng và Kim Cang thừa. Đó là biểu tượng của vũ trụ và lực lượng trong vũ trụ được diễn tả bằng những tranh vẽ. Người ta sử dụng Mạn-đà-la để tập trung thiền định, nó là điểm xuất phát của nhiều phương pháp quán đỉnh. Tại Tây Tạng, người ta hiểu Mạn-đà-la là “trung tâm và ngoại vi”, là cơ sở để hiện tượng hợp nhất với bản thể. vì vậy, trong một Mạn-đà-la, người ta thường thấy vô số cảnh vật, hình tướng khác nhau, nhưng chúng nằm trong một tranh vẽ duy nhất với thứ tự trên dưới rõ rệt.

49. MAN TRA

Là một số âm, chứa đựng sức mạnh đặc biệt của vũ trụ hoặc biểu hiện nào đó của Phật tính. Trong nhiều trường phái Phật giáo, Man tra hay được lập lại trong các buổi tu tập hành trì, đặc biệt trong Kim Cang thừa ở Tây Tạng. Ở đây Man tra trở thành phương tiện trợ giúp tâm thức hành giả được tác động qua âm thanh do sự tụng niệm cùng với giữ Ấn (nên cũng có khi được dịch là Chơn ngôn).

50. NGHIỆP

Khái niệm quan trọng trong Phật giáo, dùng chỉ qui định chung nhất về nguyên nhân và kết quả. Theo đạo Phật, mỗi tác động (Nghiệp) – dưới một điều kiện nhất định – sẽ tạo thành một quả. Khi quả đó chín, nó sẽ rơi lại người tạo ra nó. Muốn thành quả, một nghiệp phải là tốt (thiện) hay xấu (bất thiện) và là một hành động cố ý. Vì sự cố ý đó, một nghiệp để lại một dấu vết nơi tâm thức của người tạo nghiệp và tâm thức đó sẽ hưởng theo những sự tạo tác của chính mình. Quan điểm về nghiệp của Phật giáo không đồng nghĩa với thuyết cho rằng mọi sự đều được quyết định sẵn (thuyết định mệnh). Nghiệp làm cho con người tái sinh trong một cuộc đời, một hoàn cảnh nhất định, nhưng hành động con người trong cuộc đời đó vẫn có sự tự do. Nghiệp sinh ra hoàn cảnh, còn sự phản ứng đối với hoàn cảnh này lại do con người.

51. NHẤT THIẾT

Toàn thể, tất cả. Phổ biến.

52. PHÁP MÔN

Giáo lý Phật pháp, học thuyết, chính pháp. Giáo lý của đức Phật. Cánh cửa dẫn đến giải thoát, giác ngộ.

53. PHÁT NGUYỆN

Phát khởi tâm nguyện (cứu độ tất cả chúng sinh). Phát khởi tâm nguyện đạt đến giác ngộ hoặc vắng sinh Tịnh độ.

54. PHẬT CỐT

Phần xương (tinh túy) của đức Phật còn lưu lại sau khi trà tì. Thường gọi là Xá lợi (phiên âm chữ Phạn)

55. PHỆ ĐÀ

Phiên âm chữ Veda từ tiếng Phạn, là kinh văn căn bản của Bà La Môn Ấn Độ giáo

56. PHƯỢC (PHỘC)

- 1] Giữ lại, trói buộc, cột lại, buộc chặt.
- 2] Ràng buộc, mối ràng buộc.

57. QUÁN ĐỈNH

- 1] Nghĩa đen là rưới nước lên đầu
- 2] Nghi thức tôn giáo long trọng.

58. SA BÀ THẾ GIỚI (hay thế giới Ta Bà)

Còn được dịch nghĩa là Thế giới Kham nhẫn, là cõi của con người, chịu nhiều khổ đau nên phải kham nhẫn tu học để đạt chính quả.

59. SÁT NA

Một khoảng thời gian rất ngắn, đơn vị thời gian của một niệm, một ý nghĩ.

60. TAM MUỘI

Dịch âm, dịch nghĩa là Định. thuật ngữ dịch âm từ chữ Phạn Samùdhi, có nghĩa là “Gom lại” “Phối hợp tâm”, “Tĩnh lự một cách chuyên chú”, “Hấp thụ hoàn hảo”. Một cung bậc tập trung Thiền định cao.

61. TAM THẾ PHẬT

Chỉ Phật quá khứ, hiện tại và vị lai, đó là các vị Ca-Điếp, Thích Ca Mâu Ni và Di-Lặc (có chỗ coi Phật Nhiên Đăng là Phật quá khứ).

62. THA LỰC

Lực từ bên ngoài, lực của người khác. Được hiểu là sức cứu độ của Phật A Di Đà, theo quan điểm của Tịnh độ tông là vị sẽ tiếp dẫn những ai cầu xin ngài. Tha lực, được dùng đối ngược lại từ Tự lực.

63. THẦN CHÚ

Một cách dịch chữ Man tra hoặc Dhàmani từ chữ Phạn sang tiếng Hán. Tức chơn ngôn, Đà la ni, Mantra.

64. THÙ THẮNG

Có ba nghĩa tùy văn cảnh:

1. Đặc biệt, ưu tú.
2. Tuyệt hảo nhất trong một nhóm vật.
3. Giác ngộ.

65. TU DI SƠN (núi Tu Di)

Theo vũ trụ quan của Ấn Độ cổ thì núi Tu Di là trung tâm của vũ trụ và là nơi ở của chư Thiên. Theo quan niệm Phật giáo, chung quanh núi Tu Di là biển cả và lục địa bao bọc, dưới núi Tu Di là cõi của loài Nga quỉ, phía trên là tầng của các Thiên cao cấp, các tầng Sắc giới cũng như các tầng Vô sắc giới Tịnh độ.

66. TRÀ TÌ

Lễ hỏa thiêu xác chết của tín đồ Phật giáo, phiên âm từ chữ Phạn Jhapita.

67. XÁ LỢI (XÁ LỊ)

Chỉ chung những gì còn sót lại sau khi thiêu thân Phật Thích Ca hoặc các bậc đức đạo, thường được thờ trong các tháp hoặc chùa chiền.

(Phụ lục này dựa theo tư liệu các sách:

1. Từ điển Phật học của nhóm Đạo Uyển
2. Phật học từ điển của Đoàn Trung Còn
3. Từ điển Phật học Hán Việt của nhóm Kim Cương tử).

Mục lục

Lời đầu sách	5
CHƯƠNG I	
Thế giới của hoa sen	17
CHƯƠNG II	
Ý nghĩa của hoa sen trong Phật giáo	43
CHƯƠNG III	
Chư tôn dùng hoa sen làm vật cầm tay	88
CHƯƠNG IV	
Hoa sen và pháp khí Phật giáo	113
CHƯƠNG V	
Hoa sen và nghệ thuật Phật giáo	131
CHƯƠNG VI	
Tích xưa về hoa sen trong Phật điển	165
Phụ lục	184

TOÀN TẬP GIẢI THÍCH HÌNH TƯỢNG HOA SEN PHẬT GIÁO

Nguyễn Tuệ Chân *biên dịch*



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Nhà số 4, lô 11, Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT : 04. 5566701 - 5566719 - Fax : 04. 5566702



Chịu trách nhiệm xuất bản : **HÀ NGỌC THO**

Biên tập : **Trần Xuân Lý**

Trình bày : **Thanh Lan**

Vẽ bìa : **Hs. Quốc Ân**

Sửa bản in : **Trịnh Hòa**



CÔNG TY CP VĂN HÓA VĂN LANG - NS. VĂN LANG

40-42 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM

ĐT : 8.242157 - 8.233022 - Fax : 84.8.235079



In 1000 cuốn khổ 14,5x20,5cm tại Cty Cổ phần Văn hóa Văn Lang

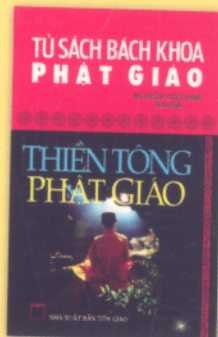
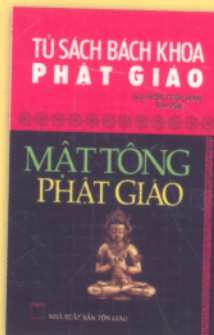
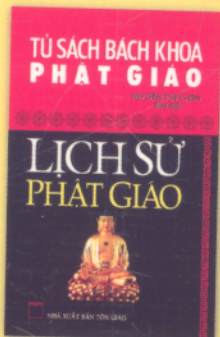
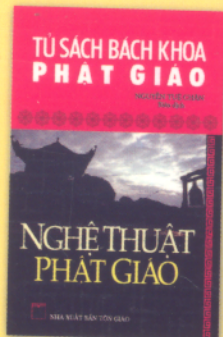
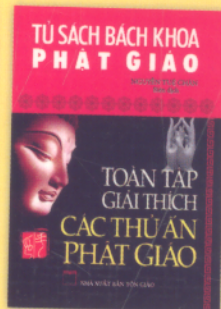
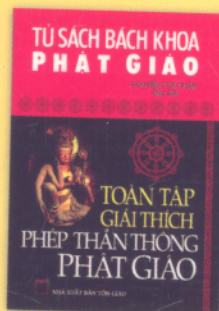
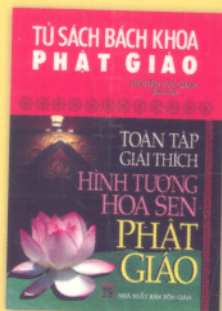
Số đăng ký KHXB 343-2008/CXB/333-140/TG ngày 22.01.2008.

QĐXB số: 410/QĐ-TG ngày 05.06.2008.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2008.

TỦ SÁCH BÁCH KHOA PHẬT GIÁO

HÌNH TƯỢNG HOA SEN PHẬT GIÁO



CTY CP VH VĂN LANG

Phật giáo
VĂN LANG

VP 88.40-42 Ng.T.M.Khai, Q.1 * ĐT: 8242157 - 8233022 * Fax: 8235079
8T.88.01 Q.Trung Q. CVấp * ĐT: 9894923 - 9894924 * Fax: 9894922
88 9 Phan Đăng Lưu, Q.ĐT * ĐT: 2437584 - 8413306 * Fax: 8413306
Email: vanlangat@yahoo.com * Website: www.vanlangbooks.com



8 935073 051609

Giá: 32.000đ